

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Võ Kỳ Điền**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Võ Tấn Phước. Sinh ngày 31.10.1941 tại Dương Đông, Phú Quốc.  
Từ nhỏ đến lớn sống ở Bình Dương (Thủ Dầu Một). Hiện ngụ cư tại Montréal Gia Nã Đại.

#### **Tác phẩm**

Kẻ đưa đường (tuyển tập truyện ngắn), Pulau Bidong, Miền Đất Lạ (truyện dài).



### **Mục Lục**

Thanh Tâm Tuyền, tỉnh Bình Dương và...- 2

**Chuyện thật ngày xưa – 5**

Bình Dương, một ngày tái ngộ - 11

**Bác Năm hớt tóc – 18**

#### **Phụ đính I :**

Cây sầu riêng vườn cũ

Võ Kỳ Điền kẻ đưa đường lãng trí – Luân Hoán

Có những cơn sóng

Vài nhận xét thế giới văn chương Hồ Trường An

Thảo mộc trong cổ văn Việt Nam

#### **Phụ đính II :**

**Kẻ đưa đường - Một thời để yêu**

**Nụ hôn đầu - Rêu phong mấy lớp**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Thanh Tâm Tuyền, tỉnh Bình Dương và ngày tháng dạy học

Bất ngờ tôi được tin buồn thi sĩ Thanh Tâm Tuyền vừa từ trần lúc 11 giờ 30 sáng ngày 22 tháng 3 năm 2006 vì bị ung thư phổi, tại tiểu bang Minnesota. Thời gian vừa qua, một bạn thân, anh Nguyễn Hữu Chung (Montréal), cũng mất vì chứng bệnh này, mặc dù anh không bao giờ hút thuốc và rất kỵ những người hút thuốc ở gần. Hai người tôi quý mến, một là thầy, một là bạn cùng mất vì một chứng bệnh, nhưng với thầy Thanh Tâm Tuyền, thì tôi không ngạc nhiên bởi vì thi sĩ có thói quen hút thuốc lá loại nặng và thường xuyên từ lúc còn trẻ, dù vậy vẫn khiến tôi xúc động.

Thanh Tâm Tuyền được coi như là người khởi đầu cho thơ tự do, để lại nhiều dấu ấn trong dòng sinh hoạt văn học miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Thơ lẫn văn của ông lạ kỳ, bí hiểm, khó hiểu, đặc biệt được viết bằng một bút pháp mạnh mẽ, lạ lùng, ngang tàng. Thơ thì không phải thơ (thường), văn thì không phải văn (thường), không được phổ biến rộng rãi, độc giả phải thuộc giới kén chọn. Tập thơ đầu tay *Tôi Không Còn Cô Độc* của thi sĩ nổi tiếng như vậy mà phải bị nằm ngoài lề đường dầm mưa dãi nắng, để bán với giá rẻ 5 đồng bạc..., mà cũng ít người mua. Thời đó *Văn Nghệ Tiền Phong* có loạt bài châm biếm, gọi đó là lối thơ hủ nút, trêu chọc với hình vẽ thi sĩ mái tóc hớt cua...

Một hiện tượng nghịch lý kỳ lạ là dù lối viết của ông khó hiểu nhưng đa số văn nghệ sĩ, những người sinh hoạt trong giới văn học nghệ thuật đều công nhận Thanh Tâm Tuyền là người có tài năng thực sự, một bản lãnh thực sự và là một cây bút lãnh đạo hàng đầu của nền văn học Việt Nam Cộng Hòa. Ông viết tương đối không nhiều (3 tập thơ và 7 tập truyện) nhưng ảnh hưởng của ông cực kỳ sâu sắc và lâu bền. Theo tác giả Trần Khải của *Việt Báo* thì chính những dòng chữ của Thanh Tâm Tuyền đã thúc đẩy hay xô tới để văn học Việt Nam thêm một đà phóng tới... Thanh Tâm Tuyền đã viết những dòng chữ lạ thường giữa một thời đại cũng hết sức lạ thường của dân tộc Việt Nam.

Ngay sau khi thi sĩ nằm xuống, nhiều nơi ở hải ngoại, những người sinh hoạt trong giới văn học nghệ thuật đã trân trọng làm lễ tưởng niệm nhà thơ như một cảm mến, thương nhớ, cảm ơn và từ biệt Thanh Tâm Tuyền — nhà thơ, nhà văn, người lính, người tù cải tạo...

Nhưng đối với riêng tôi, mãi mãi, Thanh Tâm Tuyền là một thầy giáo đức hạnh, được học trò hâm mộ, thương yêu và kính mến. Thầy cực kỳ thông minh, nhiều tài năng, kiến thức sâu rộng, tận tụy, tư cách xứng đáng, và nhứt là người thầy nhiều tình cảm thương mến học trò... Tôi xin trích dẫn một đoạn văn ngắn đã viết từ lâu (1985) để nhớ tới người Thầy cũ, đồng thời cũng đăng một bức thư của Thầy viết riêng cho tôi (1992), nhắc lại những ngày dạy học ở trường Nguyễn Trãi (Bình Dương), như là một kỷ niệm quý báu, để chúng ta cùng thấy được tấm lòng thương mến học trò của thầy.

(Một trích đoạn trong lời tựa tập truyện *Kẻ đưa đường* của Võ Kỳ Điền, viết trong mùa Giáng Sinh 1985)

*.... Lúc còn nhỏ bắt đầu lên trung học, tôi vẫn còn phải theo học một trường tư thục nhỏ bé ở tỉnh nhà. Ba má tôi vì thương con nên không muốn cho anh em tụi tôi đi học ở Sài Gòn. Tuy Sài Gòn chỉ cách Bình Dương vốn vẹn có ba mươi cây số. Đến bây giờ, nhiều khi hồi tưởng lại không biết đó là rủi hay may.*

Thời đó (1952 -1956...) Bình Dương chưa có trung học công lập. Trường Nguyễn Trãi là trung học tư thục duy nhứt. Ông hiệu trưởng cùng các giáo sư đa số là người địa phương. Như thầy Châu, chủ một sạp bán tạp hoá ở nhà lồng chợ, thầy Hoàng chủ nhà máy xay lúa, thầy Phổ thì làm việc ở tiểu khu chuyên thông dịch cho quân đội Pháp. Giữa năm đệ nhứt niên, trường có mời một giáo sư Sử Địa mới. Cả lớp xôn xao bàn tán vì thầy Ngô Đình Hộ là nhạc sĩ Lê Thương. Rồi vài tháng sau trường có thêm thầy Phạm Duy Nhượng. Tụi học trò lại có dịp điều tra lý lịch. Ông Nhượng là em ruột thạc sĩ Phạm Duy Khiêm và là anh của nhạc sĩ Phạm Duy.

Lúc đó tôi cảm thấy cả cái xứ Việt Nam này chỉ có trường tôi là hạng nhứt. Làm sao các trường khác, dầu là các trường lớn ở Sài Gòn có được những vị giáo sư giỏi giẩn như vậy. Vào những dịp nghỉ hè hoặc lễ tất niên, nhìn thầy Nhuận, người ốm ốm, cao cao, vóc dáng thanh tú, ôm đàn lục huyền, búng các ngón tay thon dài vào sáu dây thánh thót, tôi nhìn say mê ngây ngất. Tự dưng tôi muốn học đờn để thành nhạc sĩ. Nhưng đến năm sau, rồi năm sau nữa, trường có thêm các giáo sư ngoài Bắc mới di cư vô. Thầy Lê Xuân Khoa hết sức đẹp trai, nói năng thiết duyên dáng, cả lớp như bị thôi miên. Thầy Ngọc Dũng dạy vẽ, thường mặc áo xắn tay, giọng nói hơi cà lăm.

Nhưng người mà chúng tôi chú ý, bàn tán nhiều nhứt là thầy Dư văn Tâm, có bút hiệu Thanh Tâm Tuyền. Thầy Tuyền người tầm thước, lưng hơi khòm, da đen ngăm ngăm, mặt to vuông, cằm bạnh, miệng kín mà rộng, da mặt đầy mụn. Đặc biệt tóc hớt ngắn, thật sát như ở quân trường giống hình móng ngựa. Bàn tay mềm và đẹp với các ngón đều đặn hình mũi viết. Quyển *Bếp Lửa* rồi tới tập thơ *Tôi Không Còn Cô Độc* được lần lượt xuất bản. Vừa tung ra thị trường nó gặp nhiều phản ứng, chống đối kịch liệt. Càng bị đả kích, tên tuổi Thanh Tâm Tuyền càng sáng chói. Thầy giảng bài say mê. Nhiều khi đã hết giờ, thầy vẫn còn nán lại, chưa muốn chấm dứt bài giảng. Nhờ thầy Tuyền mà tôi biết mê cái thể giới văn chương với những nhận xét, độc đáo, kỳ lạ. Nhìn chung thì thầy Tuyền hơi xấu trai. Nhưng điều đó có gì quan trọng. Những lúc thầy giảng bài, cả lớp ở dưới trông lên không nháy mắt. Tôi nhìn bằng cả một cõi lòng say mê, kính phục. Càng ngắm, tôi càng thấy thầy đẹp trai hẳn ra. Cái tóc cũng đẹp, cái miệng thật có duyên, cái lưng khòm khòm, nghệ sĩ hết chỗ nói.

Mà đâu phải chỉ có mình tôi thấy như vậy. Hình như các chị ở trong trường, ai cũng đều ái mộ thầy hết. Người nào cũng kè kè cuốn *Tôi Không Còn Cô Độc* trong cặp sách. Lúc này tôi thôi muốn làm nhạc sĩ mà lại ước ao mai sau vừa được làm thầy giáo, vừa viết văn làm thơ.

Mười năm sau trở về trường cũ, nhìn cái sân lờm chờm đá đỏ, cái vườn có cây cau cây dứa, có con rạch cùng cạn nước, tôi bước vào lớp, đứng trên bục giảng ngày xưa, bùi ngùi nhớ lại giấc mơ thời mới lớn. Tôi, tài hèn sức mọn, chỉ thực hiện được có phân nửa điều mình ước ao. Cố gắng hết sức chỉ làm được tới thầy giáo. Một thầy giáo ở tỉnh nhỏ, tầm thường, an phận, không dám mơ ước điều gì cao xa. Đôi khi nổi hứng làm thử vài bài thơ, viết một hai truyện ngắn. Hôm sau, đọc lại thấy hơi kỳ cục, không dám gởi cho các báo. Đường vào làng văn khó hơn đường vô xứ Thục. Thôi, không thềm nghĩ đến, văn nghiệp chỉ dành riêng cho người có duyên. Mãi như vậy mà tôi lui cui đi dạy học cho tới ngày mất nước.

[...]

(Thư của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền gởi người học trò cũ)

St-Paul 18-1-92

Anh Võ Kỳ Điền,

Thư và sách anh gửi tặng đã đưa tôi trở lại Thủ Dầu Một, nhắc lại cho tôi những mảnh tình bị bỏ lạc đâu đó bằng cái ký ức bị nhồi nhét chật chội xô bồ. Tôi đã mất cả một ngày mới nhớ ra tên cụ Pháp, người đã xuống tận nhà tôi để đón mời tôi lên dạy vào mỗi cuối tuần (chiều thứ sáu, sáng thứ bảy?), giúp cho tôi có quyết định dứt khoát; bỏ trường công ra dạy trường tư — mặc dầu phải đi xa hơn. Tôi nhớ bấy giờ tôi vừa được gọi cho vào dạy tại trường Nguyễn Trãi (Sài Gòn) được nửa tháng và tôi đã trốn không tham dự việc phải hướng dẫn học sinh tham dự cuộc biểu tình trong ngày tuyên bố "Hiến Ước Tạm Thời" của ông Ngô Đình Diệm sau khi đã truất phế ông Bảo Đại (ngày 23 -10 -1955).

Lúc bấy giờ trường Nguyễn Trãi (Thủ Dầu Một) chưa xây cất thêm, lớp đệ tam có khoảng hơn 10 học sinh đặt trong ngăn phía sau ngôi nhà chính — mái ngói, sàn gạch tàu, vách ván; chỗ ở của ông bà cụ Pháp và 2 cô cháu gái mồ côi (?) — còn hai lớp đệ tứ, đệ ngũ đông hơn chiếm hai phòng lớn trong nếp nhà gạch cất kế sát bên trái nhà chính gồm ba phòng (phòng nhỏ ở đầu dãy dùng làm văn phòng). Giờ nghỉ các giáo sư thường ngồi ở bộ "sa lông" mộc kê ở gian giữa nhà chính trước trang thờ cao rộng trông ra khoảng sân trước nơi học sinh qua lại để đến

lớp, hai gian bên kê mấy bộ ngựa rộng mát nơi nghỉ ngơi buổi tối của các giáo sư ở Sài Gòn, Lái Thiêu lên.

Ở đây tôi gặp thầy Nhượng, thầy Lân, thầy Hoanh, thầy Thành, thầy Châu. Bà cụ Pháp nấu cơm cho chúng tôi ăn — tôi và thầy Lân (cùng ở Gia Định với tôi), thầy Hoanh (ở Lái Thiêu, tôi đã một lần vào thăm nhà thầy ở đây), thầy Thành (cũng dạy chung với tôi ở Nguyễn Bá Tòng Sài Gòn) — để chúng tôi đỡ mất công ra chợ. Tôi cũng nhớ lại những buổi tối ở lại đây, cụ Pháp đưa tôi đi dạo chơi quanh phố chợ hoặc ghé chơi nhà thầy Châu, thầy Nhượng — nhà thầy Nhượng ở trên lầu của một tiệm nước trông sang nhà lồng chợ.

Tôi rất thích con đường bờ sông vắng vẻ với bên một là khu tòa tỉnh cây cối um tùm, một bên là mặt nước trải phẳng, xa xôi và hiền lành; ngôi ở ngôi nhà thủy tạ bên bờ sông có thể trông xa tới tận ngôi trường Công Bình nằm phía bên kia cây cầu xi măng ngắn nơi ngăn cách con đường tráng nhựa của thị xã và con đường đất bụi của vùng ngoại vi. Nhiều buổi tối, tuy là còn sớm, nhưng cái bầu không khí u tịch của vườn tược, mương lạch bao quanh nhà làm ra như đã muộn khuya, bà cụ Pháp ngồi trên một bộ ngựa — luôn luôn là bộ ngựa bên gian phải — bồm bồm ăn trầu và trò chuyện với tôi một lúc, trước khi rút vào trong để nghe lén đài Hà Nội — đó là cách bà cụ tìm gặp mấy người con xa vắng... Còn tôi nằm trên bộ ngựa kê phía ngoài gian trái. Những lúc ấy tôi lắng nghe gì thì đến nay quả thật tôi mù tịt...

Đầu những năm 70 khi tránh Sài Gòn xin đổi lên Đà Lạt, làm việc tại trường Võ Bị, tôi có nhận được một xấp giấy quay ronéo thông báo về việc thành lập hội ái hữu cựu học sinh Nguyễn Trãi (Bình Dương), trong ấy thấy có tên mình được ghi vào ban Cố Vấn của hội, tôi đã nói riêng với mình: A, thế này là khi "hồi hưu" mình có chốn để trở về đây. Thủ Dầu Một cũng có một vài chỗ hao hao giống như Đà Lạt — như chỗ trước nhà thờ chẳng hạn — tôi thích gọi tên Thủ Dầu Một hơn là Bình Dương (có lẽ vì Bình Dương bị gắn liền với "Người Đẹp Bình Dương" và "Người Đẹp Bình Dương" thì bị gắn liền với cô T T Hằng). Bây giờ cái giấc mộng nhỏ nhoi, gần gũi ngày nào đã trở nên cái gì thật là xa vời, cách trở. Cho cả tôi lẫn anh: chúng ta đang được ướp trong tuyết giá, đang là những con người tuyết — nói ngoa hơn, là những xác ướp. Có phải thế không?

Lúc ra đến Lào Kay, tôi có gặp được anh Võ Tấn Vinh. Anh nhìn ra tôi, chứ tôi không thể nhìn ra anh. Bởi ở hai khu cách biệt, chúng tôi chỉ gặp nhau được đôi ba lần, nói với nhau vài câu ngắn ngủi, không có dịp nào trò chuyện. Xuống đến Vĩnh Phú, tôi cũng có gặp được anh Nguyễn Văn Chi (trí nhớ tôi giờ quá tệ, mấy ngày nay rồi mà lục tìm không ra tên) học cùng lớp với Charles Boyer, quê anh ở Bù Đốp, lúc học ở Nguyễn Trãi anh ấy phải xuống ở nhờ trong chùa, anh đã ở cùng, ăn cùng với tôi suốt cả năm trước khi tôi được thả (anh về sau tôi khoảng hơn một năm) Lúc làm thủ tục để rời Sài Gòn, tôi có gặp anh Nguyễn Thành Nhơn, cùng lớp với anh Vinh. Chúng tôi cùng bị khám lại phổi, tôi may mắn không bị bắt uống thuốc, còn anh Nhơn phải uống thuốc trong 3 tháng: tội nghiệp cho anh, nghèo, nhà ở tận Biên Hoà, mỗi ngày phải đi xe đò xuống Sài Gòn rồi vào Chợ Lớn để lãnh thuốc uống tại chỗ. Tôi không hiểu anh Vinh, anh Nhơn đã sang được chưa. Anh có liên lạc với các anh đó không?

Tôi thật không ngờ đã viết nổi một bức thư dài đến chừng này. Từ ngày sang đây, tôi thật ngại cầm đến bút, kể cả khi cần viết thư về nhà. Điều này chứng tỏ, ít nhất riêng với tôi, quyền sách anh viết đã thành công. "Chữ đã để ra chữ", nó đã không để ra được cơm gạo cho người ta qua cơn đói lòng nhưng nó cũng không để ra những phù chú, pháp thuật nhằm "mà" mắt người hồng thủ lợi (ở đây cũng như ở kia). Người ta đã không thể "nhá chữ" mà sống thì người ta cũng không thể "nuốt chữ" để say sưa quên đời và chết một cách ngu xuẩn. Chữ chỉ dùng để đọc thôi.

Chúc anh luôn mạnh khoẻ, vui vẻ, luôn có hứng thú tuôn thành chữ để cho những ai thích đọc anh, được đọc chữ nghĩa của riêng anh.

Thân,

TÂM

## Ghi chú của Võ Kỳ Điền:

Vừa mới di cư vào, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, cùng với họa sĩ Ngọc Dũng dạy học ở tư thục Nguyễn Trãi (Bình Dương). Trường được xây cất trong một khu vườn đầy cây trái cách chợ Bình Dương chừng vài trăm thước.

Khung cảnh nhà trường này thường được mô tả tỉ mỉ trong quyển *Cát Lầy* và trong các truyện ngắn đăng trên *Sáng Tạo*. Chiều chiều, thầy Tuyền thường mặc bộ đồ bà ba trắng ngà, mang guốc vông, cùng các giáo sư và ông hiệu trưởng Pháp (ông rất khó tánh nên học sinh đặt cho biệt danh là ông già chuồng) đi dạo mát dọc bờ sông và các con đường đẹp đẽ trong tỉnh lỵ. Thầy hút thuốc lá loại nặng liên tục, đến đổi vàng ố cả ngón tay.

Các giáo sư được nhắc trong thư là các thầy: Phạm Duy Nhuận, Cổ Thượng Lân, Phạm Văn Thành, Nguyễn Văn Hoanh, Nguyễn Ngọc Châu. Còn lại là tên những học sinh Đệ Tứ, Đệ Tam giỏi của những năm 1955, 1956. Thầy Thanh Tâm Tuyền phụ trách môn Quốc Văn. Sau năm 1975, thầy trò lại gặp gỡ nhau trong trại học tập cải tạo ở đất Bắc, sau khi miền Nam thua trận. Thầy Lê Thương vào Nam từ thập niên 40 nên giọng và tiếng nói mang nhiều nét đặc biệt của miền Nam là điều dễ hiểu. Thầy Thanh Tâm Tuyền chỉ mới di cư vào Nam năm 1954 và chừng năm ba tháng sau thầy dạy học ở Bình Dương, vậy mà thầy lại rất ưa dùng tiếng miền Nam một cách kỳ lạ ("bộ ngựa", "bộ mặt chằm dằm"...).

\*Trong bài "Bao giờ" có câu:

...vườn măng rưng thảng sáu đêm sâu,  
muốn làm người học trò mười bảy tuổi,  
đạp xe trên đường đồng...

Đó là vườn măng cụt ở Búng, cây măng cụt to và khi đi vào vườn có cảm giác như đêm sâu. Nhà văn Kiệt Tấn cho tôi biết Thanh Tâm Tuyền cưới vợ là người đẹp Bình Dương, ở miệt Búng, tôi chưa hề nghe ai nói về việc này. Tôi hoàn toàn không biết gì về Cô. Nếu thật Cô là người ở Búng thì thi sĩ Thanh Tâm Tuyền và đất Bình Dương quả thật có duyên nợ, ân tình.

## Chuyện thật ngày xưa

Buổi sáng hôm đó, tôi và người bạn thân đến nhà cụ Diễn trên một gác nhỏ, trong hẻm đường Hiền Vương. Tôi đang rảnh, Thâu cũng vậy, hai đứa đi loanh quanh trên đường phố Sài Gòn quen thuộc hoài đã mỗi churen nên khi ăn uống xong xuôi, Thâu chợt đề nghị coi bói cho biết tương lai. Nghe tới tên cụ Diễn là tôi chịu liền, từ lâu hằng nghe đại danh cụ và ước ao được gặp. Tôi đâu ngờ Thâu lại là chỗ thân tình với cụ và có thể nhờ coi dùm (mà không phải trả tiền và hình như cụ cũng không lấy tiền của khách, tôi không biết rõ lắm việc này)

Lúc đó tôi còn trẻ lắm, sống ở tỉnh nhỏ, chuyện hôn nhân cứ trở ngại, trực trặc hoài. Có cái chuyện dễ dàng như vậy mà làm cũng không xong, cả tỉnh bạn bè nay đứa này mai đứa kia, cưới vợ lấy chồng từ từ hết trơn, thấy mà tức ứa gan,... Do hôn nhân trễ muộn tôi đâm giựt mình, như một nhà xã hội và tâm lý gia, tôi tự tìm hiểu cá nhân, gia đình, xã hội, kinh tế, tâm lý..., và cuối cùng đổ thừa cho là tại cái này, tại cái kia và tìm những khuyết điểm của mình, tự trách cứ. Lúc đó do công cuộc làm ăn, tôi thường liên lạc với Thâu. Thâu nghe tôi kể lể tâm sự, phản đối liền – bạn nói tầm bậy hết trơn rồi, không phải tại cái gì cả mà tại cái số mạng, cái số ế vợ,... Nếu đúng như mấy lý do kinh tế, tài chánh, gia đình gì đó, tại sao có nhiều thằng xấu trai, học kém, nhà nghèo, nhút nhát, nghĩa là đủ thứ dở tệ... tại sao cũng có vợ được, tại sao? Cuối cùng Thâu kết luận - xe hơi còn có số mà, nói chi người ta. Mà muốn biết số mạng ra sao thì bạn phải theo tôi qua kiếm cụ Diễn, thần tượng, hiện nhà ở bên kia đường...

Nhà cụ Diễn trên một căn gác nhỏ, trong hẻm đường Hiền Vương nhiều cây to bóng mát. Bên trong nhà không khi mát mẻ, bàn ghế đồ đạc bày biện theo kiểu xưa, cổ, có nhiều bức tranh Tàu treo dọc theo tường. Lúc đó cụ đang bận tiếp khách. Vài ông khách ăn mặt âu phục, complet, cà vạt chỉnh tề, ngồi đứng chào hỏi đáng vẻ cung kính, khiến tôi đâm e ngại.

Cụ Diễn là một ông già người Bắc tuổi chừng độ trên dưới bảy mươi, người ốm yếu, mong manh, khăn đóng bạc màu, áo dài mỏng bằng the đen. Rõ ràng là một nhà nho lờ vận, ẩn dật, sống an bần lạc đạo trong cái không khí ồn ào, rộn rịp của cái đất Sài Gòn văn minh với chiến cuộc đang leo thang từng ngày... Trong lúc ngồi chờ đợi, tôi quan sát con người và cử chỉ thái độ cụ. Cặp mắt quá nhỏ so với khung mặt, có lẽ vì tuổi già, thân hình như gầy tóp lại. Dầu cụ không đeo kiếng nhưng tôi vẫn không thấy được tròng mắt lớn hay nhỏ. Hai mí mắt đã có nhướng cho xa nhau nhưng độ hở vẫn chỉ to hơn sợi len giăng ngang chút xíu. Tuy lem nhem như vậy hình như cụ đã thấy hết tron đời tôi. Sau khi đi qua lại vài bước cho cụ coi tướng, câu đầu tiên cụ nói như vậy :

-số ông suốt đời ở chợ.

Tôi dạ cảm ơn và thấy cười trong bụng- ông thầy này ai cũng khen phục tài giỏi nhưng nói một câu hồng giỏi chút nào. Sáng hôm đó, tôi ăn mặc bánh bao, đầu tóc mới hớt gọn ghẽ, lại đi chơi với dượng sĩ Thâu, rề ông đại sứ nổi tiếng, hồng lế tôi lại ở nơi thôn quê. Nói như vậy thì ai cũng có thể nói được. Nhưng tôi cố nhớ lại coi hồi nhỏ tôi có ở nhà quê hay không, quả là không có. Tôi được sanh ra tại đảo Phú Quốc, cái đảo nhỏ xíu như một thôn xóm nghèo, tuy vậy nhà tôi cũng ở ngay tại chợ, thị trấn Dương Đông. Rồi nhà được dọn vài ba lần, lần nào cũng vậy, mở cửa ra là thấy chợ ở ngay trước mắt. Tôi kiên nhẫn chờ nghe tiếp .

-năm ngoái ông bị đụng xe, may là không nguy hiểm tới tính mạng.

Tôi chợt nhìn xuống khuỷu tay, vết thẹo còn lộ đỏ sau một lần té xe rất nguy hiểm từ trên dốc Lò Chén. À thì ra, ông nhìn thấy vết trầy này, bận áo tay ngắn, cái thẹo chần dần như vậy, ai mà không thấy.

-Dạ, dạ, cụ nói đúng, năm ngoài tôi bị nặng lắm, xém chút nữa là nguy rồi, nhờ phước đức ông bà....

-tuy nhà ông ở ngay tại chợ nhưng sau nhà lại có vườn cây.

Trời đất ! mới nhìn có tôi có chút xíu mà nói được cái vườn sau nhà, cũng lạ. Sách tướng tôi cũng đã từng đọc qua vài cuốn, có chương nào chỉ cách nhìn mặt mũi tay chươn mà tả được cảnh vật trước hoặc sau nhà ? Bởi chi tiết này khó thể có được. Miền Nam mình, tỉnh nào cũng vậy, đường đất phố xá nhỏ hẹp, nhứt là phố chợ, đất dư tính từng tấc, dành để buôn bán làm ăn, chỗ nhiều đâu mà trồng cây ăn trái... Tôi thấy quả ông cụ có tài lạ, tuy vậy chuyện cái nhà, cái vườn có gì quan trọng, nói tới nói lui làm chi ?

-nếu ông không ở trong căn nhà như vậy, thì đã nguy hiểm tới tính mệnh.

Tôi ngồi im, chuyện này cũng không biết ra sao nữa, khoa địa lý dương cơ có nhiều điều không thể nghĩ bàn. Ông cụ vẫn bình thản, không cần hỏi tới năm tháng ngày giờ sanh, miệng vẫn nói đều đều, thông thả :

-hiện tại ông làm nghề dạy học, dự định đổi đi nơi khác, lần đầu không được lần sau sẽ

được...

Tôi giật nảy người, đầy mình mọc gai óc. Làm sao ông cụ biết tôi làm nghề dạy học, chỉ bao nhiêu đó thôi quả là tay cao thủ. Tôi vừa ở quân trường ra, sau ba tháng thụ huấn quân sự, tóc hớt ngắn, da đen thui, tay chùn còn dính đầy nắng gió. Năm Mậu Thân cuộc chiến tàn khốc, hầu hết thanh niên cỡ tôi đều vào quân đội. Nếu nhìn dáng vẻ bên ngoài mà đoán tôi là sĩ quan thì dễ đúng hơn. Đâu có nét nào giống thầy giáo. Rồi làm sao biết được tôi đang xin đổi nhiệm sở, hồ sơ hiện bị trở ngại. Chắc bạn mình đã nói lờ nói trước với ông già này hết trơn rồi, tôi liếc qua Thâu. Thâu tinh rụi, thấy ông cụ nói không điểm nào trật, khoái chí ngồi cười cười... Rồi lại suy nghĩ, ông coi cho mình, tốn công tốn sức, có lấy đồng xu các bạc nào, nói gạt, nói dối làm chi.

Lời nói cụ đều đều, thông thả, chuyện quá khứ, chuyện tương lai, công danh, khoa bảng, tiền của, sự nghiệp, bạn bè, tai nạn, bệnh hoạn... sẽ như thế này, thế kia, tôi vâng dạ liền miệng. Có đoạn ông cụ nói năm gần bốn mươi tuổi tôi sẽ sống ở nước ngoài, một xứ phương Bắc rất lạnh và xài tiền bằng Mỹ Kim, tôi đâm tức cười, không biết là ông còn thức hay đã ngủ, nói mê...

Nhưng mấy cái chuyện xa vời đó có quan trọng gì tới tôi đâu, cái mà tôi đang chờ để biết là chuyện gia đạo tình duyên mà, nóng ruột hết sức, tôi rụt rè ngắt lời :

-Dạ, dạ, nhờ cụ coi dùm chuyện gia đạo vợ con ra sao, hiện tại tôi còn.. một mình.

Ông cụ như óng cặp mắt tí xiu lên, nói rõ ràng như thấy cô vợ tương lai của tôi trước mặt :

-người vợ tương lai của ông, học hành như thế này, gia thế, nhà cửa thế này..., cùng nghề nghiệp với ông.

-dạ thưa cụ, theo như cụ nói thì không dám đâu. Tôi ở tỉnh nhỏ, học ít, chỉ muốn tìm người trẻ tuổi và học kém hơn một chút ..

Ông cụ không trả lời, mắt hình như nhắm lại. Tôi nhớ lại từ đầu buổi cho tới giờ, chuyện quá khứ thì rất đúng nhưng không có gì đặc biệt, tôi ở trong nhà này hay nhà kia, làm thầy giáo hay sĩ quan thì cũng vậy, còn chuyện tương lai thì chưa biết ra sao. Duy chuyện vợ con thì hơi lạ, tôi nghĩ là ông cụ nói trật vì hồi nào tới giờ chưa bao giờ tôi để ý tới bạn gái đồng nghiệp. Tôi vốn rất sợ cô giáo và những người đàn bà thông minh, học giỏi hơn mình...

-Thưa cụ, xin cụ cho biết chừng nào tôi mới cưới được vợ ?

Ông cụ không trả lời ngay câu hỏi, chột mở mắt ra, phán cho một câu dứt khoát, khiến tôi sửng sốt như bị tạt một gáo nước lạnh :

-đám cưới ông hầu như không có.

Trời đất, thiệt vậy sao? Thiệt vậy sao, tôi nghe lỗ tai lủng bủng. Chuyện cưới vợ đã trải vì tróc vảy, rồi tại sao sẽ gặp một cô giáo nghiêm trang... rồi lại không có đám cưới. Hàng trăm câu hỏi tại sao, tại sao trong đầu. Tôi cảm thấy mồ hôi rịn ra đầy mặt. Sao kỳ cục vậy, căn cứ vào đâu mà cụ dám nói như vậy. Tôi nhìn thẳng vào mặt, thấy cụ vẫn bình thản, cụ nói thiệt tình mà đâu phải nói chơi.

Tôi hỏi tiếp, giọng hơi khó chịu ...

-dạ thưa cụ, tại sao lại không có đám cưới, có phải tôi không đủ tiền cưới vợ ?

-không phải, nhà ông thiếu gì tiền.

-vậy tại sao, nếu có đủ tiền tại sao tôi lại không làm đám cưới. Thú thật với cụ, tôi mà thương ai, dù người đó mang bầu hay có con rồi, tôi cũng sẽ làm đám cưới chánh thức, đăng hoàng. Tại sao tôi lại sợ dư luận mà không làm đám cưới, lại dắt con người ta đi không...

Khi nói đến đây, tôi nhớ lại giai đoạn đó ở tỉnh nhà, bạn bè nhiều lắm, đưa nào cưới vợ tôi đều sẵn lòng giúp đỡ. Vừa cho mượn xe, vừa làm tài xế, vừa làm rể phụ, hồng lễ tới đám cưới mình, không ai tham dự. Ngày cưới tôi phải vui vẻ và đông đảo bạn bè thân tình chúc. Ông cụ chấm dứt bằng lời nói giận dỗi:

-cái mặt ông làm gì dám dắt ai ...

Rõ ràng là ông cụ nói nhiều điều vô lý, tôi không còn kiên nhẫn ngồi nghe tiếp nữa, dậm ra vô phép, đứng dậy và nói giọng hờn mát :

-tôi không dám dắt ai, tôi lại có tiền, vậy hỏi cụ, tại sao lại không làm đám cưới cho vui. Tại sao tôi không làm...

Ông cụ không trả lời, khoát tay đuổi tôi và Thâu ra cửa. Tôi cúi đầu cảm ơn từ giả cho có lệ, rồi đi thẳng, bụng không vui. Giữa trưa nắng thiêt nóng và xe cộ ồn ào, mùi khói xăng khét lẹt, trong phút chốc những lời tiên đoán của cụ già bay mất tiêu hết, tôi không còn muốn nhớ nữa. Trật lất rồi, nhớ nữa làm chi. Ngồi trên xe, Thâu phân trần:

-bạn biết không, mấy ông hỏi nầy toàn là Bộ Trưởng hay Tổng Giám Đốc gì đó. Ông cụ là thầy tướng riêng cho Tổng Thống với Thủ Tướng, nhưng bữa nay sao ông nói trật tới trật lui, tôi cũng thấy kỳ cục, nhiều việc không đúng, chắc ông bệnh hoạn hay đương lo việc gì đó, nhớ trước quên sau...

Tôi bộp chộp kết luận một câu ngon lành :

-Thâu nè, bạn tin tôi đi, không bao giờ tôi cưới cô giáo hết và sẽ làm đám cưới thiêt lớn để rủ bạn bè nhậu một bữa cho vui. Đời người chỉ có một lần cưới vợ, tại sao lại không làm, không lớn thì nhỏ chứ, tại sao lại im ru bà rù... Tôi tin đời có định mạng nhưng cũng tin con người có tự do.

\* \* \*

Và tôi có tự do thiêt tình khi làm quen với D, không bị ai ép buộc cả. Sau ngày đám hỏi, tôi xuống Sài Gòn đến gặp ông già vợ tương lai. Ông trẻ hơn ba tôi nhiều. Cũng vậy, vợ tôi nhỏ tuổi hơn tôi nhiều lắm. Những gì cụ Diển nói về nàng đều đúng, không trật một điểm nào. Cho đến bây giờ tôi cũng không biết tại sao tôi lại liều gan kết hôn với một cô giáo, từ nào tới giờ tôi vốn kỵ mà. Tôi có kinh nghiệm về việc này, mấy thằng bạn tôi có vợ cô giáo, một thời gian sau đều trở thành học trò ngoan ngoãn các cô hết trơn. Dầu biết rất rõ nhưng giờ đây tôi cũng tình nguyện làm y như vậy. Đúng là số mạng, chạy trời không khỏi nắng.

Hôm đó là những ngày sau Tết, nhà nàng còn chưng đầy bông hoa. Cái bình sứ cổ đời Khang Hy thật lớn dùng cắm cành mai to bằng cổ tay cao tận nóc nhà. Tôi nhìn sững những câu thơ ngồn ngồn nét thảo lòi tới và buộc miệng - cái bình nầy quý lắm đầy rạn da qui, ba dùng như



vây rủ ro nó bể thì sao. Ông già vợ tương lai cười, làm sao bể được con, ba chưng như vậy cả chục năm nay rồi, có sao đâu. Mấy đứa em vợ bu quanh chờ ông anh rể quý chớ đi ăn mì. Cả nhà quây quần ấm áp, tiếng nhạc vang vang đầy nhà. Nhà sắp có đám cưới mà, không vui sao được.

Ông già lắng nghe giọng Khánh Ly trầm ấm vang lên từ chiếc máy nhạc, tự nhiên quay qua tôi - nè nè, con nghe nè, mấy ông văn nghệ sĩ nói chuyện, viết lách thiệt là hay, cái gì mà... giọt nước mắt rơi thành hồ nước long lanh... Câu nói chưa hết, D. lại xí xọn xen vô, bản này là Như cánh vạc bay của Trịnh Công Sơn đó ba.

Ông vừa cầm ly rượu sóng sánh màu hổ phách, vừa lẩm bẫm - Như cánh vạc bay, à, à cánh vạc bay ra làm sao, tượng trưng cho cái gì, thiệt tình ba không hiểu. Rồi khóc mà tới thành hồ nước long lanh - thì thiệt là viết khéo hết sức, viết được tới như vậy thì trên đời hồng có mấy tay. Rồi ông ta bàn tiếp - con nghĩ coi giọt nước mắt có chút xíu, mà làm đầy cả hồ nước là phải khóc nhiều lắm đó nghen...

Tôi ngạc nhiên, ông là tay buôn bán già đời, suốt ngày chỉ thấy cộng trừ nhân chia, tại sao không chịu nói chuyện tiền bạc, nhà đất, cửa cái, tự nhiên hôm nay sao lại nổi hứng bàn chuyện thơ văn, nghĩ cũng lạ. Bất ngờ ông hỏi tôi, giọng ngọt ngào :

-Nè nè, ba nghe nói con dạy văn chương. Vậy có bao giờ con viết văn hay làm thơ gì không ?

Tôi còn đang giai đoạn ở rể, phải cố gắng lấy điểm để làm vừa lòng ông già vợ. Câu hỏi khiến tôi giật mình - như vậy là ông ta khen hay chê Trịnh Công Sơn ? Câu trả lời tôi phải như thế nào cho đúng. Trời đất ơi, nhằm cái lúc vui vẻ này mà vợ tôi lại cho hát cái bản nhạc mắc dịch đó làm chi. Câu hỏi ngọt ngào như viên thuốc bọc đường có phải là viên thuốc độc ? Tôi phải trả lời sao cho vừa ý ông đây ?

Hồi nào tới giờ quả tình là tôi không biết viết văn hay làm thơ. Nhưng nếu cần nói láo để được vợ thì tôi cũng phải liều gan nói đại. Nhưng mà, câu hỏi độc địa này hình như có liên quan tới cái ý nói láo đó. Khóc mà tới đầy cả hồ nước thì là nói láo rõ ràng, ai ai cũng thấy. Nhưng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã viết ra như vậy và cả nước coi nhạc sĩ này là thiên tài, nhạc ông vang rền ngập từ chợ đến quê, ban ngày cũng như ban đêm... Nhưng nói láo nhận mình là văn nghệ sĩ thì khác, không giống kiểu nói láo trong thơ văn...

Tôi còn đang ấp úng tìm câu trả lời thì may quá, bà già vợ đi đâu sọt sọt trở về, thấy tôi bà nói một hơi không kịp thở :

-con về trình lại với anh chị ở trên, ba má đã về Dĩ An nhờ thầy coi ngày cưới rồi . Ông thầy này ngày xưa coi cho ba má đó, coi kỹ lắm, ông tìm được ngày tháng đại lợi, tụi con sẽ ăn đời ở kiếp với nhau, giàu sang phú quý, tử hiếu tôn hiền....

Nói xong bà lục trong túi đưa cho tôi tờ giấy đỏ, đầy chữ viết run rẩy của một cụ già, nghe đâu đã trên chín chục. Rõ ràng là ông thầy Dĩ An coi ngày cưới hỏi thiệt hay, thời gian đã chứng minh được tài năng của ông. Ông bà nhạc gia tôi sống chung nhau cho tới bây giờ, tiền bạc nhà cửa sung túc, con cháu đầy đàn, chưa hề biết đến chuyện ly dị khổ tâm, đau đớn ra làm sao.

Tôi cầm lấy tờ giấy coi ngày cưới, thời gian còn lâu tới bốn năm tháng nữa, hơi bực mình nhưng nhớ lời dặn dò của ba tôi - theo tao ngày nào cũng tốt hết, ông bà muốn trễ sớm lúc nào cũng được, miễn mà cưới được vợ thì thôi, lần này mà mà kiếm chuyện để cho trục trặc nữa

là kể như suốt đời không có vợ đó con. Tôi đã thắm thía chuyện hôn nhân trễ muộn mà cũng đâu cần ba tôi dặn, năm nay tôi đã ba mươi lăm tuổi rồi, tôi đâu còn ngu mà cà khịa, giận lẫy, kiếm chuyện kiểu con nít như hồi mười tám, hai mươi...

D. đưa cho tôi cục kẹo, tôi ngậm vào miệng, cắn nhẹ thấy có rượu mạnh bên trong. Cuộc đời quả cũng có ngọt ngào, tuy rượu ít nhưng cũng khiến tôi ngây ngất. Đường Trần Hưng Đạo trước nhà, nắng sáng trong, xe chảy thành dòng. Nhớ tới lời tiên đoán cụ Diển ngày nào - đám cưới ông hầu như không có ! Tôi bật cười. Cụ ơi, đám cưới tôi hã, chắc chắn sẽ rất vui, đông đủ bạn bè, bà con thân thuộc hai bên, làm sao không có, làm sao mà nhỏ cho được. Nội bên vợ, anh chị em D. nếu đếm sơ sơ cũng đủ một chục đủ đầu rồi, nói chi bên gia đình tôi, nội ngoại, sui gia, dâu rể... rồi tới hàng xóm láng giềng, toàn người thân tình ơn nghĩa, đâu thể nào không mời người ta đến chung vui.

\* \* \*

Sau ngày 30 tháng 4, tôi len lỏi trong đám đông hỗn loạn ngỡ ngác, xác xơ, tìm đường xuống Sài Gòn, đến nhà vợ chưa cưới. Vừa gặp tôi, D. ôm chầm lấy và mừng rỡ. Trong cơn biến động mấy ngày qua, chuyện liên lạc khó khăn gián đoạn, nàng tưởng là tôi đã thoát ra khỏi quê hương và đành đoạn bỏ nàng lại một mình, đi biệt tích. Tôi không biết nên cười hay nên khóc. Tôi trình bày cho ông bà già vợ chuyện tang thương dâu bể xảy ra trên nhà tôi, tất cả những dự định tương lai đầy màu hồng ngày nào trở thành xám đen, tan nát hết. Ba vợ tôi an ủi :

-con đừng bi quan quá, dù gì đất nước mình cũng không còn chiến tranh, mọi sự rồi sẽ ổn định. Lúc đó mình buôn bán làm ăn trở lại...

Trời đất, chế độ này mà ông còn hy vọng buôn bán làm ăn như xưa! Mọi sự sẽ ổn định, đúng rồi, đồng máy cày của ông đâu còn chưng bày ra ngoài hành lang như lúc trước, mà đem giấu tận phía sau nhà. Chị em D. ngày nào quần là áo lụa, trang điểm kỹ lưỡng từ đầu đến chân, nay cũng bắt chước mặc bộ bà ba đen giống như mấy cô thôn nữ chỉ thiếu chiếc khăn rằn vắt trên vai. Mấy đứa em trai ngồi im lìm, không còn chạy giỡn la hét vang rân như ngày trước.

-thừa ba má, nhà cửa, công danh, sự nghiệp, tiền bạc bây giờ kể như mất mát hết rồi, ngay cả thân mạng con cũng không còn biết ra sao. Bữa nay con xuống thừa với ba má là chuyện hôn nhân của con và D. phải hoãn lại... cho tới chừng nào, chừng nào... con cũng không biết nữa. Cũng có thể là không bao giờ.

Nói tới đây tôi nghe D. khóc rầm rứt, rồi không cầm được nước mắt, tôi cũng khóc theo. Bà già vợ tôi cũng thúc thít nhưng còn rần nói :

-đâu được con, đám cưới tụi con không làm lớn được thì mình làm nhỏ, vợ chồng phải có cưới hỏi đàng hoàng chứ con !

Hoàn cảnh đất nước quê hương hỗn loạn, tang tóc như vậy mà làm đám cưới, dù làm nhỏ thế nào đi nữa, dù cố gắng cho lắm cũng không thể làm được, mà coi cũng không được. Tôi trả lời ngay :

-Thừa má, con không biết bị bắt ngày nào, bây giờ chỉ còn lo chuyện chết sống, tù đày, sống chỉ biết được ngày nay, không biết ngày mai ra sao, còn đầu óc đâu mà nghĩ tới chuyện gia đình riêng tư nữa.

Tôi tiếp - chế độ này sắt máu lắm, chuyện vui không có mà chuyện buồn thì nhiều, con nghĩ là

mọi sự bế tắc, miền Nam mình thua trận rồi. Mà quả vậy, đầu óc tôi lúc đó đặc sệt như chì, không tìm ra giải pháp nào ổn thoả hết. Đi không được, ở không được, sống không được mà chết cũng không được luôn. Tôi có cảm giác thua cuộc, bất lực, thất bại, tê liệt như con kiến bò trên bờ chảo nóng, lạnh quanh bò hoài cũng không ra khỏi miệng chảo.

Ông già vợ trầm ngâm một hồi, thở ra :

-ba hiểu rồi, thiệt là cơ khổ. Nhưng chuyện như duyên là chuyện lớn đời người, không thể vì vậy là hai con không thành chồng vợ. Con về thưa với anh chị, ba má dưới này không đòi hỏi gì cả, cũng không cần có đám cưới. Tới ngày đó, ba má nấu một mâm cơm gia đình, chỉ cần có mặt anh chị và ba má chứng kiến cho hai con lạy bàn thờ, xin phép ông bà tổ tiên để kết duyên thành chồng vợ là đủ.

Tôi ngắc nga, ngắc ngư - rồi đồ cưới, khăn áo hoàng hậu, nhẫn cưới cho cô dâu, rượu trà, xe hoa... Ông nói - con không cần đem xuống gì cả, kể như là ba má và em con đã nhận lễ vật đầy đủ rồi, đời bây giờ nhiều chuyện rối rắm lắm, đừng có lo nghĩ thêm chi cho mắc công....

\* \* \*

Ngày 30-5 năm 1975 nghĩa là sau ngày mất nước một tháng, tôi cưới vợ và đám cưới hầu như không có. Bên nhà vợ tôi nấu một mâm cơm cúng tổ tiên, ông bà, hai đứa tôi lạy bàn thờ rồi lạy tứ thân phụ mẫu, ba má tôi và ba má D. ngồi trên bốn cái ghế đầu nhỏ sắp hàng ngang trước bàn thờ. Chỉ có người nhà và không có ai lạ. Vậy là xong lễ thành hôn. Trong khi hai bên sui gia gặp nhau, cửa nhà đóng kín kỹ lưỡng, sợ công an khu vực vô phá đám, xui xẻo, hàng xóm không ai biết bên trong chúng tôi đang làm việc gì. Ngày hôm sau tôi về Bình Dương, lên đút vợ đi chào và trình diện với những thân bằng quyến thuộc. Dù hết sức đơn giản nhưng tôi cũng có vợ đàng hoàng tử tế, đầy đủ lễ nghĩa !

\* \* \*

Khi viết những dòng chữ này thì ông già vợ tôi đã mất từ lâu. Nhưng tôi vẫn nhớ rõ những lời ông nói, tình thương ông cho tôi dù bao nhiêu nước chảy qua cầu, cuộc đời dâu biển, tôi vẫn thương ông như thương cha ruột tôi vậy.

Cụ Diễm cũng đã mất rồi, những lời tiên đoán của cụ ngày nào vẫn còn mãi mãi bên tai, làm sao tôi quên được. Tôi nợ cụ nhiều lắm, bây giờ làm sao trả đây. Không phải là nợ vật chất, tiền bạc, gói trà hay chai rượu mà tôi nợ cụ lời xin lỗi chân thành cùng lời khen ngợi tài năng cao xa của cụ. Cái lỗi ngu si của tôi rất lớn, ngày đó tôi còn quá trẻ chưa hiểu đời là gì, đã dám hoài nghi những điều mình chưa biết.

*Toronto, ngày 30 /9/2002*

## **Bình Dương, một ngày tái ngộ**

(Trích Pulau Bidong Miền Đất Lạ, Chương 1)

Buổi sáng Chúa Nhật, đầu năm dương lịch 1979, tôi ngồi tiếp chuyện với bà Hai ở phòng khách. Từ Búng lên Bình Dương, bà nồn nả báo cho tôi hay một tin vui. Đó là cô Hà, con gái út của bà, vượt biên thành công qua bức điện tín đánh về từ một phương trời xa. Bà vui mừng nét mặt rạng rỡ. Cầm miếng giấy nhỏ màu xanh lợt trong bàn tay run run, bà nói thì thầm bên tai tôi

như sợ người khác nghe được:

-Mày coi nè, cái con nhỏ thiệt không ý tứ. Chiều hôm qua nhận được dây thép, xé ra đọc rồi tao muốn nghệt thờ, xỉu luôn. Ông nghe ồn ào, chạy ra coi lại, thì thấy nói nẫu tới Mã Lai bình yên. Thiệt hú vía ! Mày biết tại sao không ? Nó hà tiện, viết hai chữ "bình an" dính lại làm một. Tao ba chớp ba sáng, đọc lộn là "bị nạn"... Mấy tuần nay, tao với ông trông đứng trông ngồi. Có tin, run quá, quáng mắt đọc không ra chữ. Nói liền một hơi, rồi ngồi thờ một hồi, bà chắc lưỡi tiếc cho tôi:

-Phải chi hồi đó mày tính được, đi chung một chuyến với nó là xong rồi !

Tôi mừng cho cô Hà thành công tới nơi an toàn, trong bụng cũng thấy tiêng tiếc, phải chi liều gan một chút, đi đại thì bây giờ khoẻ rồi. Cô Hà dạy chung trường với vợ chồng tôi và cùng bị cho nghỉ việc một lượt, vì cái tội lúc trước làm hiệu trưởng một trường quận. Cô hiệu trưởng còn trẻ măng chưa chồng. Có anh bạn đồng nghiệp thăm thương trộm nhớ mà không dám nói ra. Trước khi đi, cô tâm sự từ giả -trách cứ cái anh chàng Thạnh cù lằn, đàn ông con trai gì mà nhát như thỏ đế !

-Ờ ờ, anh Thạnh e ngại bị cô từ chối, ở tỉnh nhỏ, người ta nói ra nói vô khó lòng.

"Xưa kia anh ở cùng làng. Bởi anh chậm bước nên nàng đi xa". Bây giờ nhớ tới vụ vượt biên, thấy câu hát đó quá đúng đối với tôi. Cô Hà đã thoát được, còn tôi, tới chừng nào ? Đàn bà con gái, người ta chùn yếu tay mềm còn dám liều mạng như vậy, trong khi đó mình thân dài vai rộng mà cứ do dự, lừng khừng thì bao giờ mới tính chuyện lớn được. Dầu sao thì cô ấy, một thân một mình, cũng dễ tính. Còn tôi thì vợ con đùm đùm đề đề, thằng Tâm Bi mới có mười tám tháng, còn quá nhỏ để giải nắng dầm sương, vượt qua bao sóng gió, rủi có bề gì thì sao ? Nhiều đêm trần trọc, nghĩ tới nghĩ lui, tôi bàn với Duyên:

-Vợ chồng mình khó mà sống yên thân. Cái thế bắt buộc phải ra đi, nhưng hoàn cảnh bề bộn của mình, anh tính không ra.

Duyên khuyến khích tôi nhưng vẻ mặt buồn buồn:

-Hay là anh đi trước, mẹ con em ở lại tính sau!

Làm sao mà tôi chịu như vậy. Tôi và nàng mới cưới nhau, vừa có được thằng con trai nhỏ. Cuộc đời đầy bất trắc, quê hương đất nước kể như tiêu tan, cái tình yêu gia đình chỉ còn lại có chút xíu đó, làm sao dám liều lĩnh phiêu lưu, thành ra cứ hẹn lần hẹn lứa, mãi cho đến hôm nay, tôi vẫn còn ngồi thờ trên ghé. Bà Hai trước khi ra về, còn dặn dò:

-Mày tính gì thì tính lẹ lẹ đi, người ta lấy ghe lấy tàu đi từ từ hết, đến lúc muốn đi thì không còn chiếc nào, khi đó làm sao xoay trở ?

Tôi gật đầu nói nhỏ:

-Ngày nào con xuống Búng thăm hai Bác, là ngày đó con từ giả... Con cũng muốn quyết định dứt khoát nhưng có cái gì níu kéo lại. Phải rời bỏ cái tỉnh Bình Dương này, buồn lắm bác Hai ơi !

ooo

Tôi dẫn cai xe đạp ra ngoài, cái xe có gắn thêm cái yên nhỏ để thằng Bi ngồi đằng trước. Nó còn quá nhỏ nên phải ràng buộc cẩn thận. Trên đầu tôi đội cái nón kết đồ bằm, thứ nón của lính nhảy dù, còn Bi thì đội nón vải trắng có hình mỏ neo của lính thủy, có quai để khỏi rớt. Tôi muốn chở con đi một vòng thành phố, để nhìn cho hết, cho kỹ, cái nơi mà tôi đã sống gần nửa đời người. Nơi đó, có buồn có vui, có những hình ảnh thân yêu, có những kỷ niệm thời thơ ấu. Như có một sợi dây vô hình ràng buộc, trái tim tôi như thắt lại khi phải quyết định xa quê.

Trưa đó, trời nắng gắt, hai dãy phố chợ như bị bỏ vô lò mà hấp. Hơi nóng bốc lên hừng hực từ các mái ngói, mái tôn, mặt nhựa đen mốc, những lề đường xi măng khô cứng. Trước nhà bây giờ là gang sơn của mấy bà bán gạo lậu. Họ ngồi đông nghịt, chen lấn nhau, trước mặt là những thúng gạo trắng đầy vun, các đống khoai đỗ, vàng đỗ ngổ ngang như đất đá vun. Rải rác đây đó, giống gánh vương vải. Giờ này khách mua đã thưa. Có vài cán bộ áo trắng, bộ đội

áo kaki màu cứt ngựa xanh dùng đục, mang dép râu. Có người dắt xe đạp treo tòn ten bó rau xanh dòn, đi chen lấn các bà nội trợ, áo bà ba đen, nón lá. Tự dưng nơi đây trở thành cái chợ trời ngang xương. Ban đầu có vài ba người đàn bà lạ mặt ngồi bán các thứ khoai, gạo, đậu, nếp. Họ bày bán trên cái lối đi trước nhà. Chợ thì ở tuốt đàng kia, sát cạnh bờ sông. Từ ngày mấp òng bỏ rừng về thành phố, toàn dân miền Nam đâm thất nghiệp. Vợ con công chức quân nhân chế độ cũ, chồng cha bị đày đi một nơi khi ho cò gáy nào đó, ở nhà túng quẫn, phải bưng chải tảo tần, kiếm kế sinh nhai, hầu sống còn qua ngày. Họ trở thành bạn hàng buôn thúng bán bưng bất đắc dĩ. Tìm chỗ ngồi không được ở đàng kia, thôi thì giành dân lấn đất đàng này. Đàng kia là chợ mà đàng này là cái hành lang lát gạch bông bằng phẳng của dãy phố nhà tôi.

Phía bên kia là công viên nắng cháy xác xơ, hồ nước cạn khô, đầy đầy đất đá, bãi cỏ loang lổ úa vàng vì không người chăm sóc, chỉ còn trơ lại một cây khuy nh diệp cần cỗi lưa thưa, đứng lẻ loi ở góc sân. Tôi dẫn cái xe băng ngang qua đường, đứng dưới bóng cây, nhìn trở lại bên nhà, nói cho Bi nghe, mặc dầu biết nó không hiểu:

-Con nhớ nghe, cái nhà này là nhà của Nội. Cả đời ông nội làm việc cực nhọc vất vả mới tạo dựng được. Ba được nuôi nấng lớn lên ở đây, con cũng vậy. Hồi nhỏ ba ưa đi chơi, bị ông nội lấy dây nhợ cột chận vô cái cửa sắt. Mỗi khi gần Tết, ba với chú Sáu, chú Bảy con phải lau chùi hết mấy cái cửa đó. Cực lắm mà vui. Mấy chậu sứ Thái Lan đầy bông đỏ để trên lầu, mua ở vườn ương cây bên Thủ Đức, đem về ba chiếc ra từng chậu nhỏ, phải chăm sóc liên tục trong mấy năm mới được xum xuê như con thấy...

Nghe tôi thì thảm, thằng nhỏ có biết gì đâu, u ở mấy tiếng trong miệng nhỏ xíu. Tôi nhìn cái bảng hiệu tiệm của ba tôi. Những chữ bằng cây to, dày, sơn trắng, được cưa đục khéo léo, đặt trên nền nâu đậm, vẫn còn sáng sủa nổi bật như cái ngày đầu tiên thợ hồ đến gắn vào tường. Lúc đó tôi vừa mới lớn, ba tôi muốn có một cái bảng hiệu coi cho được. Cái bảng cũ trông thô sơ, quê mùa. Tôi phải bỏ ra một thời gian dài, đi trên các đường phố ở Sài Gòn để ăn cắp kiểu vở. Rốt cuộc chọn kiểu này. Tôi đã đặt ông thợ mộc già, người Bắc, điếc tai ở cầu Bình Lợi làm. Nói hoài, ông không hiểu, ra dấu đến mỗi tay, cuối cùng phải dẫn ông đến cái tiệm có bảng hiệu đẹp để kia, rồi xin phép chủ nhà, đo lấy kiểu mẫu.

Mỗi năm gần Tết, tôi phải bắt thang leo lên, lấy vải thấm nước lau sạch từng chữ cái. Hiệu tiệm và tên ba tôi rất dài, phải lau cả buổi mới xong. Bây giờ, muốn lau cũng không được. Làm sao còn được cái công tác cực nhọc mà sung sướng đó nữa rồi!

Cha con tôi lần ra tới bờ sông, theo con đường Bạch Đằng nhỏ hẹp, có cái cầu tàu mục nát cạnh chợ cá, những hàng cây dương già gốc nổi u sần sùi, thân ngã nghiêng. Gió từ sông thổi lên nhẹ nhẹ, mang theo mùi tanh tanh của sông nước. Ánh nắng chói chang lấp lánh trên làn sóng bạc, phản chiếu như hàng trăm hàng ngàn chiếc gương nhỏ lẫn tẩn. Từng dề lục bình xanh xanh trôi rập rình không biết về đâu. Cuộc đời cha con tôi bây giờ sắp sửa trôi dạt như đám lục bình này. Trưa nay đứng bên dòng sông chảy ngang qua chợ, trời nóng hừng hực, cảnh vật lờ đờ, lặng thinh không thơ mộng chút nào, vậy mà tôi đâm nhớ cái câu ca dao thời thơ ấu, nghe má đưa em trên võng:

Ra đi là sự đánh liều

Mưa mai nào biết, nắng chiều nào hay.

Cái câu này hơi kỳ lạ. Tôi nghĩ quán nghĩ quanh. Những hình ảnh vụn vặt, chấp nối. Không hiểu tại sao tôi cứ nghĩ đây là câu hát kể về tâm sự của một cô thôn nữ nào đó vì tiếng gọi của yêu đương mà dứt khoát ra đi lấy chồng. Theo chồng hay theo trai? Điều đó đâu có gì quan trọng, cái quan trọng là họ yêu nhau. Đã yêu nhau rồi thì tương lai ra sao cũng mặc kệ! Buổi sớm, buổi chiều, nắng cháy hay mưa dầm, làm sao biết trước? Giữa tình yêu nồng nhiệt, cuồng quít và cuộc sống lạnh lẽo, buồn tênh, phải chọn một. Cô đã chọn trong cái tâm trạng lo lắng, sợ sệt, bồn chồn. Tôi cũng y như cô ta, nhưng cái tình của tôi có khác đôi chút. Phải rồi, khác một

chút xíu, ở chỗ cô tự nguyện ra đi. Còn tôi thì ở cái thế bắt buộc phải xa lìa. Tôi cúi đầu nhìn xuống thẳng Bi, rồi chỉ cho nó cái cầu tàu bằng cây cũ kỹ đã hư mục, một phần còn gác trên bờ hàng cột xiêu vẹo, một phần chìm sâu dưới nước.

-Con ơi, hồi nhỏ tám, chín tuổi, ba bà bì bõm lặn hụp, tập lội ở cầu tàu, chỗ gần cây dương cụt đầu này sâu lắm, có lần hụp chẹn tưởng bị chết đuối. Năm mười hai, mười ba tuổi, ba đi chặt trúc làm cần, uốn cắm xe đạp làm lưỡi câu để đi câu lươn, không mang dép guốc nên da chẹn bị nứt nẻ, đất sinh bùn dơ dáy, ăn lở loét, phải nhờ bà nội lấy bã trầu đắp cho mới hết... Để trả lời, thằng nhỏ chép miệng ư... bàn tay mủm mím như củ khoai mì, quơ quơ như muốn chụp lấy vật gì trước mặt. Tôi nhìn lên phích bên kia đường. Ty Bưu Điện cũ kỹ già nua được xây cất từ hồi Pháp thuộc, mái ngói đen mốc đầy rong rêu, tường vôi loang lổ, chỗ vàng chỗ xám, cạnh tường dây leo mọc chằng chịt, đứng trơ trọi bên bờ sông như một ông ký về già lẻ loi, buồn thảm kéo lê cuộc đời quạnh hiu. Tôi còn nhớ rất rõ, lần đầu tiên được sai đi bỏ thư, ở nhà dọn dò kỹ lưỡng, mua con cò mười lăm cắc để dán lên bao. Tôi đến nơi đây, rụt rè hỏi mua được tới mười lăm con. Mừng rơn, nghĩ rằng bữa nay nhà nước bán rẻ, sướng quá, le cái lưỡi thiệt dài, thấm nước miếng dán một con vô bao, cẩn thận đem bỏ vô thùng, xong rồi, đem mười bốn con còn lại, về nhà khoe rùm beng. Cũng cái thùng thư rỉ sét này đã chứng kiến cảnh tôi bỏ từng bức thư màu hồng yêu đương ấm áp, từng bức thư màu xanh hy vọng tương lai, gửi đến một cô bạn gái đẹp để dễ thương nào đó mà chưa quen, tay run run, trống ngực đập thành tịch, mắt lấm lét ngó trước ngó sau, sợ lũ bạn quen bắt gặp. Cái thư đã bỏ vô thùng mà còn ngó hoài, cứ lo sợ mất -xa sông cách núi lở vùi. gửi thư sợ lạc gửi lời sợ quên.

Tôi đạp xe vòng qua bên kia chợ. Người buôn kẻ bán lựa thưa. Đúng là cảnh chợ chiều. Mũi tôi ngửi được cái mùi chợ cá quen thuộc. Mùi khô cá mặn, mùi mắm, mùi củ cải muối, mùi tro diêm, mùi đường thẻ, mùi thuốc bắc...và hàng trăm thứ mùi khác trộn lẫn nhau, quện lấy nhau, tạo cho không khí nơi đây có một cái gì gần gũi thân yêu. Tôi đã hít thở mấy chục năm qua, từ thuở bé thơ cho tới khi khôn lớn. Cái hơi hương đó nó đã ăn tận vào buồng tim thứ phổi. Tôi tin chắc rằng nếu phải xa nơi đây, tạm ngụ ở một phương trời vô định nào đó, tôi vĩnh viễn không bao giờ tìm thấy được cái dư vị của những ngày thơ ấu.

Đêm đêm cánh rụng lâu ngày

Một trời ly biệt để già nhớ thương (Vũ Hoàng Chương )

Chiếc xe lăn bánh chậm chậm trên đường phố. Bên này là đường Nguyễn Thái Học, bên kia là Đoàn Trần Nghiệp. Cũng thời là nhà cửa phố xá ngày xưa, nhưng có vẻ gì tiêu điều xa vắng. Mới bốn năm, mưa nắng đã làm cho gạch vôi ẩm mốc xám đen, tang tóc buồn thảm. Nhìn những bước chẹn người đi lại trên hè phố, tôi như thấy được nỗi chịu đựng đầy cay đắng trong cái dáng hấp tấp, vội vàng hay ngập ngừng, đắn đo. Ôi ! Những người dân vô tội đáng thương của một đất nước "anh hùng". Trên đường Trưng Vương, tiệm vàng Tín Thành cao ba tầng bị tịch thu, được đổi thành Phòng Y tế Thị Xã. Đã gần xế chiều vậy mà bệnh viện vẫn còn kiên nhẫn sắp hàng, đứng dài ra tới ngoài sân. Nhiều em bé trơ xương nằm lả người thiêm thiếp trên tay mẹ. Nhiều cụ già khăn áo bạc màu hom hem, còm cõi, nhăn nhuc sắp hành chờ đợi tới phiên mình.

Qua đường Hùng Vương có trường trung học Nguyễn Trãi thương yêu ngày xưa, tôi hàng ngày hai buổi đi về, với bao thầy bạn thân thương, bao mộng mơ một thời mới lớn, bây giờ trở thành Phòng Giáo Dục. Hàng dừa xanh mát rủ bóng trong sân, đã được đốn đi thay vào đó là sân đánh bóng chuyền, treo cái lưới rách giăng ngang, giành cho công nhân chức nhà nước chơi đùa. Rải rác có các cán bộ dép râu nón cối, gương mặt lăm lăm lì lì. Tôi nghe đau nhói trong tim. Có cái gì mất mát tổn thương quá lớn...Như một thứ tình yêu rạn nứt.

Đất đổi hoa màu, nhà đổi chủ

Trâu quên mục tử, ngựa quên chuồng. (Nguyễn Bính)

Không, cảnh tuy đổi thay, người đổi thay nhưng lòng tôi không thay đổi. Dầu người ta có bắn phá, đập nát, đốt cháy hết cả cái tỉnh Bình Dương này nhưng trong tôi vẫn còn hoài, còn huỷ hình ảnh chợ Phú Cường bằng bê tông cốt sắt đồ sộ với cái tháp đồng hồ cao sừng sững, dòng sông Sài Gòn uốn khúc lặng lẽ trôi từ thành Săng Đá xuống, mang theo trong dòng vẫn đục từng đê lục bình xanh xanh, trở bông tím tím, dốc Ông Cò thoai thoải, im mát hai hàng cây sao cao vút, dốc nhà thương có trường Nam Tĩnh Lý Châu Thành, có nhà thờ bằng đá hoa cương, mỗi khi hè đến, hàng phượng vĩ trở hoa đỏ rực, rền rền tiếng ve.

Trong đầu óc tôi những ngày tháng ngây thơ đó thân tiên quá. Những hình ảnh như vậy ngàn đời trong tôi không phai nhạt chút nào. Nó đã thấm vào tim óc, vào từng tế bào từ lâu lắm. Chắc từ hồi còn ở trường tấm mưa. chạy lượn xoài, lượn ôi rụng trong những cơn mưa giông, giành giật nhau la hét vang rân từ đầu làng cho tới cuối xóm.

Ôi, Bình Dương thân yêu của tôi, chỉ vài ngày nữa thôi, tôi phải bắt buộc đứt ruột mà xa lìa. Ở đó tôi có biết bao nhiêu bạn bè mà gương mặt xanh xao, màu rau nhiều hơn màu thịt cá. Ở đó tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm thời thơ ấu, bao gắn bó của một thời mộng mơ, bao tin tưởng của một thời thành đạt. Làm sao tôi có thể ra đi mà không bịn rịn, xót xa!

Tôi cũng muốn đi một vòng thiết xa, để nhìn cho hết những con đường dốc khúc khuỷu quanh co, bùn sinh trơn trượt của các hầm đất sét ở Lò Chén, các con đường làng kéo kẹt tiếng đọt tre đong đưa miệt Xuân Hiệp, những con đường đất đỏ ngoằn ngoèo im mát bóng cây ăn trái miệt Giếng Máy, Cầu Ông Đành, những liếp rau ngát xanh, những bờ nước đầy rong đuôi chồn trong vắt miệt Phú Văn rồi vòng lên các ngọn đồi cao miệt Bà Lụa để nhìn trở lại dòng sông Sài Gòn chảy uốn khúc lặng lẽ qua tỉnh lỵ. Tôi muốn gặp hết tất cả những người quen biết, tất cả bạn bè thân yêu, để nói câu giả biệt. Nhưng làm sao, làm sao được!

Tôi không thể nói gì hết. Gần trên bốn năm nay rồi tôi sống im lặng, vật vờ thu mình như một cái bóng mờ, lặng thinh câm nín. Một chút động tĩnh cũng không dám. Người ta hoài nghi, xoi mói, rình mò. Tôi không thể nói bất cứ điều gì, dầu chỉ là lời từ giả. Nếu nói được thoải mái thì đâu cần phải ra đi làm gì ! Đúng rồi, nếu nói được thoải mái thì đâu cần phải ra đi !!!

Giờ này dưới ánh nắng thoi thóp của buổi chiều sắp tắt, tôi nhìn trở lại Bình Dương của tôi, một lần. Một lần cho thật rõ, thật kỹ những cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị... Tôi muốn ôm hết, thu hết, ghi nhận hết trong tim, trong óc, bởi vì tất cả sẽ vĩnh viễn mất đi khi tôi cất bước lên đường. Mai kia khi tôi đi rồi thì tương lai kể như mù mịt, quá khứ trở thành chiêm bao ! Bình Dương bây giờ, Bình Dương của ai ?

ooo

Chuyến xe đò quốc doanh Đồng Hiệp sơn đỏ, chuyến cuối cùng trong ngày đưa vợ chồng tôi rời khỏi tỉnh. Cái bến xe chật hẹp nằm cạnh trường trung học Bồ Đề của tỉnh lỵ buồn hiu, ảm đạm, dưới ánh nắng thoi thóp của buổi chiều sắp tắt. Màu nắng vàng vọt, lẫn trong làn gió thoảng cái hơi hướm của biệt lỵ. Lòng tôi chùn xuống, nhấp nhô theo từng căn nhà, từng miếng vườn, từng khúc quanh của con phố nhỏ. Tất cả đối với tôi quen thuộc quá. Ngang qua nhiều xóm làng hai bên đường, nhà nhà còn treo đầy cờ đồ sao vàng của ngày lễ vừa qua chưa kịp gỡ. Cũng có thể vì chưa có lệnh nên chưa ai dám lấy xuống. Chiều nay đâu có giống bão mà sao lòng tôi đầy mây giăng, trời không mưa mà mắt tôi ướt ướt. Tôi cố nhòai người qua khung cửa xe để nhìn cho rõ, cho kỹ, nghe từ trong cõi lòng câu hát ngày xưa:  
"Ra đi là sự đánh liều, mưa mai nào biết nắng chiều nào hay."

Bây giờ là nắng buổi chiều, tôi sắp phải đương đầu với những cơn mưa giông buổi sáng. Liệu tôi có đủ nghị lực để chống chọi với gió táp mưa sa chẳng ? Lò dò tôi mở cái xách tay dưới chỗ ngồi, để tìm cái khăn nhỏ. Tôi thấy một hủ dầu cù là lớn, chai Nhị Thiên Đường, mấy gói thuốc

cảm, thuốc đau bụng, cùng một vĩ thuốc ói mửa... Như một dòng suối tràn không chặn lại được, nước mắt tôi tự nhiên trào ra, ràn rụa. Những giọt nước mắt chảy dài trên gò má, rơi xuống miệng, mặn đắng. Cũng may tôi có mang cái kiếng đen, nên không ai thấy. Mấy món tôi vừa thấy được đó là của má tôi, hồi sáng này, chính tay bà đã để vô.

Chuyến đi quá hấp tấp nên tôi không kịp chuẩn bị gì hết. Lúc gần trưa hai đứa em, Tuyết và chồng nó từ Sài Gòn về. Hai đứa chun vô nhà bằng cổng sau nhanh như một luồng gió, hấp tấp báo cho hay là chuyến vượt biên sắp khởi hành, vợ chồng tôi và các em còn lại ở Bình Dương, phải xuống Sài Gòn ngay trong chiều nay để sáng mai đi Bạc Liêu, chuyển xe sớm nhất trong ngày. Làm sao kịp, tuy đã biết là sẽ đi nhưng cứ tưởng là ít nhất phải năm, ba tuần nữa. Tự nhiên tay chun quỳnh quáng, tôi chạy ra nhà trước, đứng nhìn cái bàn viết, cái tủ rồi ra sau, vô phòng ngủ, nhìn cái giường, cái tủ áo, rồi chạy lên lầu, tần ngần đứng lặng nhìn cái tủ sách. Đọc theo tường, cạnh bàn thờ tổ tiên giữa nhà, là cái tủ sách bằng cẩm lai thiệt lớn. Đờn tôi đó ! Cái tủ sách hàng nâng niu, ôm ấp, giữ gìn, bây giờ nó đã trống trơn. Sách vở bị tịch thu từ những năm trước. Từng đoàn người lạ mặt, thô lỗ, tủa vô nhà, lục lọi, bươi móc tứ tung, cuối cùng bưng ra xe từng chồng sách vở, tạp chí, tranh ảnh đủ loại. Họ đã rút đi từng cội lòng tôi. Trên mấy ngăn đầy bụi, bây giờ chỉ còn lỏng chỏng năm ba bộ sách chữ nho xưa, vì không đọc được nên họ quăng bỏ lại. Đây đó phát phơ vài màng nhện mỏng, bụi bám giăng giăng. Đờn tôi không thể thiếu sách vở. Đi đâu thì đi, làm gì thì làm, cũng phải có một cuốn kế bên. Tại sao không lựa một cuốn đem theo làm kỷ niệm ? Sách gì cũng được. Người ta vượt biên đem theo vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, tại sao tôi không đem theo sách ?

Quyết định xong, tôi lướt nhìn một lần chót những tựa sách thân yêu. Bộ Khang Hi tự điển dày mo để cạnh bộ Tứ Thư bìa đỏ, in hình cổ chiến xa ngựa kéo, bên trên có che cây long tròn, quyển Dịch Kinh Bạch Thoại Tân Giải, Thi Kinh Bạch Thoại Chú Giải bìa đen, giấy mỏng in thạch bản. Mấy quyển tiểu thuyết Đường Cung Nhị Thập Triều, Thanh Cung Thập Tam Triều, Tam Quốc Chí, Hồng Lâu Mộng, Lục Dã Tiên Tung, Liêu Trai Chí Dị, Đường Thi Tam Bách Thủ nằm đứng ngã nghiêng bên cạnh mấy cuốn Trung Quốc Văn Học Sử Giản Yếu, Cổ Văn Quan Chi, Cổ Văn Bình Chú, chữ đồng nhỏ như con kiến. Tôi rờ rẫm từng cuốn, từng cuốn, rồi cầm lên bộ Từ Nguyên. Đó là bộ tự điển được in ở Thượng Hải Tiêu Cục, tôi đã mua ở Chợ Lớn, lúc mới bắt đầu học chữ nho với giá rất mắc, bìa đóng bằng vải dày, giấy trắng mịn, mỏng tanh. Nhưng lại dễ xuống. Hai quyển thượng và hạ, mỗi quyển trên cả ngàn trang, nặng quá. Tuy rằng nó quá thiệt, nhưng làm sao ôm xách đem theo.

Nhìn những quyển này, tôi như thấy được những ngày tháng ở Văn Khoa Nguyễn Trung Trực, ở Sư Phạm Cộng Hoà. Những ngày tháng sống đời sinh viên hạnh phúc biết bao nhiêu ! Ở đó tôi có được những bạn thân, những vị thầy quý mến. Thầy Lê Ngọc Trụ đơn giản trong nếp sống của người học giả, lúc nào cũng thoải mái, cặp kiếng già thường xè xệ trên sống mũi, cái mũi lớn sần sùi, đỏ đỏ như trái cà chua. Ngày nhập học, tôi đã làm thầy với ông tùy phái, đến khi vào lớp mới biết mình đoán người qua cách ăn mặc là ngu ngốc hết sức. Từ đó tới sau, lúc nào tôi cũng nhớ hoài câu " ngọc trụ bình thiên ". Thầy Nghiêm Toàn mập người, lùn thấp, dáng đi bệ vệ, miệng hơi hô, tánh chừng chạc, nghiêm nghị mà ôn hoà. Tôi chưa bao giờ thấy thầy lộ vẻ nóng giận. Ngồi dưới bàn học nhìn lên, dáng vẻ thầy từ tốn, thong dong. Thầy Nguyễn Đăng Thực, óm cao dong dỏng, lòng bàn tay đỏ như son, càng giăng càng hùng hồn lưu loát. Có điều môn Triết Đông Phương sao mà hơi khó hiểu rồi cuối cùng thành ra không hiểu ! Tôi vốn suốt đời nghe tới môn này là sợ. Cụ nghè Nguyễn Sĩ Giác thiệt óm, thiệt nhỏ và thiệt già. Có thể cụ đã trên chín mươi rồi không chừng, người cụ mỏng manh, nhẹ hững. Mắt cụ hầu như gần loà, mỗi lần đọc chữ phải dùng kiếng lúp. Cụ cử Thẩm Quỳnh tuy tuổi cũng đã cao nhưng còn tráng kiện, lúc nào quần áo cũng phẳng phiu. Suốt mấy năm học, tôi chưa bao giờ thấy cụ ngò. Có anh bạn phụ đề Việt Ngữ - cụ Quỳnh không ngò vì sợ quần nhả ! Mỗi lần nói chuyện với cụ là phải dùng chữ "bẩm" chớ không nên dùng chữ "thưa" vì như vậy, mới



đúng là con nhà gia giáo. Hồi ra mới biết, có một thưở cụ ngài Tổng Đốc Hà Đông ! Cụ Vũ Huy Chiêu, đậu Tú Tài kếp nhưng tài hoa rất mực, tuy đôi mắt đã lèm nhèm nhưng mỗi lần cụ viết xong một bài văn chữ Hán trên bảng đen, tôi nhìn say mê ngây ngất. Những nét chấm, phết, sỗ tung hoành, bay bướm, đẹp như những lá tre đan vài nhau...

Ôi ! tuổi hoa niên thoáng nhanh như cơn gió. Mới đây ngày nào mà đã gần hai mươi năm. Tôi cầm lấy hết cuốn này tới cuốn kia, cuối cùng rồi chọn lấy bộ sách bói của gia đình. Đó là một bộ sách xưa lắm rồi, củ kỹ, tả tơi. Không biết từ đời nào, trong nhà đã có bộ sách này, khi lớn lên đã có nó trên bàn viết của ba tôi. Sách gồm có sáu cuốn mỏng nhỏ, in bằng bản cây khắc tay, nét chữ rất thô sơ, giấy bạch mỏng tanh, xếp đôi lại làm một tờ, màu giấy đã ố vàng ngà ngà, mỗi một ăn lũng nhiều chỗ thành những đường ngoằn ngoèo, đen đũi. Đó là quyển " Tả San Bốc Dịch" của Dã Hạc Lão Nhơn. Tôi bèn cầm xuống nhà dưới, kiểm giấy ni lông bao lại thành nhiều lớp, dùng bàn ủi đốt cho dính khấn các mối rập, nếu có bị nước biển thấm vào, nó cũng không mục được. Bộ sách đã lâu năm lắm rồi, không thể để cho nó hư rách thêm. Các quyển khác, có tiền có thể mua lại được, ở Hồng Kông, Đài Loan thiếu gì! Quyển này thì không. Cái giá trị không phải là ở nội dung của nó mà là kỷ niệm của gia đình. Đã bao lần ông tôi, bác tôi, ba tôi, đã cầm lên, lật ra coi tới coi lui, ngâm nga từng câu phú câu thơ, ... rồi bây giờ tiếp tục tới tôi nữa. Nếu để lại, mấy trăm trang giấy bạch chỉ đủ cho mấy ông ghiền dùng quán thuốc hút trong vài tuần!

Lúc đó thì Duyên vừa ở trường về. Tôi bèn cho hay chuyển đi. Nàng nghe tin như từ cung trăng rớt xuống, cũng như tôi ban nãy, nàng không biết lấy gì bỏ gì. Cuối cùng rồi hai vợ chồng gom góp chút đỉnh quần áo, tiền bạc, đồ vật dụng tùy thân cần thiết hàng ngày. Nhiều nhất là thuốc men cho đứa con trai nhỏ, thằng Tâm Bi mới vừa tập đi lắm lắm. Món nào cũng tiếc, muốn mang theo hết. Mà làm sao được, đi trốn chớ bộ đi du lịch sao ! Khi hai cái giỏ xách tay của tôi và Duyên đã đầy, sắp được đóng kín thì má tôi từ trong phòng đi ra, cầm một mớ thuốc nhét vô thêm, miệng dặn dò:

-Hai con rán giữ mấy món thuốc này. Đi đường xa, bệnh hoạn lòi thòi, có nó cũng đỡ, hổng có ba mày với tao theo, rui tụi bây đau yếu, không biết rồi làm sao xoay trở ?

Má tôi như vậy đó, lúc nào bà cũng coi tôi như còn nhỏ xíu, thấy có bồn phận phải chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ, ngay cả khi tôi đã có vợ có con. Nói xong, bà giằng lấy thằng Bi, ôm chặt nó vào lòng. Tôi nhìn lên trần nhà, mấy ngọn đèn ống trắng hình như không còn song song mà chúng chập choạng đâm xiêng vào nhau. Ba tôi đứng cạnh bên hút thuốc liên miên. Ông bắt động như pho tượng, im lìm không nói năng. Có lẽ hình ảnh tôi bỗng con đi vượt biên trưa nay, giống y như hình ảnh bốn mươi năm về trước, từ bờ sông Dương Đông của hải đảo Phú Quốc xa xôi, ông đã ẵm tôi theo ghe bầu mà về đất liền để chạy giặc Nhứt Bồn. Tôi nghe đau nhói trong lòng. Căn nhà rộng rinh, từ lâu rồi nó đã trống trơn. Cũng may là còn có anh em tụi tôi, quây quần ấm áp. Bây giờ xúm rủ nhau đi như đàn chim tứ tán, xao xác bay lìa tổ. Cái tổ rộng thênh thang chỉ còn có hai con chim già ngơ ngác, bơ vơ. Rồi đây ai lo cơm nước, ai đỡ đần việc nhà việc cửa, bệnh hoạn ai lo chăm sóc thuốc thang?

Ba má tôi đó, hai ông bà già da dẻ nhăn nheo như vỏ cây dầu, lưng còng gổ mồi, sống đã trên bảy mươi năm trong cái cuộc đời đau khổ đầy nước mắt này. Bây giờ một lần nữa, chúng kiến bầy con cháu đứt ruột ra đi để đến một phương trời xa xôi nào đó, mà tương lai chưa biết thế nào ?

Tôi bắt chợt ôm lấy hai người mà khóc ngất như một đứa con nít lên ba. Những dòng nước mắt trào ra như suối, không kim lại được. Ba tôi nói trong nỗi nghẹn ngào:

-Để tụi bây đi, tao đứt từng khúc ruột, nhưng biết làm sao bây giờ " -người ta không để cho gia đình mình sống yên.

Ôi " Tình cha mẹ thương con để đâu cho hết. Bây giờ ngồi trên xe, tôi lục lọi trong xách tay để

kiếm cái khăn, bất ngờ đụng phải mấy món thuốc mà má tôi đã nhét theo. Bỗng dưng tôi thấy choáng váng quay cuồng, đầu óc lộn xộn, lung tung, rối beng như núi chỉ. Những hình ảnh chập choạng rập rối. Thấp thoáng đâu đây, tôi thấy cái nhà cằn gạch sứ trắng số 16 đường Nguyễn Thái Học, thị xã Phú Cường có ba tôi đeo kiếng già, áo sơ mi trắng ngồi bán thuốc, má tôi áo bà ba trắng, quần lãnh đen, xách giỏ mây đi chợ. Lối xóm có chú tư Vũ Văn Lưu, ồm ồm cao cao ngồi trên chiếc ghế treo bằng da để đóng giày, cô hai Hiệp Thành mập phục phịch mở tiệm cầm đồ, cô hai Hiệu trắng trẻo, dịu nhiều bên tiệm thuốc tây, ông Mỹ Kiều có tật chun đứng ẹo mình một bên, uốn tóc cho khách, bác Hai Đức Hoà mập mạp, bán sắt bán đinh. Trên dốc nhà thương, miệt Bưng Cải, có các bạn tôi, anh Hưng, anh Thạnh, anh Phúc, anh On, tất cả quây quần thân ái, kể chuyện buồn vui đời dạy học và những đứa học trò thân yêu nữa, chúng đang học tập nô đùa ở sân trường.

Tôi thấy hết, rất rõ những kỷ niệm của trên ba mươi mấy năm sống yên vui ở cái vùng đất trái ngọt cây lành này. Tôi cũng nhìn thấy những chiếc xe thổ mộ già nua chất đầy giống gánh, lọc cọc, lọc cọc chạy trên những đường đất đỏ ngoằn ngoèo Tương Bình, Bến Thê, Mỹ Hảo, hai bên là ruộng rẫy xanh mát. Những người đàn bà lam lũ tần tảo xuôi ngược, những người dân quê nghèo khổ, dang nắng dầm sương, vun xới những luống rau xanh...

Cuộc đời tôi đó. Nó gắn chặt vào những hình ảnh thiết đơn sơ, thiết tầm thường nhưng đầy đủ quá, thân thương quá. Tôi còn ước muốn gì hơn ? Vậy mà đến gần nửa cuộc đời, bắt buộc phải đành đoạn ra đi, để đến hay không đến, một góc biển chân trời xa lạ nào đó, không cha mẹ, không người thân, không bạn bè, rồi sẽ sống chung với những người không cùng màu da, không cùng tiếng nói... Tôi không thể tưởng tượng rồi sẽ ra sao nữa !

Duyên chắc cũng mang tâm trạng rối bời, nàng cũng ủ rũ không kém, từ khi cất bước ra khỏi nhà tới giờ không nghe nói năng. Xe đã qua khỏi quận Lái Thiêu, ngang qua lò đường Vĩnh Phú, những thửa ruộng mía ngút ngàn, xanh ngắt ngắt, mùi nước chè ngào ngọt thoảng vào lòng xe, một tấm bảng to dựng bên đường để làm ranh giới Bình Dương với Gia Định. Bốn chữ sơn xanh đậm nét " Hẹn ngày tái ngộ " đập mạnh vào mắt, khiến tôi bàng hoàng. Duyên nghiêng qua tai, nói thiệt nhỏ:

-Vĩnh biệt Bình Dương phải không anh ?

Bình Dương bây giờ như một cố nhơn, sắp rời xa trong mắt nhưng không phải trong lòng, làm sao có thể dễ dàng phai lạt được, dầu ở chốn nghìn trùng vời vợi.

[Chờ trông quê cũ nao nao](#)

[Mặc cho tim lụn, dầu hao cũng chờ](#)

Tôi gượng gạo trả lời, giọng yếu hẳn đi:

-Không phải đâu em, anh hy vọng chỉ là tạm biệt.

## [Bác Năm hớt tóc](#)

**Không** nhớ được là tôi quen bác Năm tự bao giờ. Nhưng chắc là lâu lắm, từ lúc còn nhỏ xíu. Cứ cách một tháng là chạy qua nhà bác để hớt tóc một lần. Tiện lắm, vì nhà tôi và tiệm hớt tóc sát vách nhau. Suốt ngày ngồi bên nhà ngó qua tiệm, tôi đánh vần chữ HoToc vẽ trên cái giá để xe đạp. Có lần tôi hỏi bác Năm:

-Cái bảng hiệu của bác viết như vậy thì con nên đọc là Ho Tóc hay Hốt Ốc ?

-Mày muốn đọc cái gì thì đọc. Muốn vừa Ho vừa Ốc cũng được.

Bác Năm người lùn thấp, mắt to, mũi lớn, dáng chắc chắn nhanh nhẹn, nói năng hoạt bát. Căn tiệm cũ kỹ, bàn ghế vá vúi, ọp ẹp. Trên tường ngoài mấy tấm kiếng sứt mẻ, còn có tấm chân dung của bác mặc veste thắt cà vạt trắng, y như hình của kếp Thành Được hay Út Trà Ôn. Bác thường sung sướng khoe với khách là hình này chụp tại Hà Nội, khi đi chơi ngoài đó lúc hai mươi tuổi. Tấm ảnh đã cũ, màu thuốc vàng ố nhưng ánh mắt trong ảnh vẫn còn vẻ tinh anh của tuổi thanh niên hoạt động.

Đôi khi tuy không hút tót, tôi cũng qua nhà để nghe bác kể chuyện. Chuyện xưa chuyện nay đủ thứ. Tùy theo trình độ và sở thích của khách, bác nói về thằng Hít-Le đánh Pháp, ông Khổng Minh đốt huyệt Tư Mã Ý hoặc Tôn Tẫn giả điên, năm lần lộn trong chuồng heo để gạt Bàng Quyên. Ngoài chuyện Tây, chuyện Tàu, bác còn biết chuyện bấp chuối trở hình ông Phật, chuyện ông thầy nước lạnh trị bệnh thần sầu, chuyện anh bán tàu hủ trứng số độc đắc một triệu đồng. Tôi mê man theo dõi, trí tưởng tượng mặc sức mà bay bổng, tuổi thơ lớn dần theo những câu chuyện hấp dẫn. Cho tới khi lớn lên, tôi phải rời tỉnh nhà để đi học tận Sài Gòn xa xôi, sau đó lại lặn lội kiếm sống, lang thang hết tỉnh này đến tỉnh khác, cơ hồ tôi quên bằng bác Năm. Cho đến một ngày mà người ta nuôi heo trong dinh Độc Lập hoặc xúm nhau cời trần bửa củi ở trước sân tòa đại sứ Anh thì tôi quay trở về tỉnh cũ với một tâm trạng rối bời. Ngoài đường xe phóng thanh chạy rầm rộ khắp phố. Những điệu nhạc lạ lùng khó nghe, chói tai vang dội, nửa như vui mừng chiến thắng, nửa như đe dọa. Bạn bè cũ không còn ai. Lớp thì được nhà nước ưu ái cho đi học tập mất bóng. Lớp thì trở thành giai cấp cầm quyền, họ đâu có thêm chơi với hạng dân ngụ. Tôi như con cua gãy càng bị lật ngửa, loay hoay không biết làm sao để cứu lấy thân. Cả ngày lúc thức ở nhà, nơm nớp lo sợ không biết bao giờ được công an hỏi thăm sức khỏe đây. Một hôm nhìn vào kiếng, thấy râu tóc dài tuột, tôi chợt nhớ tới bác Năm. Mấy đứa em cho biết bác bây giờ vẫn hút tót như xưa, có điều là đã dời nhà vào trong một khu phố vắng từ lâu. Hình ảnh Tào Tháo, Lưu Bị, Hít-Le, Pétain ùn ùn nổi dậy trong đầu, tôi lò mò đi tìm nhà bác.

Tiệm hút tót bình dân không có bằng hiệu nên khó kiếm. Đó là một căn phố nhỏ hẹp, tối tăm, ẩm thấp. Tấm bảng HoToc không còn nữa. Bàn ghế, tấm ảnh là những vật dụng còn lại không thay đổi, tuy có đen đúa cũ kỹ hơn. Dưới đất cạnh trang thờ Thổ Thần với Tài Thần là một đám tót vụn được quét gom lại chưa kịp hút. Riêng bác Năm đầu tóc bạc phơ, ở trần, ốm nhom nhưng dáng còn khỏe mạnh. Bước vào nhà, tôi hỏi ngay :

-Bác Năm có còn nhớ con ?

Bác nhìn tôi, ngợ một lúc, mắt nheo nheo :

-Thầy phải là thằng Điền không ?

Tôi mừng vì bác còn nhận được. Tôi hỏi thăm bác gái, các anh chị cùng công cuộc làm ăn hiện nay. Bác tóm tắt là con trai và con rể đi học tập, con gái và dâu bán chợ trời. Chấm dứt câu, bác thở dài:

-Còn tao trên bảy mươi tuổi mà còn phải đứng hút tót đây !

Tôi an ủi:

-Đúng là cuộc đời. Ở chợ nhiều người lên voi xuống chó lắm !

Sau khi nghe tôi nói, bác phản ứng ngay, ánh mắt sáng lên mạnh mẽ:

-Người ta lên voi thì xuống chó là phải. Còn tao đâu có lên hồi nào mà bây giờ xuống tới trâu !

-Tại sao bác lại nói xuống tới trâu ?

-Tao không được bằng chó. Chó khỏi phải lao động mà còn có ăn. Tao già rồi mà vẫn còn phải kéo cày. Lúc trước nhờ mấy đứa nhỏ nuôi, tao tưởng tuổi già được khỏe, nào ngờ, chuyện đời thay đổi, bây giờ tao không làm, cả nhà lấy gì mà sống !

-Thì bác cũng như ba con. Ông năm nay bảy mươi hai rồi, tụi này bị cho nghỉ việc hết, kéo về ăn hại. Ở ngoài con bây giờ, con cháu, dâu rể đầy nhà.

Tôi nhìn lên tường, bức ảnh bác chụp tại Hà Nội vẫn còn đó. Tôi tưởng tượng đến cái thời sung túc, yêu đời, không bận tâm suy nghĩ, qua mái tóc đen nhánh chải gọn gàng, qua cái cà vạt thắt chỉnh tề, qua cái cổ áo ủi thẳng nếp. Nhìn bác Năm trong hình rồi nhìn bác Năm đứng đây, tôi thấy được sự khác biệt của tuổi trẻ với tuổi già, giữa cuộc sống yên vui với nghèo khổ. Cuộc đời bác biến đổi từ đủ ăn xuống nghèo, từ nghèo xuống tới mức mặt rệp. Thời gian để phần đầu được tới nghèo đói là năm mươi năm làm việc cực nhọc. Bác đã là chứng nhân đồng thời là nạn nhân của gần hai chục cuộc lật đổ, đảo chánh, chỉnh lý, cách mạng... Cuộc cách mạng bây giờ quá to tát vì phải nhân danh nhiều thứ nên hiện tại bác Năm còn được cái quần xà lỏn đen, ở trần phơi xương sống xương sườn mà đứng hớt tóc nơi cái xóm bình dân hẻo lánh này.

Tôi lên ngồi trên cái ghế cây cũ kỹ ngày xưa. Phía dưới tấm ảnh có thêm hai chữ Sư Tổ viết bằng phấn trắng đậm nét. Cạnh bên là tấm chân dung của Hồ Chủ Tịch bằng màu tươi sáng, mặt mũi phương phi, hồng hào. Tôi không hiểu vì vô tình hay cố ý mà bác Năm để hai ảnh song song cạnh nhau. Tôi hỏi nhỏ:

-Bác treo hình ông Hồ như vậy, tụi nó có làm khó dễ gì không ?

Bác ngừng tay kéo, nói một hơi:

-Ôi ! Cũng rắc rối lắm. Mà kệ cha nó. Tao già rồi, đâu có sợ. Tụi xóm ấp bắt nhà nào cũng phải mua hình ông Hồ về thờ. Phải lộng trong khung kiếng đằng hoàng. Tao cũng phải đi kiếm mà thỉnh về, treo ở đó, kế bên hình tao. Mày coi, mới treo buổi sáng, buổi chiều có người báo cáo liền, thẳng trưởng công an xả lại nhà, nạt nộ, biểu tao phải kiếm chỗ nào tôn kính nhứt trong nhà mà treo. Tao hỏi lại nó, nhà tao đâu có chỗ nào tôn kính hơn chỗ này. Nó đứng chống nạnh, nghinh nghinh ngang ngang, nhìn hết khắp nơi, không thấy chỗ nào coi cho được. Nó đành chịu. Sau khi nó về, tao tức mình, lấy phấn viết thêm hai chữ “sư tổ” ở dưới hình của tao. Mày biết ý gì không ?

Tôi làm bộ không hiểu để nghe bác giải nghĩa :

-Chắc là bác muốn nói ở tỉnh này bác là thợ hớt tóc giỏi nhứt chớ gì ?

-Trật lất ! Già thì tao già nhứt, nhưng làm sao giỏi bằng mấy thằng thợ trẻ. Tao không có ý nói về việc hớt tóc. Tụi nó coi Hồ Chí Minh như cha nội nó, tao ghét, để hình kế bên hình tao, để chữ “sư tổ” có ý tao là sư tổ của tụi bây chớ không phải Hồ Chí Minh đâu !

-Bác không sợ nó bắt sao ?

Bác vừa liếc con dao cạo vào miếng da đen treo bên cột, vừa trả lời:

-Thì nó bắt tao về công an xã rồi. Nó nói tao phản động, tiếp tay cho giặc, khi dễ lãnh tụ, tuyên truyền không đúng sự thật, gây hoang mang cho đồng bào, phá hoại chánh sách đường lối đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà Nước... Ôi, nghe mà mệt lổ tai. Tao tức quá hỏi bằng chứng đâu mà mấy chú kết tội tôi như vậy? Thằng công an nhỏ xíu, mặt non choẹt, nó nói tao hết hồn. Ngày mấy, tao chửi cán bộ dốt nát, ngày mấy tao chửi thẳng trưởng công an lấy vợ người ta, đày chồng đi học tập, ngày mấy tao chửi già Hồ ngu quá đem chủ nghĩa cộng sản bên Nga về làm khổ dân...

Tôi cười hỏi lại :

-Mấy chuyện đó bác có nói thiệt không? Hay là tụi nó đặt điều?

Bác Năm cười hi hi, thú nhận:

-Tao có nói mới chết chớ! Nó kể chi tiết trùng phong phúc. Mà kỳ thiệt, đâu bao giờ tao nói mấy chuyện đó cho cán bộ hay bộ đội nghe. Người nào tin cậy lắm tao mới dám chửi cho đã miệng; nào ngờ tai vách mạch rừng, tụi nó biết ráo trời...

Rồi bác tiếp :

-Nhưng bị tao chọc quê nặng nhứt là thằng Bí Thư Tỉnh Ủy. Kỳ đó nó được đi Liên xô để thăm mẫu quốc. Mừng hóm, về khoe khoang um sùm, đi đâu cũng họp dân lại bắt nghe nó kể lễ thành tích. Dụng ý là khoe đời sống người dân Nga sung túc ấm no. Bên Nga cái gì cũng lớn, cũng tốt, cũng đặc biệt. Chừng vài năm nữa thì dân Việt Nam mình cũng được y như vậy. Nó nói thao thao bất tuyệt. Tao ngồi nghe mà cứ tưởng nó là nhân viên phòng thông tin Liên xô. Có

đoạn nó nói là bất cứ nhà người dân Nga nào cũng trải drap từ trong nhà ra tới ngoài ngõ. Tao nhin không được, đứng lên hỏi tại sao kỳ vậy? Drap trải trên giường chớ sao lại trải dưới đất? Cả hội trường cười ồ, thằng trưởng đồn công an nhìn tao gờm gờm. Thằng Bí thư cũng không biết là nói trật, lại nói chính mắt nó thấy tại thủ đô Mát-Cơ-Va trải đầy nhà, đi êm chợn lấm. Trời đất ơi! Lúc đó ai nấy bật ngựa hết. Thảm trải nhà mà anh ta lại nói là trải giường. Sau đó nó biết là nói trật, quê quá cho người theo dõi, rồi tao bị bắt lên công an xã.

-Rồi bác trả lời ra sao ?

-Còn trả lời ra sao nữa! Tao lỡ trốn làm luôn. Cái đó chữ nho gọi là “cùi hết sợ lờ” phải không vậy ?

-Đâu bác “không sợ lờ” được mấy phần trăm, nói cho nghe với ?

-Lúc đó tao cũng sùng trong bụng. Tao nhận có hết rồi hỏi lại anh nói tôi cho là cán bộ dốt nát, vậy chớ cán bộ có dốt không ?

Nó ừ ừ, à à trong cổ họng. Tao tấn công luôn: chủ nghĩa cộng sản ầm no mà sao tôi đói, bảy mươi mấy tuổi rồi mà còn phải đứng hớt tóc suốt ngày, dân đi kinh tế mới về ngủ la liệt đầy ngoài chợ, bến xe ? Nó trả lời gượng gạo, bây giờ phải hy sinh khắc phục gian khổ. Tao nói luôn, ngày trước thì tham nhũng, hối lộ, dụ dỗ gái tơ, cán bộ bây giờ thì sao?

Nó cứng họng, đập bàn đập ghế, la hét um sùm. Rồi thằng trưởng công an xã phạt tao nhỏ cò ngoài nắng ba ngày. Tụi nhỏ phải đem cơm nước tiếp tế. Khi thả tao về, thằng nhỏ công an hôm trước “giáo dục”:

-Bác già cả rồi, tôi không bắt bác làm gì. Bác nhận xét chế độ quá khích, chủ quan, sai lầm.

Nhà nước ta còn nghèo, nhân dân ta còn rất nhiều gian khổ, phải hy sinh thêm nữa, khắc phục khó khăn thêm nữa ! Bác về hớt tóc như thường, nhưng tránh đừng đả kích chế độ. Lần sau là đi học tập dài hạn đó !

-Sau đó, bác có sợ không ?

-Sợ, chớ sao không vậy! Bây giờ nghĩ lại giật mình. Phải nó bắt đi học tập, chắc là bỏ mạng “sa trường” Nhưng tao tính chắc nó không làm gì tao đâu. Một là tao già quá rồi. Rủi có chết thì tụi nó mang tiếng. Hai là tao nghèo quá. Có gì để tụi nó moi. Tao thuộc thành phần giai cấp “vô sản chơn chính” mà !

Rồi bác hạ giọng, nói nhỏ như sợ người ngoài nghe :

-Mày biết không, tụi nó gần chết hết rồi!

-Tại sao vậy bác? Bộ có phục quốc về gần tỉnh mình rồi hả ?

Bác hỏi lại tôi, thay cho câu trả lời:

-Mày học chữ nho, mà lại không chịu nghiên cứu, uống thiệt! Tao thấy nó đúng rõ ràng. Phần đầu đã ứng nghiệm rồi thì phần cuối phải trúng phóc! Tao nhắc lại cho mày nhớ lại mấy câu sấm Trạng Trình nè. Phần đầu là ở cái đoạn này:

*Cửu cửu càn khôn dĩ định*

*Thanh minh thời tiết hoa tàn*

*Trục đáo dương đầu mã vĩ*

*Hồ binh bát vạn nhập Trường An*

Cái đoạn này theo tao, nó quan trọng ở hai chữ “dĩ định” Dĩ định có nghĩa là xong rồi, mọi việc đều đã được an bài. Cái gì được an bài? Đó là cuộc chiến ba mươi năm phải đến lúc kết thúc. Mà kết thúc như thế nào thì cụ Trạng nói liền ở câu sau. Theo tao hiểu thì “Thanh minh thời tiết hoa tàn” là Hoa Kỳ sẽ tàn vào tiết thanh minh. Mày thấy đúng ghê chưa! Năm 1975, Mỹ rút chươn ra khỏi Việt Nam, uy tín trên thế giới bị sa sút thấy rõ.

-Theo bác nói vậy thì miền Nam mất năm 1975 có ứng vào câu nào đâu? Theo con thấy câu đầu phải ứng vào năm 1981 chớ.

-Mày hiểu vậy là sai rồi. Không phải “cửu cửu” là tám mươi mốt đâu. Cửu là con số cùng cực của hào dương. Ông dùng hai chữ cửu cửu để nói cái ý của hào dương lên đến tột đỉnh. Vậy là

nó bắt đầu xuống dốc theo cái định luật âm dương tiêu trường “vật cùng tắc biến, khí mãn tắc khuynh”. Nói là hai chữ “cửu” nhưng thiệt ra chỉ có một thôi.

-Con hồng chịu bác giải nghĩa như vậy đâu. Không lẽ cụ Trọng cà lăm, dùng chữ thiếu chính xác.

-Mày dốt thì có, chớ ông Nguyễn Bình Khiêm đâu có dốt. Mày có nhớ chuyện người điên ở nước Sở không? Khi đức Khổng Tử đi truyền bá đạo Nho, lang thang hết nước này qua nước nọ, không ai tin dùng. Thầy trò lồi thối lếch thếch ngang qua nước Sở. Lúc đó có một người hiền ở ẩn, giả bộ điên khùng, đi tạt ngang xe của Ngài, nói câu -“Phượng hề, phượng hề, hà đức chi suy?” Con chim phượng kia, con chim phượng kia, cái đức của mi ra sao mà suy quá vậy? Tao hỏi mày “phượng hề, phượng hề “ vậy thì có mấy con chim phượng? mấy đức Khổng Tử?

-Ờ, ờ, thôi cũng tạm được đi, nhưng Sài Gòn bị chiếm vào năm Ất Mão, tháng ba âm lịch, tức tháng Thìn, tại sao cụ Trọng lại nói là “dương đầu, mã vĩ, Hồ binh bát vạn nhập Trường An”.

-Mày không chịu suy nghĩ cho thấu lý. Bộ đội chiếm được Sài Gòn ngày 30 tháng 4 nhưng đâu phải ngày đó tụi nó vô thành phố đúng tám chục ngàn lính. Phải vài tháng sau, cuối tháng năm, đầu tháng sáu, tụi ngoài Bắc vô đầy đường, đúng phóc là tháng Ngọ, tháng Mùi mà. Nè, mày thấy cụ Trọng giỏi không? Cụ dùng chữ Hồ binh để chỉ cho người đời sau biết rõ chi tiết. Hồ binh là binh đội của cụ Hồ! Thiệt rõ như ban ngày. Hôm trước đọc lại cuốn Việt Nam Sử Lược, tao tìm thấy thêm một điều lý thú nữa. Sau khi dẹp yên giặc Nguyên hồi thế kỷ XIII, thượng tướng Trần Quang Khải tiến quân vào thủ đô Thăng Long, đã xúc động thốt lên lời thơ hào hùng :

*Đoạt sáo Chương Dương độ  
Cầm Hồ Hàm Tử quan*

Cái chữ “Hồ” trong câu thơ này là tụi Mông Cổ, nói chung lũ giặc phương Bắc. Đời xưa rợ Hồ ở phương Bắc biên giới Trung Hoa. Nó gồm các dân tộc Hung Nô, Thát Đát, Hồ Ngột, Thổ Phồn, Nga La Tư và các giống dân thiểu số khác. Bây giờ, một số đã thuộc Cộng hoà Liên bang Sô viết. Mày thấy chưa, cụ tiên đoán luôn cụ Hồ làm tay sai cho cộng sản Nga! Mày không tin cứ nhìn cái biểu ngữ giăng ngoài đường “Chủ Nghĩa Mác-Lê Nin bách chiến bách thắng” thì biết liền. Rồi mai một con cháu mình sẽ được cầm búa, cầm liềm đi chinh phục các nước lân cận - Cao Miên, Lào, Thái Lan, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng cộng sản Liên xô anh em!

Nghe bác Năm giải nghĩa có lý quá, tôi tuyệt vọng :

-Như vậy là mình hết đường cạy gỡ rồi hả bác Năm. Cụ Trọng đoán phong phóc thì còn trật chỗ nào nữa. Chừng nào có con, con cho nó đi học chữ Nga...

Bác Năm đã hớt tóc xong, giữ tôi ngồi lại trên ghế, nói tiếp:

-Khoan khoan, mày đừng có hấp tấp mà hư bột hư đường! Vua nào mà nhờn từ, hợp với lòng dân thì còn, vua nào mà thất nhờn ác đức thì mất -như vua Kiệt, vua Trụ, Tần Thi Hoàng... Mà tao nói chưa hết về chữ Hồ. Sợ người sau không hiểu rõ mà đi lạy ma bỏ Phật, cụ Trọng giải nghĩa thêm về tánh tình của người lãnh đạo. Sấm nói rằng lúc đó đất nước sẽ bị cai trị bởi hạng người “thượng đại nhờn, bất nhờn” Người đại nhờn thiệt lớn mà không có lòng nhờn, đó mày là ai ?

Tôi không dám nói sợ người đi ngoài đường nghe, lấy tay chỉ lên tấm hình trước mặt:

-Thì cha nội đó, chớ còn ai vô đây nữa!

Bác Năm kéo ghế sát bên tôi, nói nhỏ:

-Đó, đó, tao muốn nói tới cái phần cuối. Phần đầu đại khái như vậy là mày đã hiểu. Cũng chữ Hồ quái ác này. Nó nằm ở trong cái bài cuối:

*Ô hô! Thế sự tự bành bồng  
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông  
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch  
Kinh thôn hải ngoại huyết lưu hồng*

*Kê minh ngọc thụ thiên khuynh bắc  
Ngưu xuất Lam điền nhật chính đông  
Nhược đãi uring lai sư tử thượng  
Tứ phương thiên hạ thái bình phong*

Mày có để ý cái câu thứ ba không? Con chồn núp trong núi lông nó trắng toát, nghĩa thì như vậy nhưng mình có thể hiểu khác đi vì hai chữ đặc biệt. Chữ Hồ và chữ Mao. Đó là hai họ của hai “thượng đại nhơn”. Tao giải nghĩa lại như vậy. Khi họ Hồ khuất núi thì họ Mao biến thành màu trắng chó không còn đồ nữa. Như vậy là Tàu sẽ từ từ ngã sang tư bản. Lúc đó thì Tàu thành cường quốc. Thăng Nga làm sao chịu được, thế nào cũng xúi Việt Nam gây chiến để có cơ nhảy vô. Cái đó gọi là xúi con nít ăn cút gà! Trận đụng độ ngoài biển này dữ dội lắm nên mới có cái câu “Kính thôn hải ngoại huyết lưu hồng” Tao chắc là ở Cam Ranh hay Hoàng Sa, Trường Sa gì đó! Đúng là trời hại! Cộng sản đánh với cộng sản, mình đứng ngoài coi, chắc đã lắm!

Cái câu thứ năm, mày đoán coi là gì -gà gáy trên cây ngọc, trời nghiêng về hướng bắc? Tao hiểu lơ mờ. Có lẽ cho đến năm Dậu, tội rợ Hồ phương Bắc đó vẫn còn thảng thệ. Nhưng có điều rõ ràng, tao dám quả quyết là đất nước mình sẽ có một bậc tài trí anh hùng nhảy ra quét tan mây mù, đem lại ánh sáng rực rỡ cho non sông vào năm Sửu.

-Phải câu “*Ngưu xuất Lam điền*” không bác Năm ?

-Đúng vậy! Nhưng phải đợi tới năm Dần mới thành công hoàn toàn, dân chúng ấm no, hạnh phúc, an cư lạc nghiệp.

-Tại sao bác lại đoán tới năm Dần, vị chân chúa đó mới công thành danh toại?

-Tao nói ở cái câu “*Ung lai sư tử thượng*” Con chim ưng đậu trên lưng con sư tử. Chim ưng là chúa loài chim, sư tử là chúa loài thú, cũng như vua là chúa tể của con người. Lúc đó Việt Nam mình mới có “minh quân lương tể” đang hoàng. Chớ mấy chục năm nay lộn xộn quá! Năm Dần là năm con cọp. Cọp với sư tử cũng y như nhau. Cho nên đến năm Dần thì “*Tứ phương thiên hạ thái bình phong*” Cái đó gọi là cách “*Hổ cư hổ vị*” mà !

-A, bác Năm cũng biết tử vi nữa.

-Tao mà cái gì không biết mậy ! Suốt cả đời tao vò đầu thiên hạ, hồng lể tao ngu... Tao là sư tổ mà!

\* \* \*

Ngày rằm tháng giêng năm Đinh Ty, tôi đến hót tóc, đồng thời báo tin mừng với bác Năm là vừa sanh được đứa con trai đầu lòng. Bác hỏi tôi đặt tên gì. Tôi nói là Quy Tâm. Chữ Quy là về chớ không phải Huy là sáng. Bác ngẫm nghĩ một lúc, cười cười, chỉ vào mặt tôi:

-Đặt tên con cũng phản động nữa, nhà nước ta cho nghĩ việc cũng phải.

Tôi cười hỏi nhỏ:

-Phản động chỗ nào bác Năm ?

-Mày giấu ai, chớ giấu tao sao nổi. Phải mày lấy ý trong Luận Ngữ không? “*Hung diệt quốc, kế tuyệt thế, cử dật dân, thiên hạ chi dân quy tâm nhiên*”.\*

Tôi nói nhỏ:

-Bác Năm thấy được cái hoài bão con ấp ủ. Con mong cho thằng Tâm mau lớn, làm được những việc mà ba nó làm không nổi.

-Tao cũng hy vọng như vậy.

Rồi hai bác cháu cùng mơ ước một ngày mai. Ngày mà người ta dùng drap để trải giường chớ không phải để lót đường đi.

(viết xong ngày rằm, tháng giêng 1981)

\*\*\*

## Phụ đính I

### Cây sầu riêng vườn cũ

Tôi rề lại cái băng cây, ngồi xuống ở đằng đầu. Cái băng được làm bằng tấm ván dày, các chun được đóng dính luôn xuống đất. Tấm ván được cưa cắt rất thô nhưng vì nhiều người ngồi tới ngồi lui nên nó trở thành trơn láng. Ở trại chuyển tiếp để đi định cư, ai cũng thích đến đây, vì ít ra tại vị trí này, người ta có thể nhìn ra ngoài thấy được một khoảng trời nhỏ và ở dưới kia, cái sườn đồi thoải thoải có vài mảnh vườn, cây cối xanh mát.

Ngồi kế bên tôi là chú hai thợ bạc, quê ở Sóc Trăng. Mỗi lần ra đây, tôi đều gặp chú. Khí hậu Mã Lai thiệt là kỳ cục. Ban đêm, trời lạnh teo ruột teo gan, ngủ phải đắp mền. Ban ngày trời nóng như đổ lửa, hơi nóng hừng hực từ sáng tới chiều, mồ hôi tươm ra đầy người. Ở tại lều không cách gì chịu nổi nên ai cũng tìm nơi để trốn nóng. Còn chỗ nào lý tưởng hơn chỗ này. Cái băng núp dưới bóng mát một bụi tre um tùm, ngoài kia dưới sườn đồi là phong cảnh kỳ thú. Thiệt ra ở vùng này còn nhiều nơi cảnh vật đẹp hơn nhiều nhưng dân tỵ nạn bị giới hạn trong vòng rào kẽm gai nên đâu có được ra ngoài mà đi đó đi đây. Có mấy người đi chữa bệnh về kể lại rằng ở ngoài kia, thành phố đẹp đẽ, sang trọng, sạch sẽ, tiện nghi. Riêng tôi và chú hai thợ bạc thì chỉ biết xứ Mã Lai qua cái khung trời nhỏ xíu này.

Tôi ngồi ở đây mà đầu óc ở đâu đâu. Cái vùng đất mới mà tôi sẽ đến thì xa lạ quá, nơi đó có vẻ hấp dẫn lắm. Có nhà lầu chọc trời, có xa lộ thênh thang, có tuyết rơi trắng xoá, có đủ mọi thứ vui. Tôi tưởng tượng ra bao cảnh kỳ lạ mà tôi sẽ được mắt thấy, tai nghe trong một ngày rất gần. Nhưng có anh bạn đi trước, gửi thơ về trại, trong có đoạn viết " ...vừa bước ra khỏi máy bay như đi vào cái tủ lạnh, mũi thở ra khói, tay chun tê cứng..", tôi chợt thấy ghê quá, quay qua chú hai thợ bạc:

-Mai một qua bên, chú sợ lạnh hông chú hai?

-Sợ chớ thầy tư, Ở nhà tôi lúc nào cũng tắm bằng nước nóng như mấy ông ghiền thuốc phiện. Tại không nước nào nhận nên tôi đành phải chịu đi Canada. Tuổi già xương cốt chịu lạnh dở lắm. Người ta nói ở bên, xin lỗi thầy tư nghen, đi tiểu ngoài đường, nó đóng lại thành cây nước đá. Nghe nói sợ quá. Mấy đứa nhỏ thì khoái chí. Tối tối tụi nó rủ nhau đi đến hội trường coi chiếu phim. Thấy tây tà trượt tuyết với nhảy đầm, coi bộ tụi nhỏ chịu dữ.

Tôi nhìn chú hai thợ bạc. Chú ốm người, da xanh mét, mặt xương xương, dáng khắc khổ.

Muốn gởi chuyện cho vui, tôi nói:

-Thì lần hồi rồi cũng quen. Người ta chịu được thì mình chịu được, có gì mà lo. Tôi với chú qua bên, mình học một khoá nhảy đầm với tập trượt tuyết là xong hết. Người ta tới đâu mình tới đó. Vượt biên nguy hiểm, chết sống vậy mà mình còn làm được, nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó!

-Ý thầy tư, thầy tuổi trẻ thì còn được, tôi trên năm mươi rồi, tiếng Tây tiếng Mỹ một chữ cũng không biết, nói chi tới việc ôm đầm mà nhảy nhót.

-Vậy chú chịu cực, chịu khổ lặn lội qua đây để làm chi?

Chú hai nhìn ra xa trả lời ngập ngừng:

-Tại bên mình khó sống quá, vừa nhứt đầu, vừa nghệt thờ, nên phải đi. Chớ vui về gì. Tôi đâu có muốn nhưng hoàn cảnh bắt buộc. Thầy tư nghĩ coi, cái tiệm thợ bạc nhỏ xíu cũng bị tịch thu. Thoài đành dẹp kèm, dẹp búa. Tôi làm đơn xin về quê làm ruộng. Nhà nước cũng không cho, bắt phải đi xây dựng kinh tế mới. Cái chế độ gì có mắt không được nhìn, có tai không được nghe, có miệng không được nói, thì ở lại làm gì. Nói thiệt với thầy tư, tôi ngồi đây mà đầu óc vẫn nhớ Bãi Xàu. Trước nhà tôi có cái rạch nhỏ, chiều chiều ra đằng trước câu cá, cũng đủ vui. Lớn tuổi rồi, đâu còn ham muốn gì nữa!

Nói xong, chú ngó mênh ngó mông. Chợt chú đưa tay chỉ xuống phía dưới sườn đồi, hỏi:



-Cái vườn ở dưới đó trồng cây gì mà cành lá xanh um?

Tôi nhìn theo, trả lời ngay:

-Cây sầu riêng đó. mấy cây này mới trồng chừng ba bốn năm, còn nhỏ chưa có trái. Nếu lớn hơn một chút thì mùa này đã có bông rồi.

Tôi nhìn cây sầu riêng Mã Lai lá nhỏ nhưng tàn rậm hơn sầu riêng ở Việt Nam. Thấy khu vườn này lòng tôi đâm ngẩn ngơ. Quê tôi là xứ của sầu riêng, măng cụt, bây giờ nó ra sao?

Tôi quay qua hỏi chú hai:

-Ừa, chú chưa bao giờ thấy cây sầu riêng sao? Chú có ăn được sầu riêng không? Có nhiều người hề nghe tới mùi là chạy mất, họ nói hồi không chịu nổi.

-Tôi khoái lắm chớ. Cứ tới mùa trái cây là mua mỗi lần cả chục kí, ăn tới mờ con mắt... Nhưng tiếc quá, tôi chưa có dịp đi vườn để thấy cây của nó...

Tôi bèn mô tả cây sầu riêng cho chú hai biết:

-Thông thường thì ở bên mình, cây trung bình có thân lớn cỡ cột nhà, cao hơn cột đèn đường chút xíu, tàn thưa mà rộng, mùa có trái nhìn thấy mê lắm. Trái nó treo lủng lẳng đầy cành, gai đâm tua tủa. Những trái còn non nhỏ cỡ trái cau, trái quít, thường bị rụng rải rác quanh gốc. Hồi nhỏ tụi tôi lượm lấy, bẻ mấy cái gai nhọn, cắm lên cằm... để làm ông già râu!

-Trái nó to quá mà đầy gai, rùi nó rụng trúng đầu thì chắc chết!

-Vậy mà hình như chưa có ai bị rớt bể đầu vì sầu riêng. Chỉ có mấy anh đi ăn trộm mới sợ thôi vì trái nó chỉ rụng vào nửa đêm về sáng. Trái sầu riêng chín rụng ăn mới ngon. Nếu cắt cuống sớm, còn non ăn lạt nhách, nhiều khi bị sượng. Người sành điệu họ lựa chọn kỹ càng khi mua. Phải là thứ vỏ mỏng, nhỏ hột, cơm dày màu mỡ gà, ăn cái vị nó beo béo, đặng đặng mới đã. Chớ ăn sầu riêng mà lựa thứ cơm ngọt ngay, thì ăn chừng vài múi là ngán ngược. Ăn buổi sáng, buổi chiều còn nghe mùi thơm.

-Mà chú hai ơi, ăn sầu riêng mà ăn một mình cũng chưa đủ ngon. Phải đi vào vườn với một cô bạn gái dễ thương, lựa một nơi im mát, gom cỏ khô lại làm đệm, khui trái sầu riêng chín thơm nức nồng, cầm từng múi bằng năm ngón tay, ăn hết rồi còn liếm cơm còn dính trên các ngón tay, mút chùn chụt, nhìn nhau mà cười... mới đã thèm.

-Sao tả cảnh nghe mê quá vậy. Chắc thầy tư ăn sầu riêng kiểu đó hoài?

-Phải được như chú nói, cũng đỡ. Nhiều khi tôi nghĩ tới còn tức mình. Hồi đó tới giờ, ngồi dưới gốc cây sầu riêng thì nhiều, còn ăn như vậy thì chưa bao nhiêu. Bây giờ ngồi đây, nhớ tới kỷ niệm mà trong lòng nao nao. Lúc đó tôi vừa được hai mươi tuổi...

Tôi gặp lại Phương do một sự tình cờ. buổi chiều hôm đó, trời vừa sẩm tối. tôi ở lớp học ra, đi ngay đến ngã tư đầu đường, để đón xe về tỉnh nhà. Chiếc xe lô ngừng lại. Tôi nhìn vào xe, thất vọng, trong khoang không còn một chỗ trống. Người ta ngồi đen nghệt, chen chúc nhau. Anh lơ xe mở cửa, nhảy xuống kéo tay tôi, đẩy vào. Tôi cố chen vào trong. Có vài tiếng cần nhằn nhỏ:

-Xe chật cứng, chỗ đâu mà chứa nữa!

Tôi vừa ngồi xuống vừa nghe bác tài xế trả lời:

-Bà con cô bác thông cảm. Chuyến chót hồng rước, người ta phải ngủ lại Sài Gòn sao? Thế là đâu vào đó. Ai nấy đành chịu chật. Tôi bị kẹt cứng tư bề. Phía trước, phía trong, phía sau là người ta, còn bên phải là cánh cửa xe bằng sắt. Tôi không có cách gì để đặt chân cho gọn. day qua, trở lại, sửa tới, sửa lui, cũng không ổn thoả chút nào. Nhờ xe chạy có được chút ít gió mát. Ánh sáng về đêm của thành phố lấp loáng qua cửa xe. Đèn quảng cáo xanh xanh, đỏ đỏ. Đèn đường sáng trắng nhợt nhạt. Bầu trời lấp lánh đầy sao. Chiếc xe còn chạy loanh quanh chưa ra khỏi thành phố. Tôi yên chí nó sẽ chạy một mạch về tới tỉnh. Chật quá rồi làm sao chứa được nữa. Nào ngờ, qua một góc phố, chiếc xe từ từ ngừng lại. Có tiếng ồn ào:

- Trời đất ơi, cái xe nhỏ xíu như vậy, bác tài tính chứa bao nhiêu mạng?

Tôi thất vọng. Nếu có thêm người, tôi sẽ bị dồn vào trong. Còn đâu mà nhìn thấy phong cảnh bên đường với gió mát trắng sáng. Chưa kịp phản ứng gì, thì cửa xe đã mở, anh lơ nhảy xuống, đẩy người khách mới lên chỗ tôi. Tôi bắt buộc ở cái thế phải ép sát vào bên trong để

nhường chỗ. Đúng là hộp cá mè. Hành khách bị ép như mấy con cá nằm sấp lớp, hết cục cựa. Bác tài vừa cho xe chạy, vừa cam kết:

-Thôi đủ rồi, không rước nữa. Bây giờ thì xe hơi chật. Xe chạy một hồi, nó lắc xuống đầu vào đó. Bà con cô bác thông cảm!

Không thông cảm với bác tài cũng không được. Trời tối rồi, không lẽ bước xuống xe để ở lại Sài Gòn đêm nay. Mà bây giờ thì tôi đâu còn muốn bước xuống nữa. Người hành khách vừa mới lên là một cô gái còn trẻ, trong ánh sáng mờ mờ, tôi không thấy rõ nhưng có lẽ nàng đẹp lắm. Tà áo vàng được vén khéo qua bên, nàng cố thu mình cho nhỏ gọn lại, dáng khép nép. Riêng tôi vì đụng chạm bên người nàng nên loay hoay, xoay ngang người lại cho thư thả. Ở cái thế này tôi thấy thoải mái hơn nhưng đồng thời cánh tay phải như ôm lấy người nàng. Tôi mắc cỡ quá, đâu có dám đụng, đành phải vói tay qua gác trên cửa xe cho đỡ mỏi. Trợn nửa người bên phải tôi ép sát nửa người bên trái của nàng. Tôi nghe một cảm giác êm ái bình bồng. Tôi đâu có ngờ hoàn cảnh trái ngang như vậy. Lần đầu tiên ngồi gần một cô gái lạ, tôi bối rối quá. Tôi thử nghĩ hằng chục câu hỏi để mong làm quen với nàng, nhưng thấy câu nào cũng vô duyên. Thôi đành ngồi im, làm ra vẻ đứng đắn nghiêm nghị.

Bỗng chiếc xe quẹo gắt ở một khúc quanh, người nàng đề hẳn lên tôi. Như để đỡ mắc cỡ, nói nói băng quơ:

-Chiều thứ bảy nào xe cũng chật nít!

Tôi bèn bắt chuyện:

-Dạ, dạ, cũng hơi đông.

-Chút xíu nữa là tôi đón hụt rồi. Từ trường ra tới đây kẹt xe quá!

-Chắc cô học trường Luật?

Cô ta hơi nghiêng đầu qua tôi, hỏi lại:

-Sao anh biết?

Tôi thấy vui trong bụng, có dịp để nàng thấy tôi thông minh:

-Đa số sinh viên luật thường đón xe chỗ cô vừa lên.

Nàng cười nhẹ nhàng, hàm răng trắng bóng đều đặn:

-Dạ không phải, tôi học ở Văn Khoa.

Tôi đoán trật lất. Nhưng không hề gì. Miễn nói chuyện được với nàng là vui rồi. Tôi tuy không học ở đó, nhưng cũng biết chút ít:

- Xin lỗi, tôi hơi tò mò, cô đang theo chứng chỉ nào ?

-Dạ, tôi học lớp dự bị..

-Vậy là cô được học với ông giáo sư Vương Hồng Sển. Tôi khoái được nghe ông nói chuyện.

Hễ sách nào có bài ông viết, tôi đều kiếm mua. Ông rành về đồ cổ... Chắc cô cũng thích các giờ ông ấy dạy?

Lại một lần nữa tôi bị hổ:

-Dạ, tôi sợ các giờ đó lắm. Kỳ rồi, tôi bị rớt vì môn Văn Chương Quốc Âm, nên kỳ nhì phải thi lại môn này.

Tôi không dám hỏi thêm. Tôi suy nghĩ hoài cũng không hiểu tại sao cô ta lại rớt môn Quốc Âm, cái môn được coi là dễ hơn các môn khác. Vốn ít nói và hay rụt rè, tôi lại đành ngồi im. Thoang thoang, tôi ngửi thấy tóc nàng có mùi thơm nhẹ nhẹ. Tự nhiên tôi cảm thấy trong lòng một xúc động bất ngờ. Trời đất nào xui khiến cho tôi gặp nàng như vậy. Bây giờ tôi phải nói câu nào nữa ?

-Chắc cô về tới bến xe ?

-Dạ không, tôi xuống Cầu Ngang.

Tôi lại tìm được câu đối đáp:

-Cô ở gần cái nhà ngói đỏ, có cổng sắt sơn xanh không? đằng trước có bụi tre ngà ?

Cô ta nghiêng đầu qua nhìn tôi:

-Chắc anh là bạn học của anh Bình! căn nhà đó của tôi.

Đoạn nàng chăm chú nhìn tôi, thoảng do dự, nàng tiếp:

-Phải anh là anh Hưng không, em là Phương đây !

Tôi vừa xác nhận thì nàng líu lo:

-Trời ơi, sao lâu quá không thấy anh xuống nhà chơi. Ba má em với anh Bình thường nhắc tới anh hoài.

Tôi ngạc nhiên sung sướng. Không dè con nhỏ Phương ngày nào nhỏ xíu, đen thui, mới có mấy năm mà lớn đẹp như vậy. Những chuyện năm trước bây giờ được tôi và Phương nhắc lại. Nàng nói chuyện lanh lợi, duyên dáng. Tôi lần lần bình tĩnh hơn. Tôi hỏi thăm tin tức Bình, sau cùng tôi thắc mắc:

-Ông Sến dễ lắm má! Tại sao Phương lại bị kẹt môn Quốc Âm?

Phương phân trần:

-Anh Hưng thử nghĩ coi, em vào vấn đáp, ông đưa em quyển " Truyện Đời Xưa "ø của Trương Vĩnh Ký, biểu em đọc bài " Anh chàng sợ vợ " Cái chuyện anh chàng lúi khoai lang trong tro nóng cho chín để ăn vụng, nào ngờ chị vợ về nửa chừng, anh ta sợ quá bèn cột túm ống quần lại, bỏ củ khoai lang vào trong đó để dẫu, nóng quá bèn nhảy cà tung. Đọc đến đây, ông bảo ngừng lại và hỏi em:

-Nhảy cà tung là nhảy làm sao "

Em còn đang suy nghĩ chưa kịp trả lời, thì ông hỏi tiếp:

- Đâu cô nhảy cà tung cho tôi coi!

-Anh Hưng thử nghĩ cả cái phòng thi rộng mênh mông. Ở dưới cả mấy chục người ngó lên, em mắc cỡ quá, làm sao dám nhảy. Chờ hồi lâu không được, ông nghĩ là em không biết, nên cho dưới điểm trung bình. Em đành phải thi lại kỳ hai.

Tôi an ủi nàng:

-Gặp tôi mà ông biểu nhảy thì cũng rớt. Ai lại nhảy cà tung trước mắt mọi người, kỳ thấy mò.

Phương cười nhẹ:

-Lạy trời cho mai một đùng gặp cái "Anh chàng sợ vợ " nữa.

Tôi chớp ngay lấy cái câu nói hớ đó, hỏi lại:

-Vậy chớ Phương muốn gặp anh chàng như thế nào, cho tôi biết các điều kiện đòi hỏi....để kiếm cái đầu heo.

Phương chống chế:

-Ơ Anh Hưng, không phải vậy ! Mấy năm rồi gặp lại, anh vẫn y như hồi xưa, cứ phá em hoài.

Từ đó tôi thường xuống Cầu Ngang thăm gia đình nàng. Bình thì đã vào quân đội, ít khi có nhà. Má nàng lần nào thấy tôi, cũng nói:

-Khi nào rảnh rồi cháu xuống đây chơi, đừng ngại gì hết, thằng Bình đi lính, hai Bác nhớ nó quá. Nhà đơn chiếc không có ai.!

Còn Ba nàng thì ít nói, thường dẫn tôi ra sau vườn, bẻ trái cây cả đồng bắt ăn. Phương xinh xắn, dễ thương, lãng xăng làm các món ngon để đãi khách. Chúng tôi thường ăn dưới gốc cây sấu riềng lớn. Vườn nhà Phương rất rộng. các mương nước nhỏ đầy rong. Nước trong vắt, thấy được những con cá bãi trầu, cá lia thia, cá lim kìm, lội nhón nhơ dưới đó. Đất đen màu mỡ, cây dâu, cây măng cụt, cây sấu riềng, có những tàn lá xanh um, mát rượi...

Tôi ngồi mà nghe lòng khoan khoái, mắt nhìn ánh nắng lấp lánh qua các khoảng lá thưa. Đâu đây có con chim hót trên cành, tiếng nghe trong trẻo quá. Phương cũng như chim líu lo:

-Trên nhà anh Hưng có vườn không? có trồng nhiều bông không? đôi khi lên tỉnh, em muốn ghé chơi cho biết mà sợ... anh Hưng không thềm tiếp.

Má Phương mắng yêu con gái:

-Cái con nhỏ này, mầy làm như cậu Hưng là người dung!

Phương vừa ngó xéo tôi, vừa trả lời mẹ:

-Thì má thấy đó, hôm con gặp anh Hưng trên xe, ngồi gần cả giờ đồng hồ, ảnh đâu có thềm nhìn... bà con!

Tôi không biết trả lời ra sao, đành cười trừ! Ôi! những buổi trưa ấm cúng, lòng vui như mở hội.

Tôi vẫn đắn đo, rụt rè, chưa dám ngó ý với Phương. Học hành chưa thành, công danh chưa toại, bây giờ còn quá sớm để nói chuyện yêu đương....

Những ngày tháng kế tiếp qua mau. Ba má Phương sẵn có vốn, mở thêm căn tiệm cầm đồ ngoài chợ. Ngoài những giờ học, Phương còn phụ mẹ buôn bán, trông nom công việc sổ sách. Tôi lại có dịp gặp gỡ nàng nhiều hơn. Chúng tôi trao đổi chuyện trời mưa, trời nắng, chuyện học hành, thi cử. Toàn là chuyện đầu đầu, vậy mà cũng có để nói hoài, không chán. Có lần Phương hỏi tôi:

-Anh Hưng ơi, hiện thời anh thương ai nhất ?

Tôi trả lời, cười cười:

-Thì Phương biết rồi, tôi nói hoài! Đời tôi chỉ thương có chú lùn bán hủ tiếu dưới gốc me...

Mặt Phương hơi phụng phịu:

-Vậy chớ mấy người đẹp của anh, không ai bằng chú lùn sao ?

Tôi giảng nghĩa:

-Đẹp đâu có ăn được. Còn hủ tiếu cây me ăn ngon, cho nên tôi thương ... chú lùn.

Phương nín thinh, bậm môi tức tối. Tôi muốn giải hoà cho khuây khoả:

-Phương ơi, mấy ngày ở nhà không có buôn bán, em làm gì ?

-Em đi chợ, mua cá mua cua.

-Rồi sau đó Phương làm gì nữa ?

Nàng trả thù tôi, trả lời tỉnh rụi:

-Thì em làm cá làm cua.

-Vậy chớ không lúc nào Phương nhớ tới bạn bè chút xíu nào sao ?

Phương bật cười, tươi như đoá hoa buổi sáng:

-Có chớ, lúc ghé ăn hủ tiếu cây me thì nhớ tới anh!

Tôi vừa làm điệu bộ thất vọng, vừa nhìn sững mặt nàng. Phương cười, khuôn mặt vuông vuông, rạng rỡ, làn da trắng mịn màng. Tóc cắt ngắn gọn, cái mũi thẳng cao, xinh xắn. Cặp môi trề trề. Hèn chi nàng nói chuyện tía lia. Ông trời sao thiệt bất công. Mặt Phương không một khuyết điểm. Tất cả đường nét đều hoà hợp, thêm vào đó là cái duyên dáng nữa. Còn tôi thì vừa xấu, vừa đen, được quen với nàng, đời tôi còn hạnh phúc nào hơn. Do câu chuyện đẩy đưa, bất chợt tôi thấy Phương dễ thương làm sao. Trong một thoáng ngẩn ngơ, tôi nói đại:

-Cô chủ tiệm cầm đồ ơi, sao cô đẹp quá vậy ? Tiệm cô cầm vàng bạc, châu báu ngọc ngà mà có cầm "người ta" không ?

Phương trở mắt nhìn tôi. Hình như nàng chưa hiểu câu nói. Cặp mắt nàng tròn to, đen bóng, ngây thơ. Tôi nói tiếp:

-Có một sinh viên nghèo, học hành dang dở, hoàn cảnh túng bán, cần cầm tạm để đủ tiền ăn học, miễn có cơm canh ngày hai bữa, mai sau có nghề nghiệp vững chắc, nguyện sẽ làm "tôi mọi" để trả công lần lờ.

Phương hiểu ra, cười nho nhỏ, thủ thỉ bên tai tôi;

-Anh Hưng muốn cầm thiệt không đó ? Tiệm của em không khó khăn như mấy tiệm khác đâu. Miễn là sòng phẳng, siêng năng, trả nợ suốt đời...

o

Từ đó, tôi và Phương thương nhau. Rồi chiến tranh ngày một tàn khốc. Tôi phải vào quân ngũ, trôi nổi ngược xuôi. Những cánh thơ nồng nàn thay thế những lần gặp gỡ. Phương thường viết cho tôi biết, nàng đã phải nhiều lần từ chối những mối mai xung quanh. Tôi run trong bụng. Làm sao nàng có thể chờ đợi và nếu chờ thì đến bao giờ. Thân tôi, tôi còn lo chưa xong. Cười Phương bây giờ, chỉ làm khổ cho nàng, điều mà tôi không muốn. Yêu Phương, tôi muốn nàng được hoàn toàn sung sướng. Phương xinh xắn và dễ thương quá, nàng đâu thể vì tôi mà chịu khổ cực. Rốt cuộc rồi thì tôi cũng phải chịu thua định mạng. Một buổi sáng mùa thu, tôi nhận được thơ cuối cùng của Phương. Vào phòng riêng, tôi xé thơ ra đọc. Nét chữ quen thuộc dễ thương ngày nào, quay cuồng trước mắt tôi:

"...ba má bắt em phải lập gia đình với một người không quen. Giữa tình yêu và gia đình, em phải chọn một. Gởi đến anh bức ảnh cuối cùng em chụp bên gốc sầu riêng ngày nào... như nỗi lòng em.."

Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, ràn rụa. Những chữ còn lại, mờ nhạt. Cuối thơ Phương không ký

tên, tôi đọc được câu ca dao ở hàng dưới cùng:  
Đêm khuya thấp chút dầu dư  
Tim loang cháy lụn, sầu tư một mình.

ooo

Câu chuyện đã trên hai mươi năm rồi, bây giờ tôi còn nhớ lại như in. Cái kỷ niệm ngày xưa sao mà êm ái nhẹ nhàng quá. Tôi với chú hai thợ bạc, ngồi im lặng bên nhau. Mỗi người một ý nghĩ vụn vặt, tản mác. Xa quê hương là xa hết những cảnh, những vật, những người thân yêu. Trước mắt tôi, bây giờ cũng có cây sầu riêng. Nhưng đâu phải là cây sầu riêng vườn cũ. Phương bây giờ đã có chồng, có con. biết được nàng hạnh phúc, tôi mừng lắm. Nhưng rồi vận nước đổi thay. Hiện giờ vợ chồng con cái nàng vẫn còn ở nguyên nơi quê xưa. Liệu nàng có đủ sức khoẻ và nghị lực để vượt qua những khổ nhục mà chế độ mới đưa tới hay không? Nhớ tới giờ phút này hình ảnh của hàng triệu người đang phải lam lũ, chân lấm tay bùn, cuộc xói trên vùng đất khô cằn miền kinh tế mới để phục vụ một thứ chủ nghĩa ngoại lai, tim tôi như muốn ghen lại:

-Chú hai ơi! mấy người còn ở lại làm sao mà sống nổi với tụi nó ?

-Rồi cũng phải sống chờ thầy tư, hồng lẽ ... tụi tở chết ! Con ngựa đua bắt đem đi kéo cày thì cũng như con bò, con trâu vậy !

Nghe chú hai thợ bạc nói, tôi nghĩ ngay đến Phương ngày nào. Trời đất ơi! cái sự thật sao mà chua xót. Tôi đứng dậy hết muốn nổi. :

- Vậy thì chừng nào dân mình hết khổ, chú hai ? Hồng lẽ phải chịu như vậy hoài !

Chú hai thợ bạc vừa đi vừa trả lời:

- Thầy tư đừng có lo! Luật tạo hoá tuần hoàn hết bĩ cực rồi tới thái lai. Như trái sầu riêng chín thì phải rụng. Ngày đó tôi với thầy tư trở về, gầy dựng lại quê hương cũ. Cầu trời cho nó đừng quá tang thương, đổ nát...

## Võ Kỳ Điền, kẻ đưa đường lãnh trí Luân Hoán

Trước ngày tôi định cư tại Montréal (1985), tại hai tỉnh bang Québec và Ontario của Canada đã có một số tạp chí Việt ngữ khởi sắc như Dân Quyền, Lửa Việt, Làng Văn, Phổ Thông, Sóng. Trong những năm 1982 đến 1990, Làng Văn đứng đầu về việc qui tụ nhiều cây bút đã thành danh cũ lẫn mới. Nhờ có góp bài, tôi nhận được thường xuyên Làng Văn. Từ tạp chí này, tôi gặp được Võ Kỳ Điền, một cái tên rất mới, qua nhiều truyện ngắn, đọc rất thích. Tác giả là một người gốc miền nam, tôi nhận diện được bởi văn phong của anh. Về sau, biết anh cũng cư ngụ tại Montréal, nên tôi đã định bụng sẽ tìm gặp.

Cơ hội gặp Võ Kỳ Điền thật tình cờ. Mùa đông 1985 chưa dứt hẳn, tuyết vẫn còn lai rai, nhưng tôi đã gặp được một người bạn học cũ thời trung học, anh Mai Bá Trác (bố một vài đứa con của ca sĩ Khánh Ly). Trác đang làm chủ một tiệm ăn nằm trên đường Rosemont, quán Huế. Tôi được Trác mời đến gặp mặt một số bạn người Việt vào một đêm tối. Tuy rất ngại, nhưng có cơ hội trình diện cùng đám đông, tôi ham vui, nhận lời.

Được chỉ dẫn rõ ràng. Nhưng cái lơ ngơ cố hữu cộng với đêm tối mù mù tuyết bụi, đã đẩy tôi lên chuyến buýt ngược chiều đường nơi cần đến. Con đường Van Horne nối dài với đường Rosemont. Hướng tôi đang đi không có hàng quán nào cả. Ngồi lâu, mới biết mình lầm, phải xuống xe, đứng đợi chuyến đi ngược lại. Cuối cùng tôi cũng tìm thấy mặt mũi cái quán Huế. Một quán ăn chuyên bán những món ngon của đất cổ đô Việt Nam. Tôi gặp được khá nhiều bè bạn của anh Trác, và hầu hết đối với tôi đều xa lạ. Tuy vậy buổi gặp gỡ khá vui. Đa số những

người bạn này đều có tầm lượng cao, và rất khoái hơi men. Buổi nhậu do vậy kéo rất khuya. Khi ra về tôi được một anh bạn tình nguyện đưa đường. Người bạn này, hình như tôi đã thấy mặt một lần, hôm ở nhà anh chị Đỗ Quý Toàn. Anh chính là Võ Kỳ Điền, người đã viết các truyện ngắn: Cây Sầu Riêng Vườn Cũ, Bác Năm Hớt Tóc, Một Thời Để Yêu, Có Những Cơ Sóng...

Võ Kỳ Điền hơi nghiêm nghị, rất tiết kiệm lời nói. Tôi cũng vậy, nên ngồi trong xe, chúng tôi cùng im lặng. Đêm về khuya trời rất lạnh. Cái sưởi trong xe của anh Điền chưa kịp ấm, xe đã ngừng ngay trước cửa trạm métro Rosemont. Tôi hấp tấp cảm ơn anh Điền rồi rời chiếc Nissan của anh. Anh Điền lái xe vụt đi. Đường vắng tanh. Ánh điện trước cửa métro bình thản chiếu sáng. Tôi từ tốn bước đến, đặt tay lên tay nắm cánh cửa, đẩy nhẹ. Cánh cửa kính không nhúc nhích. Tường chưa đủ sức, tôi đẩy mạnh hơn. Vô ích. Đã hết giờ đón khách. Một thoáng bần thần, tôi nhìn quanh không thấy ai, đành thối thỏm, chờ một chiếc taxi. Tôi kéo lại cổ áo. Cái lạnh mỗi lúc một đậm đặc hơn. Tôi tự giận mình đã quá ham vui, khi chưa rõ đường đi nước bước, giờ giấc của những phương tiện chuyên chở. Sau cái đêm hôm ấy, tôi không được gặp Võ Kỳ Điền trong một thời gian khá dài, tuy vẫn đọc truyện ngắn của anh trên các báo.

Tôi chợt gặp lại Võ Kỳ Điền tại trụ sở Cộng đồng Người Việt tại đường Victoria, khi cùng tham dự buổi họp sơ khởi, để bàn chuyện thành lập Văn Bút ở Canada. Trong buổi họp chúng tôi không ngồi gần nhau. Tôi im lặng theo dõi. Hình như Võ Kỳ Điền làm thư ký cho buổi họp hôm ấy. Anh cũng có đóng góp ý kiến nhiều lần. Tôi có bệnh thiếu tập trung khá nặng, nên dù ngồi im, những câu chuyện của các bạn chung quanh, vẫn bình thản đi ngang qua hai lỗ tai tôi. Sau buổi họp, tôi được bắt tay từ giã Võ Kỳ Điền khi cùng ra gần đến cửa métro Plamondon.

Có lẽ vào thời điểm này, Võ Kỳ Điền sinh hoạt tích cực nhất. Anh khởi sự viết văn bằng truyện ngắn Bác Năm Hớt Tóc, đăng trên tạp chí Dân Quyền. Truyện ngắn này, anh cho biết, đã viết trong ngày rằm tháng giêng năm 1991. Trong văn chương Việt Nam, tôi vốn rất thích những nhà văn xuất thân từ miền Nam. Tôi đã từng theo chân ông Hồ Hữu Tường, Phi Lạc Sang Tàu. Rồi cùng ông Sơn Nam nằm đọc Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư, hoặc đánh rơi chiếc lược chải đầu, gãy răng trong một tiệm sách. Những lúc buồn buồn, tôi nhảy lên Đò Dọc của ông Bình Nguyễn Lộc dạo chơi miền sông nước. Tôi cũng không xa lạ với lòng dạ các ông Hồ Biểu Chánh, Phi Vân. Những buổi hẹn hò dưới trăng thanh gió mát của Chú Tư Cầu Lê Xuyên, tôi cũng rất thích thú rình rập, học hỏi. Cái thú khi đọc văn của tác giả miền nam là nghe họ đối đáp. Lời lẽ giản dị, bộc trực. Cái vui thường lấn chận cái buồn trong nhiều tác phẩm. Võ Kỳ Điền có cái duyên riêng của anh. Muốn biết cái duyên hấp dẫn thế nào thì phải đọc. Tôi không giải thích, dẫn chứng. Dĩ nhiên để đứng được trong làng văn, làng báo, Võ Kỳ Điền phải có những nét khác người, hơn người nào đó. Điểm này tôi có thể minh chứng bằng những nhận xét của nhiều cây bút đã thành danh, đang sinh hoạt rất tích cực cho nền văn chương hải ngoại.

Trước nhất, hãy nghiệm những lời nhận xét của ông nhà văn cùng cư ngụ với tác giả Kẻ Đưa Đường, tại Montréal:

*"...Võ Kỳ Điền là nhà văn sinh trưởng ở miền Nam. Cái 'chất' đôn hậu, thật thà, thẳng thắn của Nam Kỳ không ít thì nhiều đã đi vào cõi văn chương của ông. Võ Kỳ Điền là một người kể chuyện có duyên, mạch lạc và ít làm dáng. Văn chương, nó chỉ là yếu tố phụ nhằm giúp nhà văn Võ Kỳ Điền vượt qua những trở ngại tế nhị vướng víu trong khi trình bày câu chuyện, biến nó thành linh động hơn. Pulau Bidong có thể xem là một cuốn hồi ký hay là tự truyện? Thoạt đọc thì ngỡ là đều đặn, đơn giản một giọng kể, nhưng xem qua rồi mới thấy sôi động và lôi cuốn biết chừng nào. Buộc phải theo chân nhân vật xung 'tôi' đi từ Việt Nam sang tuốt Mã Lai một*

*hơi không ngừng nghỉ. Và giữa lộ trình gian nan đó, tác giả đã khéo đưa ra, gài vào những chuyện vui buồn làm ta băng khuâng chia xẻ” (Hồ Đình Nghiêm)*

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ thường được gọi là đài VOA có mục đích sách rất ăn khách. Ký giả lỗi lạc Bùi Bảo Trúc giữ mục này, khi đọc xong tác phẩm Kể Đưa Đường do Việt Publications ấn hành năm 1986, ông đã viết:

*“... Tập truyện Kể Đưa Đường mặc dầu là tác phẩm đầu tay, đã được rất nhiều độc giả yêu mến, và giới văn học Việt Nam hải ngoại coi ông là một tác giả có thực tài với lối viết giản dị, gọn gàng và trong sáng, những tình tiết được trình bày mạch lạc và chừng mực, chân phương như con người mô phạm của ông”. (Bùi Bảo Trúc)*

Một cái tên rất nữ nhi, nhưng vốn là giống đực, từng hành nghề dạy học, qua xứ người mở quán sách Việt ngữ, vừa bán, vừa đọc, vừa viết, không phải lai rai, nhưng cũng chưa hẳn chuyên nghiệp, đọc Võ Kỳ Điền, đưa ý kiến:

*“... Thông thường những tập truyện ngắn không thể có tính chất luận đề, trừ phi tác giả của tập truyện được viết theo một mục tiêu chung của cả nhóm; thí dụ Nhóm Tự Lực Văn Đoàn chẳng hạn; nhưng dù thế nào thì chỉ truyện dài mới có đủ khả năng để hàm chứa tính chất luận đề. Nhưng với Kể Đưa Đường, một trường hợp rất lạ lùng đã xảy ra đối với lịch sử tiểu thuyết của Việt Nam...”*

*“... Nhìn chung toàn bộ tập truyện ngắn, với ngòi bút bình dân, đôi lúc hàm chứa tính chất hoạt kê, cộng với tính chất luận đề đã nói lên tâm thức của một nhà văn trong thời loạn, chúng tôi nghĩ rằng độc giả sẽ hòa điệu và cảm ứng được khía cạnh thiên chức của nhà văn Võ Kỳ Điền qua tác phẩm 'Kể Đưa Đường' - (Nguyễn Thị Sông Hương).*

Hơi khác với tác giả trên, một tu mi nam tử rất ngon lành, có cả hơi đẹp trai, nhưng có phần nào đó rất yếu điệu thực nữ, đã viết về nhà văn cùng một miền đất phương nam với mình:

*“... Võ Kỳ Điền là một nhà văn gốc miền Nam, nên anh áp dụng văn phong miền Nam triệt để. Đó là lối văn bộc trực, chân tình, gợi cảm, nhất là ở những câu đối thoại. Văn phong miền Nam thường dí dỏm, hoạt bát. Cái dí dỏm của Võ Kỳ Điền rất chừng mực, cái cay cú của anh cũng rất mực thước và cái hoạt bát thì là cả một không gian rộng như những cánh đồng 'cò bay thẳng cánh'*

*... Võ Kỳ Điền viết lách khiêm nhường, làm văn chương từ tốn, diễn tả đơn giản, trong suốt mà không nguội lạnh. Từng dòng chữ, từng trang sách thoảng nhẹ lên chút men nồng ấm tình người” - (Hồ Trường An, tạp chí Văn)*

Một người đẹp chính hiệu giàu nhan sắc, một đồng nghiệp của cả hai nghề, một người vốn 'có tiếng mà không có miếng' ở lãnh vực tình cảm với Võ Kỳ Điền, ưu ái ông không kém ai:

*“... Học với nhau từ nhỏ, tôi vẫn thấy bên ngoài Võ Kỳ Điền có cái vẻ hiền lành như dòng sông Tiền sông Hậu êm đềm xuôi chảy. Nhưng ai biết được dưới đáy sông kia chứa đựng biết bao điều kỳ bí, sôi nổi thiết tha và mãnh liệt. Văn phong Võ Kỳ Điền cũng thế, sau cái vỏ bề ngoài dung dị, dễ dãi, bên trong là những chất chứa dồi dào cảm xúc, những đam mê sâu thẳm của một trái tim rộng lớn. Có lẽ cái đam mê lớn nhất của Điền là đam mê về giá trị của con người và cuộc đời” (Nguyễn Thị Hoàng Bắc).*

Một Bùi Giáng của miền nam trong bộ môn văn, một người ham chơi và biết chơi tới bến, một người rất lạnh táng như tre trúc, viết về Võ Kỳ Điền rất xác thực:

*“... Trong trí tôi nếp sống hồn nhiên, tinh thân mật, lời ăn tiếng nói thật thà chất phác, một cách sống nào đó như bạn đã sống, đang bị tuyệt chủng. Đọc Võ Kỳ Điền lại thấy quá có ý chang như vậy và càng thêm tiếc thương. Những cách nói, những cách cư xử của nhân vật Võ Kỳ Điền nghe qua, ngó vô tưởng như vặn lại hỏi ký trong đầu hay dở quyển lưu bút ở trường học hỏi còn bạn quần xà lỏn, đi cẳng không. Giản dị, nhớ hoài, sướng ran. Văn của Võ Kỳ Điền thẳng và chân thành, không hoa hoè hoa sói, kết cục có những bất ngờ”* (Kiệt Tấn)

Có lẽ đây là một đặc biệt, một ngoại lệ của nhà thơ kiêm nhà văn Thanh Tâm Tuyền khi ông nhận xét về một nhà văn sau 1975 tại hải ngoại. Dù những ý kiến này được gói ghém trong một lá thư đầy chân tình:

*“... Tôi thật không ngờ đã viết nổi một bức thư dài đến chừng này. Từ ngày sang đây, tôi thật ngại cầm đến bút, kể cả khi viết thư về nhà. Điều này chứng tỏ, ít nhất đối với riêng tôi, quyển sách anh viết đã thành công. 'Chữ đã đề ra chữ' nó đã không đề ra được cơm gạo cho người ta qua cơn đói lòng nhưng nó cũng không đề ra những phù chú, pháp thuật nhằm 'mà' mắt người hầu thủ lợi (ở đây cũng như ở kia). Người ta đã không thể 'nhá chữ' mà sống, thì người ta cũng không thể 'nuốt chữ' để say sưa quên đời và chết một cách ngu xuẩn. Chữ chỉ dùng để đọc thôi..*

*Chúc anh luôn luôn khỏe mạnh vui vẻ, luôn có hứng thú tuôn thành chữ để cho những ai thích đọc anh, được đọc chữ nghĩa của riêng anh.”*

Thanh Tâm Tuyền: (St- Paul / ngày 18-1-92)

Một lá thư khác, giữa hai người bạn văn với nhau, cũng có một câu nhắc về Võ Kỳ Điền:

*“... Chiều nay vừa đọc lại văn Võ Kỳ Điền mà Mai Thảo đăng lại trong Văn, lại thấm thía cái hay thâm trầm của người miền Nam. Có lẽ Võ Kỳ Điền là người viết văn giọng Nam hay nhất đó, chớ chẳng chơi”*

Vi Khuê: (thơ gửi Hồ Trường An , 6 - 10 -1985)

Tôi chẳng thể nào trích dẫn thật đầy đủ những nhận xét tinh tế của những vị vừa kể trên, dành cho nhà văn Võ Kỳ Điền. Họ đã rất tỉ mỉ phân tích nội dung, bút pháp qua từng truyện một, đưa ra cái tài cụ thể của Võ Kỳ Điền. Theo Hồ Trường An, tác giả Kể Đưa Đường có tài khi chưng ra những chân dung nhân vật đồng thời hoàn tất các tiêu chuẩn nhân đạo, nhân tính cần thiết cho cái đẹp của một tác phẩm văn chương. Với Bùi Bảo Trúc, rất tâm đắc với những truyện tình, vốn hiếm hoi trong Kể Đưa Đường. Ông thuật lại vắn tắt nội dung từng cốt truyện, để đi đến kết luận: ba truyện tình là những truyện hay nhất trong tập truyện. Tôi không may không có tác phẩm in thành sách của Võ Kỳ Điền. Tôi đọc văn anh lắt nhắt qua các tạp chí, chẳng nhớ rõ truyện nào ra truyện nào. Nhưng những mẫu chuyện trong đời thường từ ông Năm hớt tóc, đến ông thợ rèn, với lối chuyện trò, bày tỏ tâm tình của họ, tôi rất khoái. Lồng vào đối thoại những chữ Tàu khá quen thuộc cũng là một ưu điểm của văn phong Võ Kỳ Điền. Bàn chuyện văn chương sẽ không cùng. Sợ sẽ quên một phần quan trọng, nên tôi xen ngay vào đây phần tiểu sử tác giả.

Võ Kỳ Điền tên thật Võ Tấn Phước, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1941 tại Dương Đông, Phú Quốc, trong một gia đình khá giả, Thời niên thiếu theo học tại tỉnh nhà, về sau cha mẹ thương



cho lên ăn học tại trường Nguyễn Trãi Sài Gòn. Đòi học sinh trung học, Võ Kỳ Điền đã được làm học trò những người danh tiếng như nhạc sĩ Lê Thương, nhạc sĩ Phạm Duy Nhuận, nhạc sĩ Lê Xuân Khoa, họa sĩ Ngọc Dũng, nhà thơ kiêm nhà văn Thanh Tâm Tuyền. Tuy vậy anh không nghĩ đến mai sau sẽ sinh hoạt văn học nghệ thuật. “Học gạo” là chủ yếu và anh đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn, ban Việt Hán, cùng khóa với các nhà văn Hoàng Chiêu Nhân, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lữ Phương. Ra trường Võ Kỳ Điền được điều về dạy Việt văn tại Trung học Hoàng Diệu ở Ba Xuyên rồi đổi về Trịnh Hoài Đức ở Bình Dương, nơi có mặt của Lê Tấn Lộc (Hiệu Trường, anh nhà văn Kiệt Tấn), Lê Vĩnh Thọ, Phạm Ngọc Em... Sau tháng 4 năm 1975, Võ Kỳ Điền vội vã thành hôn với một nữ giáo sư cùng trường, chị Duyên. Cô giáo hoa khôi này cho anh một cậu ấm duy nhất. Năm 1979, gia đình Võ Kỳ Điền vượt biên đến đảo Pulau Bidong Mã Lai, rồi định cư tại thành phố Laval, Canada. Cũng như nhiều vị giáo chức khác, Võ Kỳ Điền mất bực giảng, anh trở thành công nhân của hãng điện tử Phillip trong nhiều năm.

Lao động chân tay cũng có ưu điểm của nó. Ngoài giờ vất vả ở sở, Võ Kỳ Điền trở lại thú vui đọc sách. Từ một nhận xét trong bài phú tả A Phòng của ông Đỗ Mục bên Tàu, đại ý “*Không ai diệt được Yên, Tề, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, chính lực quốc này tự diệt mà thôi*”, Võ Kỳ Điền cho rằng miền nam Việt Nam đã tự diệt, một phần vì sự hiểu biết hời hợt về chế độ cộng sản, một phần vì thái độ bàng quan của giới có học vấn. Anh viết: “... *Thời đó tôi còn nhớ rất nhiều người sách nào chống cộng thì không thèm đọc, kịch nào chống cộng thì không thèm coi. Họ đồng hoá hệ tiểu thuyết chống cộng thì đương nhiên không hay. Chuyện chống cộng là việc làm của các ông công chức bộ Thông tin hoặc các cơ quan Tâm lý chiến của bộ Quốc phòng. Tiểu thuyết hoặc thơ, kịch muốn hay phải có yêu đương gay gắt, mùi mẫn kia...*”

Không biết có phải vì điều này Võ Kỳ Điền đã nghiêm chỉnh viết văn, và tuyên bố một câu chắc nịch: “...*Nếu bài nào của tôi mà không có một ý, một câu đã kích cộng sản thì tôi không viết nữa...*”

(trả lời Tường Năng Tiến, Làng Văn số 30 tháng 2-1987)

Võ Kỳ Điền thành danh cùng thời với những Nguyễn Ngọc Ngạn, Bắc Phong, Vũ Kiện. Tác phẩm đầu tay, *Kẻ Đưa Đường*, gồm 15 truyện ngắn ăn khách, đã giúp cho Võ Kỳ Điền có cảm giác đầu tiên, khi nhận tiền tác quyền 10% từ một nhà xuất bản của ông chủ bút Làng Văn, Nguyễn Hữu Nghĩa. Số tiền không mấy lớn. Sáu trăm tám mươi tám đô la Canada cộng thêm 80 xu lẻ. Tôi không rõ Võ Kỳ Điền có đãi cà phê cho bè bạn không? Anh là người không mấy thích la cà quán cóc. Bạn bè họp mặt đãi nhau, hú anh đến cũng rất khó. Với một vóc dáng có da có thịt, cùng khuôn mặt vuông vức đầy đặn, không biết có ảnh hưởng đến bản tính ngại trả, sợ rượu của anh không?

Chuyến vượt thoát khỏi tổ quốc cùng những ngày tháng ty nạn trên đảo, đã giúp Võ Kỳ Điền hoàn tất cuốn bút ký dày 420 trang: *Pulau Bidong - Miền Đất Lạ* vào đúng ngày 30 tháng 4 năm 1991. Sách được nhà xuất bản Xuân Thu tại Hoa Kỳ ấn hành cùng năm. Cuốn sách này Võ Kỳ Điền ký tặng tôi hẳn hoi. Qua đó tôi hiểu biết được khá nhiều về cuộc đời thuyền nhân. Một nhân vật của anh làm tôi nhớ hoài là bạn “Dân...gi đó”. Một cái tên và một thói quen, được anh ghép thành tên gọi, với rất nhiều đức tính, thói quen ngộ nghĩnh.

Võ Kỳ Điền không thích đàn dúm nhưng anh thường có mặt trong các cuộc sinh hoạt chữ nghĩa. Hơn thế nữa, anh còn là một trong những diễn giả thường xuyên, có uy tín của cộng đồng người Việt tại Montréal. Anh đã từng đăng đàn giới thiệu tác phẩm của nhiều bạn văn. Những bài phát biểu của anh thường được viết rất tỉ mỉ, súc tích. Nghề dạy học cũng đã giúp anh tự tin, linh hoạt trong khi trình bày trước đám đông. Tác phẩm của tôi, của Lưu Nguyễn,

của Phan Ni Tấn, của các nhà văn Nguyễn Văn Ba, Song Thao, Trà Lũ, Nguyễn Tấn Hưng, Trang Châu... cũng từng được anh giới thiệu chí tình đến bạn đọc.

Viết lách nói năng đề huề chuyên nghiệp như vậy, nhưng Võ Kỳ Điền rất khiêm nhường và thành thật khi nói về cái nghề tay trái “viết văn” của mình. Trong tác phẩm đầu tay, Võ Kỳ Điền tự viết lời tựa cho sách mình:

*“ Cả đời cho tới giờ phút này, tôi vẫn nghĩ thành thực rằng mình chỉ là một nhà giáo - một thầy giáo ở tỉnh lẻ mà thôi, khó thể làm bất cứ nghề nghiệp gì khác mà coi cho được, nói chi tới chuyện viết văn làm thơ. Theo trí tưởng tượng, theo sự hiểu biết qua sách vở, báo chí, cùng hình ảnh các vị thầy khải kính, tôi cho rằng nhà thơ, nhà văn phải là những người tài hoa, phong lưu và giỏi giẩn rất mực...”*

Nhà báo Bùi Bảo Trúc đã thuật lại lời Võ Kỳ Điền phát biểu trong một cuộc nói chuyện tại Đàm trường Văn Bút Canada vào tháng 6-1987:

*“... Võ Kỳ Điền đã khiêm tốn không xem những gì ông viết là văn chương. Ông không coi việc ông có những tác phẩm đăng báo là văn chương và việc cầm bút của ông không phải là "viết văn" mà chỉ là "viết", để nói lên những điều ông trông thấy, nghe thấy hay đã sống qua, trên mặt giấy, một thứ phản ứng của một người bị đè nén, ức hiếp thì phải vùng dậy, một người bị lăng mạ thì phải nói lại.*

*Văn chương, theo Võ Kỳ Điền, phải là tiếng nói của kẻ yếu đấu tranh chống độc tài, áp bức, bạo lực và bất công bất cứ từ đâu tới. Trong bài tựa của cuốn "Kẻ Đưa Đường" Võ Kỳ Điền viết tiếp, văn chương phải chống bất cứ hình thức nô lệ nào, chống sự ngu xuẩn, hầu đưa con người vươn lên từ tối tăm, đổ vỡ...”*

Qua bài viết của Bùi Bảo Trúc, chúng ta cũng nhận ra được quan niệm sáng tác của Võ Kỳ Điền. Chuyện cầm bút và quan niệm sáng tác, còn được anh xác nhận khi trả lời phỏng vấn của nhà văn Tường Năng Tiến:

*“...Tôi chỉ là thầy giáo - một thầy giáo ở Sóc Trăng với Thủ Dầu Một thôi. Khó mà làm một nhà văn tầm thường, nói chi mộng làm một nhà văn lớn. Do đó cái nhìn của tôi bị giới hạn, và đã vào khuôn. Câu văn thì phải có động từ, chủ từ, túc từ. Bài viết phải có nhịp, thân, kết. Nguyên tắc của tôi đặt ra giản dị trong sáng trong câu văn, thiết tha chất phát trong ý tưởng, nội dung. Dễ đọc, dễ hiểu...Cái mục tiêu tôi nhắm tới không phải để trở thành một nhà văn tên tuổi...Nói cho rõ, tôi viết để chống cộng...”*

Chủ trương viết “dễ đọc, dễ hiểu” nhưng không phải bê nguyên cái sự thật ngoài đời vào trong bài viết. Võ Kỳ Điền chú trọng đến sự sáng tạo trong tác phẩm. Từ cái không-thật trở thành cái thật, theo anh là một nghệ thuật cần có khi viết văn.

Thành phố Montréal qui tụ khá nhiều người sáng tác. Không khí sinh hoạt khá sôi nổi, đề ra nhiều thân tình. Tôi và Võ Kỳ Điền cũng nương theo sự phát triển tốt đẹp này mà đến với nhau nhiều hơn. Trong một lễ vu qui của con gái tôi, anh đã có mặt và đóng góp phần giúp vui của mình với một tiết mục đặc biệt. Anh đọc thơ. Bằng một giọng chậm rãi, dễ nghe, anh dẫn thực khách có mặt trong buổi tiệc, ghé qua một dòng sông nổi tiếng trước đây cả ngàn năm. Bên nguồn nước bao la ấy có sự hiện diện của cô gái xinh đẹp tên Hà. Một khởi điểm thi hứng cho một người si tình, đã làm thơ loạn cả một góc trời, đủ để cho dòng sông mang tên Thương Hà. Điền tích này được gói gọn trong bốn câu thơ sống mãi trong Kinh Thi nước Tàu: “*Quan quan thư cư / Tại Hà Chi Châu / Yếu điệu thực nữ / Quán tử hào cầu*”. Dĩ nhiên đọc xong, Võ Kỳ

Điền không quên giải thích. Dù trên sân khấu, dưới ánh đèn không đủ sáng, tôi cũng nhận rõ nét mô phạm nghề nghiệp của Võ Kỳ Điền hiện ra. Anh say sưa nói một cách chân tình. Trước mắt anh có thể đang có một con chim cưu kêu quan quan thật. Sự thiết tha và lãng mạn làm phong phú và rực rỡ tình yêu. Dùng những câu thơ đẹp để chúc mừng một cuộc hôn nhân, Võ Kỳ Điền quả thật tế nhị, thông minh. Anh đã tỏ ra một người khéo chọn quà, đồng thời giới thiệu được cái Hán rộng vốn có của mình.

Cuộc sống sẽ mỗi ngày một đẹp hơn, nếu không có những đổ kỵ, nhỏ nhen chen chân vào. “Một cơn bão trong tách trà” đã mạnh mẽ mở đường đi xuống cho những sinh hoạt văn học nghệ thuật, vốn rất phong phú tại thành phố tráng lệ, nhiều người Việt, Montréal. Phòng triển lãm tranh sơn dầu của họa sĩ Võ Đình ngày 27 tháng 6 năm 1992 tại Les Jardins Du Bois Montréal, đã chịu tiếng oan cho sự bắt đầu không đẹp này. Võ Kỳ Điền vô cớ bị lôi vào những tin đồn thất thiệt, những lá thư nặc danh đầy ác ý. Chuyện tưởng chơi nhưng không ngờ đã kéo đổ hạnh phúc của một nhà văn đang sung sức. Ngọn bút của Võ Kỳ Điền cũng theo đời sống chẵn gối mà chững lại. Anh xuống tinh thần khá nhanh. Có một khoảng thời gian ngắn anh gần như biệt lập, không giao tiếp với bè bạn, không viết. Nhưng rất mừng, giai đoạn khủng hoảng tinh thần chóng qua. Võ Kỳ Điền vui vẻ trở lại với một nghề tự do, vốn đã có căn bản vững vàng. Anh trở thành một chuyên gia với nhiều tiếng tốt đồn xa.

Không nhớ vì nguyên do nào chúng tôi có vẻ khá thân với nhau. Lúc bấy giờ Võ Kỳ Điền thuê nhà ở số 9175 đường Saint Michel. Tôi ghé lại thăm anh nhiều lần. Tuy chỉ có hai cha con, Võ Kỳ Điền đã thuê một căn nhà khá lớn. Phòng làm việc của anh thoáng mát. Ngay sau bàn viết của anh là một tủ sách choáng cả bề ngang vách tường. Sách nhiều, đủ loại. Nhìn những cuốn sách nằm chỉnh tề, ngăn nắp trong tủ sách của Điền, tôi chợt thấy thương những cuốn sách được tôi làm chủ. Từ năm dấy cho một tủ sách, tôi chế thành mười dãy. Tủ này nối tủ kia bốn lần giáp mí. Nạn mãn sách vẫn không được giải quyết. Tính tôi hình như có hơi lười nên sự lộn xộn càng gia tăng.

Từ bàn viết của Võ Kỳ Điền nhìn ra, tôi gặp ngài Bồ Đại vui vẻ cười với cái bụng tròn vo. Nhờ Võ Kỳ Điền giải thích, tôi mới biết sự khác biệt giữa hai ngài Bồ Đại và Thổ Địa. Thiền sư Bồ Đại xuất thân từ Trung Hoa vào thế kỷ thứ 10, thời Ngũ Đại. Ngài mập mập nên không được cao. Áo vận vào người nhưng không mấy khi cài nút. Cái bụng hờ gió cứ thế mà lớn lên. Không chừng những phép màu được thiền sư chứa trong cái bụng dễ thương này. Thiền sư Bồ Đại đi đứng nghênh ngang, chân tay thoải mái. Đó là tôi nhìn ngài mà suy đoán ra vậy. Không tin bạn có thể nhìn nụ cười vô cùng hoan hỷ của ngài. Ăn ngủ tùy nghi, nói năng tùy hứng nhưng được mọi người kính trọng thương yêu. Trước đây tôi vẫn tưởng cái túi vải bố to tướng trên vai ngài dùng để đựng quà cáp, vàng bạc mà ngài sẽ mang đến phát tận nhà những người có lòng, nghèo khó. Hóa ra không hẳn vậy. Túi vải bố của ngài có thể đựng lương thực, có thể đựng năm bảy người ngài cần đưa qua những khó khăn, tai nạn. Ngài Bồ Đại ở với dân, vui với dân. Lúc ngài lâm chung người đời mới được biết ngài là hiện thân của đức Phật Di Lặc. Sau khi đến chơi nhà Võ Kỳ Điền về, tôi xuống phố Tàu Montréal thỉnh ngay một ngài Bồ Đại được đúc bằng nhựa cứng, có màu xanh như ngọc. Ngài Bồ Đại này ở với tôi chừng năm bảy tháng. Trường nữ tôi sinh sống tại Hoa Kỳ về thăm, tỏ ý thần phục ngài, thế là tôi làm quà tặng. Một ngài Bồ Đại khác hoành tráng hơn, phương phi hơn lại được tôi thỉnh về. “*Di Lặc, Chân Di Lặc / Phân thân thiên bách ứng / Thời thời thị thời nhân / Thời nhân tự bất thức...*” Thật ra tôi chẳng cần thông suốt triết lý hành động của ngài. Có ngài cùng ở chung một nhà là vui rồi. Nếu có dịp bạn đến thăm nhà tôi, đừng ngạc nhiên khi gặp Phật tổ, Phật Quan Âm, ngài Quan Công, ngài Phúc, Lộc, Thọ vân vân. Ở nhà Võ Kỳ Điền, tôi còn thấy mẹ con của một bầy cá hóa long bằng gỗ chạm khắc tinh vi, giàu nghệ thuật. Tôi rất thích cái tượng này, Tượng rất lớn, nặng, và quý nên tôi không dám hỏi xin. Dĩ nhiên dù có xuống giọng năn nỉ, Kê-Đưa-Đường-một-lần của tôi cũng không cho. Đến chơi cùng Võ Kỳ Điền, tôi biết thêm anh có một cái thú rất giống tôi: thu

phim. Nếu tôi nghiêng về phim du lịch. (Xem như mình đi tham quan đây đó mà không mất nhiều tiền) thì Điền thu được rất nhiều bộ phim Tàu. Anh Hùng Xạ Điêu, Cô Gái Đồ Long, Hoàn Châu Cát Cát, Dòng Sông Ly Biệt, vân vân và vân vân, đầy ứ mấy tủ lớn của Võ Kỳ Điền. Anh giới thiệu và cho tôi mượn một lúc nhiều bộ, xách nặng muốn rớt cánh tay. Nhân chuyện thu phim, tôi hỏi thử anh có phim sex ? Anh lắc đầu. Tôi gợi ý, nếu anh muốn xem tôi cho mượn. Điền chối từ, Anh nói: *“Ở một mình, sợ cái chuyện đó lắm”*. Tôi ngẫm nghĩ không hiểu vì sao anh sợ. Thật ra, nếu Điền cần, tôi chạy lên Saigon Video mượn làm quà cho anh vài cuốn, xem giải sầu. Nhưng Võ Kỳ Điền, nhà mô phạm vẫn giữ được bản chất nhà giáo. Hoan hô. Nghề chính của anh lúc này là chấm tử vi, xem hướng nhà...đủ thứ chuyện của nghề bốc tử. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi nhờ Điền soạn cho tôi một lá tử vi. Anh sốt sắng làm ngay, dù không nhận một đồng xu nào. Điền nói về tôi, về cái đuôi của một con rồng, giàu một đời nhào lộn. Anh cho tôi biết tôi không có số làm giàu, nhưng rất mực thông dong. Thuở nhỏ ỷ vào cha mẹ; ra đời cậy vào bạn bè, đệ tử; hiện tại nhờ vợ quanh năm. Đúng hết chỗ chê. Điền cùng tuổi với tôi, như Thái Tú Hạp, Hồ Thành Đức, Châu Văn Tùng...nhưng mỗi người một hoàn cảnh khác nhau tùy theo cái giờ, cái khắc biết khóc lóc lần đầu tiên. Cuối bài viết này là lá số tử vi của tôi do Võ Kỳ Điền chấm quẻ. Bạn nào có nghề cứ thử suy đoán chơi. Phát giác gì thú vị có thể gọi đến tôi, không mất tiền qua số điện thoại 514-325-6409 hoặc 514, 588-6409.

Võ Kỳ Điền đang là người ‘độc thân dễ tính’ nên hình như có nhiều o sồn sồn ngắm nghề. Quán bánh mì trên đường Jean Talon, nơi Điền thường ghé mua thức ăn, hình như muốn dạm mối cho anh. Không rong chơi, ngừng viết lách, Võ Kỳ Điền tiêu vào đâu khoảng thời gian thiếu người mê tín ? Tôi cứ ái ngại cho anh cái vụ ‘chào cò’ bắt tử. Nỗi lo bao đồng của tôi quả là ‘lo bò trắng răng’. Đùng một cái anh hỏi: *“Ông có đi dự đám cưới của tôi không ?”* Tường giỡn, hóa ra thật. Một nữ được sĩ, nhan sắc mượt mà, có cơ ngơi làm ăn khang trang quyết định mời anh về dinh ở tận thành phố Toronto hiện đại. Hôn lễ giữa anh và

*4cặp: VKĐiền, SongThao, LHoán, PhanNiTấn*

chị Trần Ngọc Diệp được cử hành vào ngày 03 tháng 8 năm 2002 tại tỉnh bang dùng tiếng Anh, Ontario, Canada. Tôi vắng mặt, lý do quen thuộc: nhức chân, nhức đầu, sổ mũi. Bạn văn tham dự chia vui cùng anh kể lại, đám cưới lớn và trang trọng lắm. Cuộc đời quả thật có nhiều cái bất ngờ. Cùng một tuổi, Điền hơn tôi hay tôi hơn Điền chưa rõ. Nhưng hơn cái gì đây, chẳng lẽ hơn một cái...phù du !

Võ Kỳ Điền đã bỏ Montréal mà đi, như Đỗ Quý Toàn, Bắc Phong, Phạm Nhuận...Dù không thấm thiết tình bè bạn tôi vẫn thấy buồn. Thành phố thân yêu mất thêm một tay viết, một diễn giả, một kẻ lừng khừng thơ ngây, đưa đường không đến nơi đến chốn. Nhưng tôi cũng rất mừng cho anh, tình yêu làm anh hồi sinh. Anh viết lại. Những trang viết chưa là truyện ngắn, truyện dài, nhưng bút ký đã có sau những chuyến du lịch gần khắp thế giới của cặp uyên ương, vừa tìm lại tuổi thanh xuân. Những bài điểm sách, giới thiệu tác giả cũng đã trở về với Võ Kỳ Điền. Tôi lại được hân hạnh anh đảm nhiệm lời trình làng *“Luân Hoán Một Đời Thơ”* tại Mississauga. Nhà văn Song Thao cũng được anh ngưỡng mộ nhắc tới trong bài nói chuyện về Phiếm của nhà văn Trà Lũ. Anh vẫn nhiệt tình, bài viết vẫn đầy một tấm lòng. Chân thành cảm ơn chị Ngọc Diệp đã cho anh bạn hơi cù lần của tôi trẻ lại hơn mười tuổi. Trẻ lại hơn tôi rất nhiều. Tôi rất yên tâm đóng vai một ông anh, dù thân thể có phần khiêm nhường hơn. Làm anh nên vẫn thường lú lẫn. Có gì quên nhờ ông em, mượt rượt tình yêu chịu khó làm một kẻ đưa đường, nếu tôi xuống chơi Toronto mà nổi hứng muốn đi lạng quạng nhé. Trả công trước cho “chú” mấy câu thơ đây:

“Đang hiền như Phật đất / bỗng nhiên có người yêu / gieo quẻ gì hay vậy / ông nhà giáo cao siêu / Kể Đưa Đường ngày nọ / Hán rộng đến bao nhiêu / xem giùm trong bỗ chữ / còn thừa mấy chữ yêu ?” (LH)

## Có những cơn sóng

Sơn ngồi nhè nhẹ lên mặt võng. Chùng như cảm thấy an toàn, anh lấy chum đập cây cột lều kê bên, đong đưa thử. Hai sợi dây ở hai đầu võng được cột vô hai gốc dừa, bị sức nặng của cả thân người anh ghi mạnh xuống vang lên tiếng kẽo kẹt nho nhỏ. Tư Trần Hưng Đạo đứng chống nạnh kể đó, hỏi sang:

-Hai sợi dây đó có chắc không, đưa tới đưa lui nó đứt thì lãnh đủ.

Sơn cười và trả lời:

-Tôi có thử rồi, chắc lắm. Bây giờ thì chưa đứt...

-Chùng nào nó đứt thì biết liền hả ?

Sơn chỉ qua lều bên cạnh:

-Hơi đâu mà anh lo, có gì thì có ông bác sĩ kê bên nè !

Nói xong Sơn rút hai chum lên, nằm dọc theo chiều võng, đưa qua đưa lại. Ánh nắng buổi trưa miền hải đảo nhiệt đới thật nóng bức chói chang, mồ hôi anh tươm ra đầy người. Cũng nhờ ở đây có rất nhiều tàn dừa xanh trên cao nên che sức nóng dịu bớt. Cái đảo này mọc nhiều dừa. Cây dừa Mã Lai cũng khác hơn cây dừa ở Việt Nam. Nó ốm nhom, cao vút. Sơn nhìn ra xa, tận vào bên trong đảo. Dừa mọc san sát, dày đặc nhưng lộn xộn không thành hàng lối gì cả. Cả đảo một màu xanh chạy dài mát mắt, tận cùng bằng những rặng núi mờ mờ. Những ngọn dừa vút thẳng trên nền trời xanh trong vắt, lơ lửng vài cụm mây trắng như bông gòn. Trên mặt đất là một vùng cỏ tranh mọc tràn lan, cao tới ngực. Trong đó những trái dừa khô rơi rụng, vương vài khắp nơi. Khi chiếc ghe của Sơn vừa tấp vào đảo này, nhìn thấy rừng dừa ngút ngàn, thẳng Dân thủy thủ đã buộc miệng la lên:

-Bà con ơi, đảo dừa đảo dừa...

Từ đó, cả bọn gọi mãi thành tên. Cái đảo Dừa này đã chứa nhóm người vượt biên đã được mấy ngày nay. Họ là những người tứ xứ, do một cảnh ngộ và một ước nguyện chung, nên "cùng đi một xuống" và đã tới đây cùng chung một nơi. Những ngư dân Mã ở đảo bên đã phát giác ra họ. Cảnh Sát đến làm biên bản và họ chỉ cần rón rục túc cho đến ngày Hội Lũy Liêm Đồ, tức là Hồng Thập Tự Mã Lai đến tiếp tế lương thực và đưa qua đảo Bidong, nơi đó có trại tỵ nạn chánh thức và phái đoàn Cao Ủy Liên Hiệp Quốc phỏng vấn để được đi đệ tam quốc gia.

Chiếc võng vẫn đong đưa. Một cảm giác êm ái, thong dong, thư thả chợt đến. Sơn thấy mình trong giờ phút này hoàn toàn tự do, không bị một mây may ràng buộc. Ngoài khơi những đợt sóng nhỏ, bọt trắng xoá, xô đẩy nhau chạy vào tới mí bãi cát thì tan biến.

Sơn suy nghĩ vẫn vơ. Anh cảm thấy những cơn sóng tuy có quay cuồng nhưng không hỗn loạn, có cơn lớn, có cơn nhỏ khác nhau nhưng không bao giờ chấm dứt. Nó diễn biến như hình ảnh đời người, từ ông, cha đến con, đến cháu, lần lượt mỗi người được sanh ra, lớn lên già cõi rồi chết, để cho người khác tiếp nối cái dòng sống không bao giờ ngừng nghỉ đó.

Cái âm thanh của sóng biển trưa nay nghe rào rào, đều đặn, êm ái như ru Sơn vào một cơn mơ dịu dàng. Mấy ngày nay phải lo chuyện ăn ở, mong mỗi chờ đợi có người địa phương biết đến để được liên lạc với người trong đất liền, khiến Sơn không một phút nào yên tĩnh. Như cơn sóng lớn, gầm thét, quay cuồng, đảo lộn, cuối cùng rồi cũng lặng yên. Cũng vậy tâm thần Sơn dần dần ổn định. Chiều nay Sơn chợt hồi tưởng đến quê nhà, nơi đó có mẹ cha và những

người thân yêu quen thuộc. Vào một buổi, khi bàn bạc đến chuyện ra đi, mẹ anh đã cố cầm nước mắt, thút thít, tiếng được tiếng mất, dậm dờ:

-Ba má chỉ có một mình mày. Phải nhớ luôn luôn cầu nguyện Trời, Phật phù hộ cho tai qua, nạn khỏi. Tao với ba mày từ đó tới giờ ăn ở hiền lành, chưa từng làm hại một cọng cây ngọn cỏ... Cái bùa Cậu Trạng Mỹ Tho cho, nhớ giữ kỹ, đừng làm mất, không nên. Ở lại thì không được rồi, để mày đi tao đứt từng khúc ruột... Khi nào tới nơi phải nhớ gởi thơ về liền. Tao mong... cứ trễ một ngày là tao khổ một ngày...

Ba Sơn ngồi kể bên, hút hết điếu này sang điếu khác, tâm sự với con:

-Phải chi đừng có ngày ba mươi, gia đình mình yên vui biết bao nhiêu. Tao với má mày già rồi, chết nay sống mai, chỉ mong sao mày sớm có vợ, có con, hai đứa bây đùm bọc lấy nhau, lo lắng làm ăn. Cái niềm vui của người cha là thấy được con cái nên người. Rồi kể đó cái vui của người ông là thấy những đứa cháu khoẻ mạnh. Có chết cũng yên lòng mà nhắm mắt vì biết rằng cái dòng sống của mình vẫn còn được tiếp nối... Cái gì cũng có số mạng hết. Chắc tao phải lựa lời mà nói lại với anh Tám, chị Tám...

Sơn ngạc nhiên, nhìn cha mẹ như dò hỏi. Ba Sơn giải thích:

-Mấy tháng trước tao đi Trảng Bàng là để lo vụ vợ con cho mày. Tao thấy con nhỏ, con anh Tám, tao thương. Nó nhỏ nhưng đảm đang, vén khéo, biết lo công việc từ trong ra ngoài, ăn nói mềm mỏng, học hành đàng hoàng. Anh chị Tám cũng là chỗ quen biết cũ của gia đình mình. Cái thời tao còn đi dạy học trên đó, hai bên đối đãi nhau thân tình như ruột thịt... Mày mà được làm rể ở đó thì tao không còn lo gì nữa. Mới định bụng vậy thôi nên tao còn dè dặt, chưa nói hết ý. Nhưng bên đó có lẽ cũng đoán được lòng tao, nên cũng thường ân cần hỏi thăm mày. Cho tới khi mày quyết định ra đi, tao không còn liên lạc nữa... Bây giờ xe cộ khó khăn. Chuyện chưa bắt đầu, làm sao có kết thúc. Tội nghiệp, con nhỏ thiệt dễ thương, mai mốt nghe mày bỏ ra đi, chắc nó buồn lắm !

Sơn chưng hửng:

-Con có biết gì đâu. Cứ tưởng ba đi Trảng Bàng tìm đất lập nghiệp. Mà chắc gì cô đó thương con. Hai đứa chưa biết nhau, làm sao mà đi tới hôn nhân cho được.

Má Sơn chen vô:

-Duyên số hết con ơi! Nếu tụi bây có số làm vợ chồng thì gặp một lần cũng thương liền. Còn không phải duyên nợ thì dầu có thương nhau" chín xe mưới vàng" cũng hư bột, hư đường hết trơn hết tơi. Như tao với ba mày nè, có yêu thương gì đâu, cũng ở với nhau tới già được vậy !

Sơn phì cười:

-Má nói vậy chớ, bây giờ thì khác, các cô cũng khó khăn lắm. Con thì học hành tuy là đã xong nhưng nghề nghiệp thì kể như bỏ. Ai mà chịu... Con gái lấy chồng thì phải tìm nơi xứng đáng để nương tựa chớ. Cái thời này mọi giá trị đều đảo lộn hết trơn. Cái bằng cấp của con bây giờ, đem bỏ thùng rác, cũng không ai thèm lượm... Chỉ có cách ra đi, rồi tới đâu thì tới.. Má à, chắc con không có duyên nợ với cái đất Trảng Bàng rồi...

Để cho cha mẹ vui lòng, Sơn cố gượng làm vui hứa hẹn:

-Ba má đừng lo, để qua bên đó, con sẽ rón cưới một người vợ Việt Nam đảm đang hiền lành như ý ba má ước mong. Con không cưới đầm đâu.

Má Sơn tươi tỉnh nắm tay con:

-Ừa ừa, mày nói vậy, tao chịu. Đầm cũng có người vậy, người kia. Nhưng nếu mày cưới đầm, thì tao kể mất mấy đứa cháu nội...

-Sao vậy má ?

-Tụi nó sẽ nói tiếng mẹ đẻ chớ đâu biết tiếng Việt Nam mình. Rồi làm sao tụi nó viết thư cho tao với ba mày đọc. Nó đâu có liên hệ gì tới cái đất Bình Dương quê mùa... Tao với ba mày sống lủi thủi, không con, không cháu thăm hỏi, trong cái nhà rộng mênh mông, vắng vẻ.

Sơn cảm động muốn khóc.

-Má nói vậy chớ, con thấy có mấy người cưới vợ ngoại quốc, mà con cái họ cũng biết nói tiếng Việt rành lắm.

Ba Sơn chùng như không chịu được những lời biện hộ, chặn ngang lời của Sơn:

- Con có biết tại sao người ta gọi những người vợ trong gia đình là nội tướng không ? Bởi vì vai trò của người vợ quan trọng lắm. Nó lo miếng ăn, miếng uống trong gia đình. Nó để cho con những đứa con để nối dõi dòng họ. Nó chăm sóc con cái nên người. Nó nấu nướng, cúng kiếng tổ tiên. Nó cai quản hết của cải, tài sản của chồng. Nếu may gặp người đức hạnh, đảm đang, thì con được mọi người kính nể, khen ngợi, gia đình ấm áp yên vui, bếp hồng đỏ lửa. Còn nếu không may gặp người ăn chơi, đàng điếm, thì ai lo cho con miếng ăn, thức uống, con cái ai chăm sóc dạy dỗ, của cải con làm ra ai giữ gìn, tổ tiên ông bà ai hương khói, danh giá con không ai kính nể nữa... Đó là ba nói theo cách sống và cách cảm nghĩ của người Việt Nam mình. Nhưng ba nghĩ dầu ở phương trời nào cũng vậy, hễ nói tới hạnh phúc, là phải nghĩ tới vợ, tới con...

Sơn nhớ kỹ nét mặt của cha lúc đó, gương mặt nghiêm nghị mà trầm buồn. Cả một đời hy sinh cho con, một tình thương bao la không bờ bến. Anh cảm thấy thương cha mẹ hết sức, đồng thời nghĩ ra một điều. Một điều hết sức giản dị mà anh hầu như quên bẵng. Đó là con người, muốn được hạnh phúc thì phải có tình yêu. Có điều tình yêu nó rộng lắm. Có tình yêu đối với nhân loại khổ đau, có tình yêu đối với quê hương đất nước, có tình yêu gia đình êm ấm, có tình yêu bạn bè đằm thắm và còn rất nhiều thứ tình khác nữa...

Chiếc võng vẫn đưa nhẹ nhẹ. Sơn thiếp dần. Giấc ngủ đến hồi nào anh không hay không biết... Mặt trời đã xuống thấp, chiếu nghiêng nghiêng trên mặt biển xanh. Ánh sáng cuối ngày phản chiếu lấp lánh trên sóng nhấp nhô như những chiếc gương bạc chói chang. Ở đảo Dừa hoang vắng, chiều nay, có một người nhớ nhà, nằm ngủ quên trên chiếc võng đong đưa....  
○○○

Một buổi sáng, Sơn ngồi nhúm lửa để nấu nước. Bếp là ba hòn đá to chụm đầu vào nhau. Anh cầm một bó lá dừa khô chạy qua anh Tư mỗi lửa. Lá dừa khô bắt lửa cháy phừng phừng. Tàu dừa rơi đầy trên đất, cứ đưa tay ra lấy là có để chụm, khỏi cần đi quơ củi trong xa chi cho mất công. Lửa cháy sáng rực. Sơn yên chí nhìn ra tận ngoài khơi. Biển buổi sáng, sóng khá lớn, nước dâng lên cao, làm cho bãi cát hẹp lại. Chiếc ghe của Sơn bị sóng đánh ngã nghiêng, ghe đập vào ghềnh đá nghe ầm ầm. Chỉ mới có hai tuần nay, trông nó tang thương quá. Kể như là vĩnh viễn nó bỏ xác lại nơi đây, sau khi đã làm tròn phận sự đưa bọn Sơn tới vùng đất này.

Bỗng Sơn chợt thấy từ thật xa, hình như có một chiếc ghe lạ, tiến vào đảo. Chiếc ghe càng lúc càng hiện rõ hơn. Khác hẳn với các ghe thuyền Mã Lai thường sơn màu sắc xanh đỏ sặc sỡ, chiếc ghe này thuần một màu đen xám. Sơn cố nhìn kỹ hơn. Một lá cờ trắng nhỏ được kéo cao trên cột. Anh vừa đứng lên thì tiếng thẳng Dân thủy thủ đã vang dội:

-Ghe vượt biên bà con ơi, ghe vượt biên!

Tất cả mọi người đều túa ra khỏi lều, đứng đầy trên bãi cát. Mấy đứa con nít ở trần trụi trụi, vừa nhảy chơi chơi, vừa la:

-Vô đây, vô..

Chiếc ghe mở hết máy, đâm thẳng vô bãi. Sơn thấy có đàn bà, con nít, ló nhó trong khoang. Một cảnh rất cảm động diễn ra trước mắt anh. Những người trên đảo ủa xuống biển, nước cao ngang lưng, bu quanh ghe để chuyển người và hành lý xuống. Chỉ trong một thời gian ngắn, những người trên ghe mới tới, đều được lên bờ. Người nào người nấy mệt mỏi, tả tơi vì sóng gió và đói khát. Gương mặt họ sạm đen, nhưng ánh mắt thì ngời sáng niềm vui. Quang cảnh ồn ào, rộn rịp. Những câu thăm hỏi hình như không bao giờ chấm dứt.

Anh Tư Trần Hưng Đạo một tay xách thùng đồ, một tay diu em bé về ngồi ở lều anh, miệng kêu ồm ồm:

-Sơn ơi, đi lấy thùng nước để cho bà con mới tới uống.

Sơn chạy vội về lều, xách nguyên một thùng nước mưa. Người ta giành nhau uống. Hình như không ai hết khát. Họ uống hoài. Khi đến lều anh Tư, Sơn thấy một thiếu nữ, đang đứng cạnh

cây cột, cậu bé đang mỗi một nằm nghỉ một bên. Sơn đưa nước cho nàng. Cô ta nhìn Sơn nhưng không nói, ánh mắt sáng lên niềm hy vọng. Sơn cảm thấy vui lây, bèn hỏi một hơi:  
-Ghe khởi hành tại đâu đó cô ? Đi mấy ngày thì tới đây ? Tôi thấy chiếc ghe nhỏ quá, đi đường có sóng gió nhiều không ?

Chị Tư Trần Hưng Đạo xen vô:

-Chú Sơn hỏi vừa vừa chớ, nhiều quá ai mà trả lời cho hết.

Lúc đó, cậu bé cũng uống nước vừa xong, hỏi chị:

-Chị Liên ơi! cái đảo này không có chừn, em nghe sóng đánh, nó lắc lư như đũa văng.

Sơn phát cười, trả lời ngay:

-Không phải vậy đâu em, đó là tại mình say sóng đảo đảo nên tưởng như vậy, vài ba ngày nữa thì hết.

Thằng bé nhìn Sơn thán phục.

Cô chị rút rề:

-Dạ, tụi em đi chui, xuống bến tại cư xá Thanh Đa, rồi dọc theo sông ra cửa biển Cần Giờ.

Sơn ngạc nhiên, hỏi lại:

-Xuống ghe tại cư xá Thanh Đa gần cầu Bình Triệu hả ? Sao gan quá vậy ?

-Dạ, em đâu có biết, người tổ chức hướng dẫn, tụi em làm y theo. Ghe nhỏ lắm nên đi có hai mươi người, xuống ghe lúc mười giờ tối, trời mưa lất phất nên không bị lộ. Lúc tới Cần Giờ phải đậu lại, núp trong một cái lạch nhỏ, đợi đến tối nước lớn mới đi được, em sợ muốn chết. Nói tới đây cô ta lấy tay chận ngực, mắt nhắm lại như để diễn cho hết nét sợ hãi trong giây phút đó. Cô ta nhan sắc bình thường. Mắt không lớn, gương mặt hơi tròn, da lại ngăm ngăm đen, áo quần lam lũ, tóc tai rối tung. Nhưng ngoài cái hình dung giản dị đó, cô ta có một giọng nói êm ái, dịu dàng, cử chỉ, xinh xắn, dễ thương. Rồi cô ta tiếp tục:

-Chiếc ghe nhỏ quá bị sóng đánh mấy lần, tưởng đã bị chìm. Lúc đi ngang qua Côn Đảo bị bão, cũng may nhờ chú tài công khéo léo. Chớ không thì... tụi em đâu có được tới đây.

Chị Tư Trần Hưng Đạo tò mò, thắc mắc:

-Từ Cần Giờ đi một mạch tới đây hay là có ghé đâu không ? Có bị sóng gió, bão tố hay gì gì .... nữa không ?

Anh Tư trừng mắt nhìn chị, tỏ vẻ khó chịu. Thiếu nữ chùng chùng như không hiểu ý tứ câu hỏi:

-Dạ, có bị sóng gió nhồi dũ lắm. Em ói liên miên mấy ngày không ăn uống gì được. Cả ghe trông mong gặp tàu lớn. Đi riết mấy ngày không gặp một chiếc nào, rồi tắt vô đây...

Sơn nhìn chị Tư, phì cười. Anh chạy vội về lều, lấy hai gói mì nắm của Hội Lữ Liền Đồ Mã Lai vừa tiếp tế, bắt nồi lên bếp, nhóm lại lửa vừa mới tàn. Cũng may trong mớ tro, còn sót lại vài cục than hồng, anh lấy lá dừa khô làm môi, khom lưng, phùng má thổi phù phù. Khói bay vào mắt cay sè. Ngọn lửa hôm nay có gì khác lạ hơn ánh lửa hôm trước. Anh nhìn ra bãi cát. Bên cạnh chiếc ghe lớn xác xơ của Sơn, sáng nay, còn có thêm một chiếc nữa tuy nhỏ nhưng còn chắc chắn, đậu kế bên. Cả hai cùng bị sóng đánh lên đánh xuống rập rình...

ooo

Mặt trời buổi chiều đỏ sẫm, lớn như cái mâm đồng, vừa lặn xuống khỏi mặt biển xanh đen không được bao lâu, thì cả đảo Dừa như tối sầm lại. Trời trở nên nhá nhem, ánh sáng không còn đủ để thấy rõ mặt nhau. Trong các lều, đây đó đã có ánh đèn leo lét. Mặt biển trở nên đen ngòm, vĩ đại, mệnh mông. Đêm nay trời không trăng. Ngồi trên ghềnh đá để hứng gió mát ngoài khơi thổi vào, Sơn trông lên thấy muôn ngàn ngọn dừa cao vút, lơ mơ in hình trên nền trời đen thẫm, đầy sao lấp lánh. Tối nay biển động. Những cơn sóng to vỗ mạnh vào ghềnh đá nghe âm trầm theo một nhịp đều đặn. Có tiếng người nói chuyện lao xao, tiếng trẻ nít đùa giỡn từ khu dựng lều vẳng lại. Trong bóng tối lơ mơ, Sơn thấy Liên đang đi trên bãi cát, dáng thong dong.

Anh tìm cách gợi chuyện:

-Cô Liên đã sửa soạn đồ đạc xong chưa ?

Liên dừng chân lại, nhận ra Sơn, vội trả lời:

-Dạ, tụi em đã xong hết. Hành lý cũng gọn, không có gì nhiều. Anh Sơn có biết đảo Bidong như thế nào không ?



Sơn chưa kịp trả lời thì cô ta đã nói tiếp:

-Em thì chưa tới đó lần nào, nên không biết nó ra sao !

Sơn bật cười vì câu hỏi ngây thơ.

-Tôi cũng vậy. Để mai qua đó, tôi biết được cái gì, thì nói lại cho cô Liên nghe, chịu không?

Chợt thấp mình vô lý, Liên cũng cười theo, dáng e ấp, ngỡ ngàng ngập. Nàng chọn một tảng đá gần đó, ngồi lên, mắt nhìn ra khoảng không gian vô tận. Sơn thấy tối nay, Liên thật hiền dịu, dễ thương. Chỉ có hơn một tuần, nàng thay đổi khá rõ. Quần áo gọn gàng, tóc tai vén khéo, cử chỉ đoan trang. Tuy không đẹp nhưng Liên rất duyên dáng. Trong lòng Sơn một cảm giác êm ấm dâng lên nhẹ nhàng. Anh tự hỏi, Liên có phải là người ước mơ của anh không?

Bây giờ thì Sơn ngồi đây và Liên ngồi đó. Cả hai đều yên lặng thật lâu. Cái khoảng cách giữa hai người thật gần mà cũng còn thật xa. Sơn đoán không ra hiện giờ nàng đang nghĩ gì trong đầu. Nàng có chút xíu cảm tình gì với mình hay không ? Sơn cũng mù tịt. Đầu óc bỗng nhiên đặc cứng, không còn cái minh mẫn bình thường.

Sơn tìm cách gọi chuyện:

-Cô Liên thử tưởng tượng coi, nếu như cả đám ty nạn mình lọt vào đảo này mà nhà chức trách không hay biết, thì sẽ ra sao?

Liên lắc đầu:

-Em cũng không biết nữa.

-Tôi thì nghĩ rằng cả bọn mình sẽ đắc đạo hết.

Liên ngạc nhiên thắc mắc:

-Anh Sơn nói đắc đạo ? mà đạo gì ?

Sơn cười nho nhỏ:

-Thì đạo Dừa chứ còn đạo gì nữa ! Cô Liên thử nghĩ coi, trước khi được tiếp tế lương thực, mỗi ngày tôi ăn mười trái. Một tháng là ba trăm, một năm tính ra là ba ngàn sáu trăm năm chục trái.

Liên kêu lên:

-Trời ơi ! Bộ anh Sơn tính ở lý đây làm chúa đảo luôn hả ? Có ngày em ăn thử một trái, cái ruột chịu không thấu, muốn chết luôn, nói chi mà ở cả năm.

Sơn xuống giọng, chậm rãi:

-Cũng may, ghe mình trôi tới đây, còn có dừa mà cầm cự qua ngày. Nếu gặp đảo toàn đá sỏi, thì không biết mấy ngày đầu tiên, tụi anh lấy gì mà ăn... Sỏi đá cứng ngắt, làm sao thành cơm gạo được. Nhớ mà thương những người còn ở lại quê nhà hết sức. Những vùng kinh tế mới khô cằn, những trại học tập cải tạo hoang vu... Minh ra đi thì kể như được yên thân, nhưng nghĩ tới những người còn ở lại quê nhà mà xót xa. Cha mẹ tôi đã già, không ai chăm sóc. Tại vì hoàn cảnh phải ra đi, thiệt không đành lòng.

Liên tiếp lời:

-Em cũng như anh vậy. Hồi nào tới giờ, em vẫn không bao giờ muốn rời xa khỏi quê hương. Em chỉ muốn sống cuộc đời bình dị, bên cạnh những người thân yêu.. Ước mong khi học xong thì được trở về làm việc ở quê nhà..

Sơn nhìn Liên, lòng rào rạt:

-Cô Liên thấy không, ông trời các cố lắm. Cái ước mong của cô Liên, của tôi và cũng như của đa số dân mình, đâu có gì cao xa, quá đáng. Vậy à cũng không được... Quê của cô Liên ở về miệt nào ?

-Dạ, anh Sơn có bao giờ đi Tây Ninh chưa ? Quê em ở Trảng Bàng. Trước nhà là quốc lộ đi lên tỉnh. Phía sau là miếng rẫy người ta trồng rau đậu, củ sắn. Em thích nhìn những luống cải non xanh mướt, nõn nà vào mỗi khi trời chiều vừa dứt nắng. Cái mùi của rau non, của củ dọt, của đất đen, của không khí trong lành, em đã hít thở bao nhiêu năm nay, làm sao quên được. Vậy mà đành phải bỏ hết, để đi.

Sơn bỗng giật mình. Cái địa danh quen thuộc này, đã một lần nghe qua. Rồi anh tự nghĩ, cả cái quận Trảng Bàng đâu phải chỉ có một người anh biết. Rất tự nhiên, Sơn cố tìm hiểu thêm:

-Đợt đánh tư sản vừa rồi, nhà cô Liên có bị ảnh hưởng gì không ?

-Dạ, nhà em đâu có buồn bán. Ba em dạy ở trung học Trưng Bàng. Anh lên đó, hỏi nhà em, ai cũng biết hết. Ba em thứ tám...

Sơn nghe choáng váng. Anh nhìn sững Liên, lặng im nghe tiếng tim đập vang vang trong lồng ngực. Bàn tay Sơn tự nhiên run rẩy. Trời ơi ! Có phải "con nhỏ thiệt dễ thương" mà ba má Sơn cứ nhắc nhở, thăm mong ? Sơn cũng không biết nữa. Anh cũng không dám hỏi thêm. Cứ coi như là đúng đi. Đừng nên hỏi thêm chi tiết nữa làm gì, nếu không phải, thì buồn biết bao nhiêu! Liên vẫn vô tình, không hay biết:

-Tối nay, sóng to hơn mọi hôm hả anh Sơn ? Lâu quá, nay em mới có dịp ngắm lại biển về đêm.

Sơn còn đầu óc nào nữa mà nghe Liên nói.

-Ờ, ờ, biển ban đêm đẹp lắm. Nhứt là tiếng sóng chập chùng. Liên có nghe thấy tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá không ?

Ý chưa dứt, Sơn đã ngừng. Anh cảm thấy như có hàng ngàn đợt sóng vây quanh, tới tấp vỗ vào tim anh dồn dập. Anh ngây ngất. Trong muôn ngàn cơn sóng nhỏ, có một cơn sóng thật to phủ chụp xuống cả hồn anh, khiến anh muốn ngộp thở trong cái hạnh phúc bất ngờ chợt đến.

(viết để nhớ lại những ngày ở Pulau Kapas, Trengganu, Malaysia)

## Vài nhận xét thể giới văn chương Hồ Trường An

Tôi là một người đầy ham muốn và khá tò mò, và tin rằng nhiều độc giả cũng có tánh này, hễ đọc tác phẩm nào mình yêu thích thì bất cứ điều gì liên quan tới tác giả cũng muốn biết hết, mà phải biết cho thật rõ mới chịu (cũng như khán thính giả tò mò muốn biết đời tư của các tài tử, cải lương, điện ảnh Hollywood, phim bộ Hồng Kông, cầu thủ hockey hay đá banh vậ). Nhớ lại những năm về trước, có lần tôi viết thư cho Hồ Trường An (HTA) để điều tra cho kỹ - chơi với bạn lâu lắm rồi, hình dáng của bạn ra sao tôi không hình dung ra được, mấy hình đăng trên sách báo, cái thì mập, cái thì ốm, mắt mũi không rõ nét, khi nào rảnh làm ơn gởi cho vài tấm chụp thiệt đàng hoàng, để coi dung nhan mùa hạ (hay thu?) của bạn hiện ra sao.

Sau đó tôi liền nhận được ảnh của HTA chụp chung với nhiều bạn bên Tây, trong đó chỉ biết có chị Nguyễn Thị Vinh. Trong hình, còn thấy ba bốn đấng nam nhi trạc tuổi trung niên, ông nào cũng giống nhau vì đen thui, cũng bụng bự bự, không đoán được HTA đứng ở giữa hay ở bìa. Thôi đành ngắm cô trẻ trẻ đứng gần chị Vinh vì cô này ốm ốm, cao cao, thon thon và đẹp ơi là đẹp, trong bụng vẫn còn thắc mắc không biết HTA là ông đen nào trong hình, dĩ nhiên cũng muốn biết cô trẻ đẹp đó (sau này biết tên là Mỹ Nương) quen với bạn mình ở mức độ nào, có thân thiết nhau không, biết đâu chừng.

\*Nhớ có lần học giả Lâm Ngữ Đường đã nói "-một người biết đọc sách xét kỹ tác giả từ trong ra tới ngoài như người ăn mỳ lột áo ra để tìm rận. Một số tác giả luôn luôn kích thích độc giả như một chiếc áo đầy rận của người ăn mỳ. Ngựa ngáy là một cái thú trên đời." Đó là ông nói về điểm thích thú của người đọc. Tôi cũng là một trong hàng ngàn độc giả có được cái đam mê đọc sách đồng thời là một người bạn bút mực khá gần gũi của HTA trong giai đoạn phôi thai của nền văn học hải ngoại vào thập niên 80, nên chuyện tìm hiểu HTA là một ngựa ngáy đầy thú vị.

\*Tôi sở dĩ nói lòng vòng như vậy vì tôi mê văn HTA, muốn biết rõ con người HTA và cố gắng tìm tòi nét đặc biệt nào trong bút pháp mà anh đã tạo nên tên tuổi và tìm được một chỗ đứng vững vàng trong văn đàn hải ngoại này. Nhìn cái cây xanh trổ lá hoa, ta phải thấy được bên dưới lớp vỏ nâu sần sùi, luân lưu đầy mạch nhựa non tươi mát. Cây hết nhựa hay không còn chút nhựa nào thì chỉ còn dành cho lò sưởi... Cũng vậy chất liệu quý báu để nuôi cây tươi tốt là nhựa non bổ dưỡng, còn chất liệu để nuôi một tác phẩm nghệ thuật là bút pháp và khí hậu ấm áp của nó, cũng như máu nóng đối với cơ thể. Máu là điều kiện ắt có nhưng chưa đủ, muốn đủ là phải nóng, điều này cần thiết hơn. Cũng vậy muốn trở thành nhà văn phải chú ý đến trước hết là bút pháp và khí hậu của tác phẩm mình tạo ra, tức là cách viết đặc biệt của riêng mình.

Với một nhà văn, không có lời nhận xét nào thâm hơn khi bị phê bình là cách viết này giống giống nhà văn nào đó. Viết văn mà giống người khác là mới tập viết, còn ăn đậu ở nhờ nhà người chớ mình chưa có nhà riêng. Phải cất nhà riêng cho mình, dù nhà lá hay biệt thự, phải do mình tạo ra. Nhà không có nóc, phải nương tựa vách nhà hàng xóm thì chỉ là cái chòi...

\*Trước hết tôi muốn nói đến khí hậu ấm lạnh của bài văn, đó là cái vốn căn bản để làm văn chương nghệ thuật. Muốn trở thành một tác phẩm, bài văn phải ấm áp, đầy nhiệt tình. Dù kỹ thuật có hay, cách viết có khéo, tư tưởng có cao, chữ dùng có đạt mà khí hậu lạnh tanh thì xấp giấy có chữ viết tèm lem đó phải chịu nằm ở xó kẹt nhà kho chớ không phải được đặt trên kệ sách quý.

\*Nhưng làm sao để tạo sinh khí cho câu văn? Cũng như Chúa Trời tạo ra loài người, Chúa phải chịu khó thổi hơi nóng cho người đầu tiên được nặn bằng đất sét. Nếu không truyền cho một ít hơi nóng tự bản thân Chúa thì con người chỉ là một cục đất sét có mặt mũi tay chân nhưng không nhúc nhích. Có nhiều cách tạo hơi nóng cho tác phẩm, có tác giả dùng đối thoại dí dỏm, hoặc đốp chất tung bưng gây cho người đọc cái cảm giác tươi vui, có tác giả quan sát tỉ mỉ, phân tích chi ly khiến độc giả ngạc nhiên nhảy dựng lên, có tác giả kiêu kỳ, khinh bạc ngông nghênh, có tác giả thiết tha, chất phác, bình dị, có tác giả ba trợn, ngang tàng, mỗi người là một sắc thái riêng tư, không ai giống ai. Nhà văn là thượng đế đầy quyền uy với nhiều chất liệu sáng tạo, phải biết tận dụng cách thức riêng để tạo sinh khí cho tác phẩm mình.

\*Riêng HTA, tôi vẫn thường thấy anh tạo hơi nóng cho tác phẩm, là trong khi sáng tác, coi độc giả như người bạn thân tình để chia sẻ những buồn vui, cùng nhau tâm sự, rồi lần lần đi đến nhiệt tình. Thế giới văn chương HTA không phải là thế giới nghiêm trang của nhà thờ hay chùa nơi đó tác giả khoát bộ mặt ông cha hay thầy tu để giảng đạo mong cứu vớt kẻ tội lỗi hoặc khổ đau; cũng không phải là trường học để thầy giáo phô trương kiến thức uyên bác, giảng bài dạy dỗ cho học trò là độc giả nghe; cũng không phải là chiến trường sắt máu hay chiếu rượu ồn ào để cho tác giả múa may tung hoành, phô diễn những âm mưu lừa lọc, xảo trá, hoặc ca tụng thù tạc; cũng không phải là chợ búa mua danh bán lợi để tác giả và độc giả chia nhau từng mớ chữ nghĩa, giành giật chút danh hão; cũng không phải là thế giới của người thành thị giả dạng quê mùa hoặc ngược lại...

\*Thế giới văn chương của HTA là thế giới của những người bạn thân tình, cùng chung những đau khổ và hạnh phúc, cùng chung những ước mơ và hy vọng, cùng chung những an ủi và chia sẻ. Anh đã viết ra như vậy và đã sống thực như vậy. Độc giả từng đọc truyện của HTA, bạn bè từng giao tiếp với An, thân cũng vậy, quen sơ cũng vậy, An đều coi như bạn thâm giao, đem hết trái tim cùng ruột gan ra mà cùng nhau chia sẻ buồn vui, không mấy may dè dặt, thủ thế ...

\*Ở tác phẩm HTA, bất cứ cuốn nào, bài nào, thì độc giả cũng thấy ở mỗi chữ, mỗi câu, mỗi thiên, mỗi tiết, ngay cả ở cách đặt tựa của những truyện ngắn, truyện dài, là những lời thủ thi tâm tình của tác giả và độc giả. Như có lần trong một bài tạp ghi viết về những sinh hoạt văn

học nghệ thuật ở Montréal, bạn đọc đã ngạc nhiên khi thấy cái tựa đề lạ lùng "Montréal, một thành phố hãy còn trong mơ" Chỉ với mấy chữ ngắn gọn, vậy mà HTA nói được biết bao nhiêu điều, như muốn kể trước cho bạn đọc nghe anh đang mơ mộng về một phương trời Montréal xa thẳm, ở đó đang có những người bạn văn, đang chơi trò chơi chữ nghĩa, có lẽ rất tương xứng, phải chi một ngày nào mình đến đó...

\*HTA đã viết và đọc giả theo dõi "Chuyện miệt vườn", "Chuyện quê Nam", "Lúa tiêu ruộng biển" "Đêm chong đèn", "Tạp ghi xanh", "Lá thư mùa thu" "Trên dải tân bồi" .. nói chung những tác phẩm của HTA toàn là những câu chuyện riêng tư vụn vặt của một người bạn là tác giả rù rĩ rủ rĩ, kể lể cho bạn hiền, là độc giả nghe, y như hai người bạn thân đang nói chuyện với nhau, ngồi xôm ở quán cóc hay vỉa hè, bên một liếp rẫy hay trên một bờ ruộng rong rêu, bên chiếc cà ràng đất đầy tro bụi, tất cả xuất hiện trong một không khí đầy ấm áp và nhiệt tình.

Họ nói với nhau cái gì vậy? Có gì lớn lao đâu, toàn là chuyện cà kê dê ngỗng, chuyện con mẹ này thương thằng cha kia, chuyện bà hàng xóm kia đánh ghen cô láng giềng nọ, chuyện bếp núc làm tôm làm cá, cách kho thịt làm sao cho ngon, cách phi hành sao cho thơm, về quần áo thì thứ lãnh nào đẹp, loại xuyên nào bền, may mặc đường kim mũi chỉ sao cho khéo, cách trang điểm của mấy cô mấy bà, với các lớp kem lót mặt hiệu nào, làm sao cho da được mịn,... Những người bạn đọc giả này cũng dễ tánh, ai nấy đều xuề xòa, khi thì lắng nghe kỹ lưỡng, khi thì lim dim mắt nhắm mắt mở, nhiều khi giựt mình ngỡ ngác hỏi, bạn kể tới đâu rồi, hình như vụ đánh ghen đó, vụ kho cá bóng kèo kia, rồi vụ nấu canh rau đắng, rau ngổ, rau tập tàng, vụ ma nhát ở Đồng Chó Ngáp... lần trước đã kể rồi mà.

\*Tác giả cũng với nụ cười hịch hạc dễ dãi, có gì đâu mà bạn phải bận tâm, cứ yên lòng mà nghe kể tiếp. Hình như đức Phật có lần nói, chớ cho bất cứ chuyện gì là quan trọng, đừng để tâm vướng mắc, cứ buông bỏ hết đi, thì sẽ đạt được hạnh phúc ngay trong cõi đời này. Đời này nó đã khổ rồi, tại sao lại phải dằn vặt khổ thêm. Văn chương phải làm cho đời thêm tươi mát đẹp đẽ hơn, đừng nhắc chi chuyện buồn rầu...mệt lắm.

\*Thử coi cho kỹ trong đồng tác phẩm hàng ngàn quyển đã in ra, nhà văn nhà báo nào cũng nói thương yêu quý mến độc giả mà ai lo lắng chăm sóc độc giả kỹ lưỡng bằng HTA không? Tại sao bằng chữ nghĩa có sẵn, mình không dọn cho độc giả những mâm thịnh cá ê hề, mời họ ăn cho ngon, thuê may quần áo toàn bằng lụa là để họ mặc cho đẹp, rồi chịu khó dẫn cả nhà đi coi hát bóng, coi cải lương, lắng nghe họ cãi nhau cho đã đời rồi nhìn họ yêu nhau thắm thiết... HTA cất nghĩa rõ cho bạn đọc nghĩa đen của chữ tiểu thuyết, tiểu là nhỏ mà thuyết là lời nói hay câu chuyện. Đó là viết những chuyện vụn vặt để thể hiện được cái quan trọng là cõi lòng tốt đẹp, trong sáng, dịu dàng, cái tình cảm nhân hậu của con người đối với con người thương mến nhau. HTA đã gói gắm và đã được độc giả chia xẻ trong niềm tương thân tương ái, ấm áp thân tình.

\*Như đã trình bày, trong văn giới có tác giả thâm trầm mà khinh bạc, người sắc sảo đến độ chi ly, người thì phù hoa óng chuốt, có người ngô ngĩnh bất cần đời, người mộc mạc chất phác, người thì thô kệch...tất cả đều phải thể hiện nét sắc sảo, ly kỳ của ngòi bút mong đạt tới nét độc đáo tài hoa của mình, điều đó khó mà dễ. Nhưng với cách viết giản dị tươi sáng, mà tạo được sự ấm áp thân tình hầu như hiếm lắm và ít người đạt đến được như HTA, tưởng dễ mà thật khó. Nhà học giả nổi tiếng của Trung Hoa, Lâm Ngữ Đường có lần đã nói: "cá tươi không cần gia vị vẫn nấu được món ăn ngon, còn cá ươn thì phải thêm mắm muối càng nhiều càng tốt.... "

\*Coi độc giả như bạn thân, HTA đã làm được nhưng chưa đủ, các tác giả nữ công gia chánh, nhà báo gỡ rối tơ lòng, trả lời thơ tín, rõ ràng họ đâu phải là nhà văn. Cũng vậy những vị học

lực thâm sâu, kiến thức quảng bác, bằng cấp cao tốt, cũng không phải là nhà văn, họ chỉ là những học giả nổi tiếng. Muốn là nhà văn, như có lần Mai Thảo đã nói, phải là người giàu có, tha hồ tiêu xài chữ nghĩa. Mai Thảo nói gì mà rắc rối khó hiểu quá vậy?

Nếu chịu khó suy nghĩ thì đúng thiệt, ông ta nói là làm. Nhà văn Mai Thảo vốn là tay ăn hoang tiêu rộng, phung phí chữ nghĩa vì quá sức giàu có. Quả thật, ngôn ngữ là để diễn đạt tư tưởng, tình cảm. Vốn liếng của nhà văn là ngôn ngữ, nếu ngôn ngữ nghèo nàn, khô cạn, héo khô, ngọng nghịu...thì làm sao mà trao đổi, làm sao mà bàn bạc, diễn đạt. Giàu chữ nghĩa có nhiều cách hiểu. Muốn diễn tả một ý niệm, nhà văn có thể dùng rất nhiều từ để diễn đạt, dùng nhiều cụm từ phụ thuộc như tính từ (adjectif), trạng từ (adverbe) làm đậm đà thêm ý muốn nói. Đó là cách thường dùng của các nhà văn Tây phương. Câu văn nhờ đó mà trở nên đẹp đẽ, mỹ miều, tinh tế và nhứt là diễn đạt được tới cùng tận chỗ chi ly, sâu kín nhứt của lòng người. Cách ngược lại là cũng có thể dùng vài từ mà diễn đạt được nhiều ý, để độc giả tùy trình độ học thức và thường ngoạn, tự nghiền ngẫm thấm thía cái thú vị riêng tư (như cách của các nhà văn Trung Hoa).

\*HTA đã áp dụng được cả hai cách nhuần nhuyễn. Tuy anh học khoa học (ngành Dược) nhưng khả năng hiểu biết và kiến thức văn chương Việt Nam và thế giới khá cao, anh đọc rất nhiều sách và trí nhớ phải nói là như máy điện toán. Trong những thơ từ qua lại, nhiều khi tôi phải sửng sốt tự hỏi làm sao HTA nhớ nổi các mẫu chuyện vụn vặt xảy ra ở một góc phố nào đó, vào một thời điểm xa lơ xa lác của quá khứ. Vậy mà HTA đã nhớ rõ mồn một, kể lại từng chi tiết, tên tuổi của từng nhân vật tỉ mỉ có ngọn có ngành không sai sót... Chúng ta thử đọc vài đoạn hầu coi mức giàu có trong kho tàng ngôn ngữ miêu tả của anh:

"-răng năm nào của tôi tuy hô tuy vưỡ nhưng vẫn xước mĩa thật tài tình, nhai ỏi ngau ngáu. Mắt tôi tuy hí năm nào hể khi nhắm mắt ngủ một giấc thoải mái trong veo. Giờ đây bốn chiếc răng giả xinh như hạt lựu, ngời sắc men mịn bóng, dầu tôi có giận ai, chửi ai thì dám chửi chớ không dám cắn. Mắt tôi thật sâu để gương mặt tôi sáng hơn, nhưng đôi mắt ấy biết bao đêm mờ dài tráu tráu trong bóng đêm vì mất ngủ, và hể khi tôi nuốt thuốc ngủ vào, đôi mắt vừa nhắm là thấy ác mộng, dị mộng nườm nượp kéo về. Kiệt (Kiệt Tấn ) nhắc lại đôi mắt cũ, hàm răng cũ của tôi, nhưng làm sao hấn trả lại cho tôi hai thứ quý báu đó để tôi nhai xương gà, cạp bắp, gặm giò heo, nhai khô mực, để đêm đêm nhắm mắt là ngủ một giấc êm sông sẻ, óng chuốt."

Hoặc trong Chân Trời Lam Ngọc:

"-Hôm đó chị mặc chiếc áo dài màu rêu sẫm nổi hoa xám bạc. Màu sắc rất chìm, rất ngụy nhưng rất trang nhã. Đặc biệt nhất là chiếc khăn choàng hiệu Pierre Cardin màu đen nổi vạch màu hoàng kim, màu xanh lân tinh và màu đỏ yên chi làm cho màu áo khiêm tốn và màu son phấn tranh điểm kín đáo của chị nổi bật xon xao hấn lên. Tôi có bảo một anh bạn: bà Diệu Tâm hôm nay chơi trội màu sắc quá."

\*Qua hai đoạn ngắn trên chúng ta thấy tác giả dùng nhiều danh từ, nhiều tính từ khiến phong cảnh, nhân vật đầy màu sắc lung linh và hình ảnh tràn đầy. HTA thường viết như vậy và lối viết đó trở thành thói quen. Anh phóng bút thoải mái, nghĩ sao viết vậy không sửa đổi, trau chuốt gạn lọc, nhờ vậy nên văn rất tự nhiên. Độc giả chỉ cần đọc vài câu và biết ngay tác giả là ai, không hề lẫn lộn hoặc sai lầm qua người khác. Đám đông quần chúng dễ đón nhận và cảm thấy gần gũi vì chuyện xảy ra y hệt cuộc sống bình dị hằng ngày.

\*Nhưng đôi khi HTA cũng dùng cách thứ hai, " đạt ý ở ngoài lời " của Trung Hoa. Đó là khi anh cố ý làm văn, khi viết thì câu văn ngắn gọn, chữ nghĩa đơn giản, không nhiều tiếng phụ thuộc

rườm rà, nhưng gây nhiều hình ảnh. Hình ảnh được tác giả cố ý gọi ra để độc giả tưởng tượng thêm. Một lần trong Lá Thư Mùa Thu (11.1984) HTA đã than thở:

- "Giờ, Troyes đối với tôi là đất trích. Nhưng đất trích này đẹp quá, không có "lau vàng trúc võ nầy màm quanh hiên" như cảnh đất trích của nhà thơ Bạch Cư Dị. Nhưng tôi biết, bắt đầu giữa thu, cây sẽ trụi hết lá, cảnh vật sẽ buồn thảm, bầu trời thường thấp xuống và phủ mây màu chì. Có thể là vào đầu thu ở đây đẹp. Lá vàng như còn rạo rực ánh rạng rỡ. Vào buổi sáng hay buổi chiều, sương lam mỏng vương vất từ chòm cây khóm lá. Vào chơi trong rừng thu như vào cảnh mộng, đến khi trở ra xe thì áo măng tô đã ẩm nước" .

\*Thử phân tích đoạn văn ngắn này thì thấy ngay văn tài của HTA. Chúng ta hay bắt cứ ai cũng có thể tả cảnh mùa thu có lá vàng, có mây đen màu chì, có sương lam mỏng, có khí trời ẩm đượ, nhưng với tất cả đường nét đó không nói lên được điều gì, đó là những đường nét chết, miêu tả một cảnh vật không sinh khí...Chỉ thêm vào mấy chữ cuối dòng, HTA đã làm cho mọi sự sống động. Tác giả không chỉ vẽ hình ảnh một người lạc loài bơ vơ nơi đất khách, sống hiu quạnh thê lương qua thân xác bên ngoài mà còn vẽ được trong cõi lòng cảm nghĩ nữa. Con người lưu lạc đó cũng biết tận hưởng cảnh đẹp như mộng đang có của phương trời Tây. Cái không khí mùa thu đất Pháp bàng bạc qua văn của Anatole France với hình ảnh chú bé lưng mang cặp sách, nhảy chân sáo tung tăng buổi tựu trường đầu thu ngang qua công viên Luxembourg, lãng đãng với không khí mùa thu Tô Châu, Hàng Châu của Trung Hoa ngàn năm trước. Thi hào Tô Đông Pha đời Tống đã viết lời kết trong Tiền Xích Bích Phú...."khi đồ nhắm hoa quả đã hết, mâm bát bỏ ngổn ngang, cùng nhau gối đầu mà ngủ ở trong thuyền, không biết vàng đông đã sáng bạch tự bao giờ. (hào hạc ký tận, bôi bàng lang tạ, tương dữ chẩm tạ hồ chu trung, bất tri đông phương chi ký bạch)

\*Người xưa say mê giựt mình thức giấc, bất giác thấy vàng đông đã sáng bạch. Người nay tuy đang dạo chơi rừng thu -khi trở ra xe thì áo măng tô đã ẩm nước. Hai trạng thái thức ngủ tuy khác mà cảm giác như một. Độc giả cũng bất giác, ngạc nhiên sửng sờ thú vị. Viết ngắn gọn được như vậy là tuyệt bút. Đâu cần phải có câu chuyện ly ly, tâm sự éo le, tư tưởng siêu tuyệt,... mới là văn chương.

\*Còn bao nhiêu điều chưa khám phá trong thế giới văn chương HTA ? Tôi tin là nhiều lắm nhưng do tình cờ đọc lại xấp thư cũ bạn gởi cho, đâm giựt mình. Một ngày cuối thu năm 1993 An đã viết "-viết về HTA, xin bạn đừng nên, việc gì phải quậy lên cho độc giả chú ý. Tôi khác mụ X... ở chỗ đó, không quá khiêm tốn để tự hạ mình, không quá hách xì xằng, không khoa động... Cố viết sao cho anh em bằng hữu vui, rồi mình cũng vui theo là được. Mà Điền tin đi, hể mình vui là độc giả vui lây..."

HTA đã viết rành rành như vậy mà thiết tình, tuy tay tôi không cầm bầu rượu nắm nem mà cũng vì măng vui nên đành quên mất lời anh dặn dò. Trong mớ trí nhớ hỗn độn mù mờ, chợt nhớ hai câu thơ của một người bạn gái:

*Người đã nói rồi hay chưa nói,  
Người đã nói rồi hay chưa nói ra...*

Quả tình mấy ông, mấy bà làm cái nghề thi sĩ, văn sĩ thiệt rắc rối, nói tới nói lui, vòng qua vòng lại không ai hiểu gì hết trơn. Thực sự đến giờ phút này, cũng không biết tôi đã viết được chút ít gì về văn tài HTA, người bạn văn sĩ ở bên Tây của tôi chưa.

Thôi đành kể như là có nói mà chưa hết ý...

(Văn Học, tháng 5 1999)

## Thảo mộc trong cổ văn Việt Nam

(*riêng tặng bạn Lâm Quang Khải, chủ nhân Lâm Bonsai, Montréal*)

Bạn tôi rất thích cây cỏ, tối ngày chăm sóc khu vườn sau nhà. Chúng tôi định cư ở thành phố Montréal và anh là người Việt đầu tiên mở tiệm hiệu Bonsai ở thành phố này. Bonsai có thể mua ở các nhà sản xuất bên Mỹ và cũng có tự sản xuất, tôi cùng anh thường vào các trại bán hoa kiểng lớn, lục lọi các cây thông, cây tùng hư, cong vẹo, cần cỗi, có khi là những cây gần chết vứt bỏ ở thùng rác... mua rẻ đem về cắt bớt cành dư thừa, dùng dây đồng uốn éo cho có hình dáng đẹp, rồi nuôi dưỡng một thời gian cho thành bonsai... rồi đem bày bán. Cây làm bonsai thường là các loại cây xứ lạnh lá nhỏ và giòn chịu đựng thời tiết khắc nghiệt...

Một hôm anh ghé nhà chơi và trong câu chuyện bàn về cây cỏ, anh nói trong một bài của tôi có một chỗ sai và anh cho biết hoa pivoine (peony) không phải hoa mẫu đơn mà là thuộc dược. Tôi hỏi anh căn cứ vào đâu mà nói vậy vì hầu hết các tự điển đều ghi pivoine là mẫu đơn, còn thuộc dược là dahlia. (riêng tự điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ thì cho là mẫu đơn, hoa trắng thật thơm, có nhiều tai, cuống mập như ống, đài 5 chia nhọn, lá láng mọc đối và chùm ba, cây nhỏ trồng làm hàng rào cao tới 2 m, tên là Gardenia Lucida (thực ra người Nam gọi gardenia tới ba tên, mẫu đơn, dành dành, bông lái trâu. Gardénia gọi là hoa dành dành là đúng nhất. Ca dao có câu: *Con vợ khôn lấy thằng chồng dại, như bông hoa lái cấm bãi cắt trâu* . Nhớ đừng lầm với hoa lái (jasmine) ướp trà, hoa trắng nhỏ thơm lừng, người Ấn Độ thường dùng xỏ râu đeo cổ.

Anh chỉ bức tranh trên tường nhà tôi, nói - rõ ràng đây nè, bức tranh này phải người Tàu vẽ hoa mẫu đơn không? Tôi xác nhận đúng là như vậy. Tôi cũng đã hiểu ý nghĩa bức tranh, đức Khổng Tử cho mẫu đơn là phú quý chi hoa, hoa lan là vương giả chi hoa. Hai con bướm, chữ nhỏ đọc là trùng điệp. Bốn chữ trong bức tranh với nét thảo tung hoành như lời mong ước, chúc phúc - phú quý trùng điệp.

Nhìn bức tranh cây hoa cao trên cả thước, thuộc loại thân mộc cứng màu đen có nhiều cành phụ, anh nói - nếu như giống hình vẽ, hoa to bằng cái chén lớn màu hồng, màu đỏ nhưng cây hoa ở Canada thuộc loại thân thảo mềm, trồng bằng củ, mọc thành từng bụi, khi hoa nở nhiều cành cây chóng, nếu không chúng sẽ bị gió thổi gãy cành, đâu phải thuộc loại cây thân mộc cứng cáp... Như vậy pivoine Canada chỉ có thể là dahlia thôi, không phải là mẫu đơn ! Tôi không chịu vậy vì đã từng thấy mẫu đơn y như hình vẽ, rủ anh vào vườn Bách Thảo, cạnh sân Vận Động Olympique, chỉ cho anh coi cả một khu trồng cây mẫu đơn thân mộc cao cỡ 2 thước, hoa nở đỏ rực đẹp lắm, có bảng ghi chú là Pivoine Chinoise (Chinese Peony) Tôi ước ao có được một cây mà không biết mua ở đâu, phải mãi đến năm 1994 ở Canada mới nhập cảng giống mẫu đơn Trung Hoa thân mộc mà bán ngoài thị trường. Thực ra anh bạn cũng có lý vì mẫu đơn có nhiều loại. Loại thân thảo như Canada (herbaceous poeny / pivoine japonese). Tên khoa học là poenia lactiflora họ Ranunculaceae, sách Việt Nam cũng ghi là thuộc dược) Loại mẫu đơn thân mộc của Tàu (poeny tree, mutang / pivoine arbustive: poenia suffruticosa họ Poeniaceae. (tôi cho peony dù là giống nào thì cũng là mẫu đơn).

- Còn dahlia là thuộc dược thuộc họ Astaceae.

Kể từ dạo đó, tôi nhớ lại tất cả những gì liên quan tới mẫu đơn trong các điển cổ văn học Trung Hoa. Chuyện bà Võ Tắc Thiên đày hoa mẫu đơn xuống Giang Nam tới các câu tả Kiều bị Hoạn Thư đánh đập - *Dạy rằng: cứ phép gia hình, ba cây chập lại một cành mẫu đơn...* rồi nhớ lan man qua Chinh Phụ: - *xây nhớ khi cành Diêu, đoá Ngụy, trước gió xuân vàng tía sánh nhau*. Họ Diêu tìm được giống mẫu đơn màu vàng, họ Ngụy tìm được giống mẫu đơn màu tía, mà tên tuổi được nhắc tới trong sử sách.

Nghĩ tới nghĩ lui rồi chợt thấy mình bây giờ đang ở xứ lạnh như Trung Hoa, tại sao lại bỏ qua cơ hội tốt để biết rõ những cây cỏ trong thơ văn cổ Việt Nam. Người Tàu vốn có óc tưởng tượng phong phú, vật gì dù tầm thường cách mấy vào tay họ thì biến đổi tốt đẹp quý giá không ngờ. Con rắn sống lâu trăm tuổi thì có ngọc, chiếc vòng cẩm thạch có vân màu đỏ là nhờ chôn chung với người chết hàng mấy trăm năm, đáng giá bạc triệu. Cũng vậy một ông Tàu già cho rằng kiếng đeo mắt nhờ bỏ dưới giếng nước lâu cả ngàn năm nên nhìn mọi vật thấy rõ và mát lắm !!!

Thảo mộc cũng vậy, cây nào bên Tàu cũng quý và thơ mộng hơn cây cối bên Việt Nam. Thơ văn cổ mình có bao giờ nói tới cây sao, cây dầu, cây bằng lăng, cây gỗ, cây cẩm lai, cây mít, cây ổi,... mà toàn là cây ngô đồng, cây phong, cây cù mộc, cây tử, cây tang, cây du, cây lê, cây đào, cây hạnh... nghe thấy mê, nhưng đó toàn những cây xứ lạnh. May quá, chúng ta bây giờ cũng ở xứ lạnh vậy, mà dám còn lạnh hơn bên Tàu nữa, vậy mấy thứ cây đó là cây gì ở xứ Bắc Mỹ này? Biết đâu những tên cây thơ mộng, linh thiêng, cao quý đó chúng mọc tràn lan ở rừng rậm, ở công viên, ở lề đường hoặc sừng sững ở trước nhà !!!

Quá đúng vậy, cây phong là thứ cây mà thơ văn mình thường nhắc tới. Cây phong (érable / maple) thứ cây đặc biệt của Canada, cây to cỡ hai ba người ôm, gỗ quý cứng chắc, lá to bằng bàn tay có 5 nhánh, hình dùng làm cờ tiêu biểu cho đất nước, Canada là Xứ Cây Phong, đi đâu cũng gặp.

- *Người lên ngựa, kẻ chia bào,*

- *rừng thu phong đã nhuộm màu quan san. (Kiều)*

Cũng như các giống cây khác, phong có nhiều loại, thứ cho đường (maple syrup), thứ chỉ trồng làm cảnh, phong Tàu, phong Nhựt, phong Na Uy, Thụy Điển, phong Anh... (Acer rubrum, Acer saccharum, Acer saccharinum, Acer negundo, Acer platanoides... thuộc họ : Aceraceae) Muốn biết cây phong bạn chỉ cần mở cửa, bước ra đường là thấy ngay, phong được trồng dọc theo đường phố, chỗ nào cũng có. Trên núi cao rừng sâu, phong mọc ngút ngàn. Sách Tàu cho là phong Canada vào mùa thu, đẹp đến nỗi say đắm mê mẩn lòng người - *diễm lệ tụy nhân*. Thu đến lá phong đổi màu, tùy theo giống mà lá đỏ hay vàng.

- *Trận gió thu phong rụng lá vàng, rồi thì sau đó : - trận gió thu phong rụng lá hồng.*

Lúc còn ở trong nước, có người thắc mắc - đã có gió rồi sao lại có phong nữa? Câu hỏi khó, nhưng nếu đã ở hải ngoại, biết rõ phong là cây phong thì chắc không ai còn thắc mắc nữa, không cần phải học chữ nho làm chi. Thi sĩ Tản Đà đã đổi nhịp ngắt câu quen thuộc của thơ Đường - *trận gió thu, phong rụng lá vàng*.

Nhưng thiệt ra tôi vẫn cứ thắc mắc, mỗi lần đi ăn ở nhà hàng Hai Sư Tử phố Tàu, khi nhìn lên cao, rõ ràng hiệu tiệm ghi hai chữ Hán - Phong Thành, nhưng tại sao chủ nhân lại ghi tiếng Anh là Bright Pearl Restaurant ?

Nếu tôi lần thân dịch ra dành cho các cháu nhỏ hiểu thì phải là như vậy :

Restaurant Bright Pearl = Phong Thành (thành phố cây phong ) = nhà hàng Hai Sư Tử. Trời đất, chắc các cháu hồng hiểu gì hết trơn !

Có một loại cây mà thơ văn thường nhắc đi nhắc lại, khiến tôi tò mò. Đó là cây hòe.

- *Tiếng sen sẽ động giấc hòe, bóng trăng đã xế hoa lê lại gần (Kiều)*

- *Thừa gia chẳng nét nàng Vân, Một cây cù mộc, một sân quế hòe (Kiều).*

- *Sân hòe đôi chút thơ ngây, trăn cam ai kẻ đỡ thay việc mình. (Kiều)*

- Cù mộc thì là cây si (ficus benjamina họ Moraceae), Việt Nam mình có nhiều, thuộc loại cây to, tàn rậm, lá nhỏ, nhánh có nhiều rễ mọc lòng thòng xuống tới đất. Các bạn thanh niên trai trẻ cũng thường trồng cây này ở gần nhà cô bạn gái dễ thương...

- Nhưng còn cây hòe là cây gì ? Tìm tòi trong nhiều sách thì thấy rõ cây hòe tên Latin là Sophora Japonica, thuộc họ Fabaceae, cũng ghi chú là Japanese pagoda tree, Chinese scholar tree. Tiếng Pháp lại ghi là arbre de miel hay arbre des pagodes. Tiếng á rập, sophora có nghĩa là cây mật, do hoa của nó phát ra mùi mật ngọt ngào.



Tuy Sophora có chữ Japonica đi kèm nhưng không phải gốc ở Nhật Bản, mà từ Trung Hoa, do cha Pierre d'Incarville mang trồng ở Âu Châu. Ông đã sống ở Bắc kinh từ năm 1742 tới năm 1757. Cây hoè cao chừng 15 đến 20 thước, tàn rậm to, ngọn tròn vỏ đen nâu sần sùi. Lá nhỏ như lá me, mọc đối nhau, trái cũng giống như trái me nhưng nhỏ và đẹp. Hoa vàng tươi nhỏ cỡ 1 cm, nở vào tháng tám bông bành dày đặc trên cành, mùi thơm nồng đượm ngọt ngào. Vài ngày sau khi nở thì phai nhạt từ từ, rụng thành một thảm hoa trắng trên bãi cỏ xanh. Lá hoè cũng rụng vàng vào mùa thu nhưng là loại lá rụng cuối cùng, sau tất cả các cây khác. Bên Trung Hoa, người ta nấu những nụ hoa hoè dùng để nhuộm tơ màu vàng, cũng dùng làm thuốc (hoè hoa, hoè mễ, hoè điệp) Trong Lục Vân Tiên cũng có câu - *buồn trông dặm liễu đường hoè*.

Cũng do bản tánh tò mò mà tôi biết được cây ngô đồng, một loại cây được cho là quý hiếm. Cổ thi có câu: - *ngô đồng nhứt điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu (một lá ngô đồng rụng thiên hạ biết thu tới)*. Kiều cũng có nhiều - *Thú vui thuần hức bèn mùi, giếng vàng đã rụng một vài lá ngô*. Nhớ sách cổ đã ghi - cây ngô đồng mỗi cành có 12 lá, năm nào nhuận thì 13, tương ứng với thời tiết hàng năm. Chim phượng hoàng là giống chim linh thiêng, nếu không phải cành ngô đồng thì không đậu, không phải trái trúc thì không ăn. (*phi ngô đồng bất thê, phi trúc thực bất thực*) Nhạc sư Hoảng thời tiền cổ Trung Hoa, chọn gỗ cây ngô đồng chế ra cây đàn cầm. Ông không lựa chỗ gốc vì âm thanh thô cứng, không lấy khúc ngọn vì âm thanh nhẹ yếu, chọn khúc giữa, âm thanh trong trẻo và êm ái, đều hòa. Khi làm đàn xong mỗi lần tấu lên, chim phượng hoàng bay về đậu trước sân, múa theo điệu nhạc...

- *Bắc thang đến cung mây mà hỏi, biết bao giờ phượng tới cành ngô (Bản Nữ Thần)*

Cây ngô đồng là cây gì mà quý tới như vậy. Thi sĩ Lưu Nguyễn, bạn tôi quê Quảng Nam, nói ở ngoài Trung ngô đồng nhiều lắm, ở Huế trong các lăng Gia Long, Minh Mạng cũng trồng thành hàng. Anh tỉ mỉ tả cây ngô đồng cho tôi nghe, cuối cùng tôi cũng không biết là cây gì. - *Bóng trắng vừa xé cành ngô, giấc hoè diu diu, chấn cù êm êm (Bích Câu Kỳ Ngô)*. Muốn tiếng đàn kêu vang to khiến chim phượng tìm đến để nghe thì phải là loại cây có gỗ cứng chắc bền bỉ, tiếng vang, không nứt, không vênh, không dễ hư mục.

- Cây ngô đồng (*firmiana simplex*) người Anh gọi Chinese parasol tree, cũng gọi là Pheonix tree (cây phượng hoàng), tiếng Pháp là *Sterculia à feuille de platane*. Tên khoa học *Firmiana platanifolia* hoặc *sterculia platanifolia*, họ Trôm *Sterculiaceae*. Cây cao trung bình từ 12 đến 15 thước. Có nhiều ở Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản.... Loại cây rụng lá hàng năm, thân thuộc loại gỗ cứng, có vỏ láng xanh, lá to mọc thành chùm trên mỗi cành, cuống lá dài trên 20 cm, mỗi chùm có 12 lá, lá có chia 3 hoặc 5 giống lá phong nhưng hơi tròn đầy lớn hơn lá phong. Hoa nở vào mùa xuân, cánh hoa thon dài như hoa ngọc lan màu trắng ửng nhụy vàng, bao lấy chùm trái nhỏ như hạt tiêu ở giữa. Trong những công viên ở Nhật, Trung Hoa, ngô đồng có tàn lá như chiếc dù che cả một vùng rộng lớn, rất đẹp. Vì thuộc họ Trôm nên thoát nhìn thấy giống giống như cây vông, cây trôm... Người Nam thường lầm lẫn cho ngô đồng là cây vông đồng. Nếu là cây vông nem thì gỗ sộp, mềm lắm, da có gai, chỉ dùng làm guốc vông, lá để gói nem, "Việt - Hán Từ Điển Tối Tân" nxb Chin - Hoa (Chợ Lớn) ghi cây vông là "thúc đồng", không phải ngô đồng.

- Bên Âu Châu, các nước Pháp, Ý, Thụy sĩ, Anh, Belgique,... bốn mươi phần trăm cây trồng vỉa hè là dương ngô đồng (chữ dương bộ thủy, có nghĩa là ngô đồng ngoại quốc, tên khoa học: *Platanus Orientalis* - *Platanus Occidentalis* thuộc giống *Platanus acerifolia*, họ *Platanaceae*). Nó được trồng nhiều vì đáng đẹp, sống lâu, không sợ đông bão, chịu đựng được ô nhiễm, ít bệnh và cho nhiều bóng mát. Loại cây này cũng được trồng nhiều ở thành phố New York, khu nhà chọc trời, khu Liên Hiệp Quốc, chỗ tượng Nữ Thần Tự Do. Tên Anh là planetree hay sycamore, Pháp là platane, cây to gỗ cứng, tàn lớn cao 25-30 thước, da láng nâu đen như da ổi, lá giống lá phong chia năm, có trái thoát nhìn giống trái chôm chôm xanh, khi già thì màu đen. Theo tài liệu thì hiện nay ở Hy Lạp trong vườn nhà ông tổ y khoa Hippocrate thành phố Kos, vùng Dodécanèse, có cây platane sống trên 2000 năm, cao 45 thước, chu vi gốc 14 thước... Người Hy Lạp cổ cho là loại cây tái sinh (*regénération*) vì lớp vỏ cũ bong ra, lớp vỏ mới thay thế, như

rắn lột da sống đời. Con ngựa thành Troie ( Troy ) được làm bằng gỗ platane ( dương ngô đồng).

Trong Chinh Phụ Ngâm Khúc cây dâu tằm ăn thường được nhắc đi nhắc lại. Ở Việt Nam thì cây dâu được trồng nhiều. Ngày trước ở Tân Châu (Châu Đốc) trồng dâu để nuôi tằm dệt lãnh Mỹ A, bây giờ thì ở Đà Lạt. Ngoài Bắc thì tôi đoán chắc là Hà Đông, nổi tiếng nhờ lụa dệt bằng tơ tằm (Hà Đông cũng có loại lụa, dệt bằng lông sư tử, nhưng không thuộc phạm vi bài này!). Còn ở thành phố Athens (Greece) thì cây dâu được trồng ở nhiều lề đường để lấy bóng mát.

- cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
- thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
- ngàn dâu xanh ngắt một màu,
- lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai. (Chinh Phụ)

Câu hỏi thật là khó, nổi sầu làm sao đong đếm, ai mà trả lời cho được. Chỉ có một chữ cổ khó hiểu là chữ ngàn. Ngàn có nghĩa là rừng.

- Đón tre dẫn gỗ trên ngàn.
- Đôi ta là nghĩa tào khang, xuống khe bắt ốc lên ngàn hái dâu (ca dao).

Cây dâu tằm ăn thì không cần tả rõ vì ai cũng biết nhưng có một cây lạ thường được nói chung khi người xưa nhắc tới cây dâu. Đó là cây tử. Trong Kinh Thi có câu: - *Duy tang dữ tử tất cung kính chí*. - Khi thấy cây dâu và cây tử thì mình phải cung kính. Tại sao vậy? Bởi vì cây dâu, cây tử là do cha mẹ trồng. Lá dâu cho mẹ nuôi tằm dệt vải. Cây tử cha trồng ngày sanh con. Cây tử cao to lớn cứng chắc, sau hai ba mươi năm, cột nhà sẽ mục nát, con có cây sẵn mà thay. Cha mẹ già yếu sẽ chết, con có sẵn gỗ tốt mà đóng quan tài. Tang tử hay tử phần cũng có nghĩa là quê hương.

- sân Lai cách mấy nắng mưa, có khi gốc tử đã vừa người ôm.
- sấm xanh nếp tử xe châu, vui nông một nắm mặc dâu cỏ hoa.
- đoái thương muôn dặm tử phần. Hồn quê theo ngọn mây Tân xa xa (Kiều).

Vua Ngô Phù Sai muốn lập đài Cô Tô thật cao mà không có cây làm cột. Việt Vương Câu Tiễn cho người đi tìm thì được cây nam ở phía bắc núi Việt, cây tử thì ở phía nam, mỗi cây to 20 vây và cao hơn 50 tầm, đốn đem dâng vua Ngô. Cây tử trong sử sách quý như vậy, thì là cây gì, ở Canada? Các tự điển Hán - Việt đều ghi cây tử là một giống cây lớn, chỉ quê hương, rồi hết. - Duy Viễn Đông Thực Dụng Anh - Hán Tự Điển (Far East Practical English - Chinese Dictionary) ghi chú rõ cây tử là Catalpa, tiếng Anh và Pháp giống nhau. Cuốn The Urban Tree Book, tác giả Arthur Plotnik (nxb Three River Press) chú thích kỹ và có hình vẽ rõ ràng. Ở Toronto cây tử khá nhiều, được trồng dọc lề đường khu phố Tàu. Thân cây to cao độ 20-25 thước, lá to cỡ lá trà xanh mượt, tàn lớn rậm, bông nở mùa hè màu trắng, nhụy tím vàng, mùa thu có trái dài từ 15-40cm, thông xuống như trái đậu đũa nhưng thon nhỏ hơn. Cây tử thuộc họ Bignoniaceae, giống catalpa... Mỗi lần đậu xe trên các đường nhỏ xung quanh khu phố Tàu, tôi thường nhìn hàng cây tử gốc to cỡ cột nhà, ước ao làm sao trồng được năm ba cây trong vườn, đến khi tuổi già, con cái sẽ dùng tới để lo cho mình, tiện lắm, khỏi phải tốn kém nhiều, bận lòng mấy đứa nhỏ.

Còn cây dễ là cây gì? Chúng ta thường nghe nói -mắt đẹp màu hạt dễ. Đó là cây châtaignier cũng là marronnier / chesnut tree. Chữ nho đọc là cây lật. Cây lật to, lá to, tàn rậm, cao cỡ trên 20 - 25 thước, trái nhỏ bằng trái cau, vỏ có gai, tới cuối thu thì vỏ khô, hạt bung ra rụng đầy gốc. Mùa đông bỏ hạt dễ (marron / chesnut) vào lò sưởi nướng ăn rất ngon, nên nhớ cất hai đầu vỏ, nếu không khi nướng, hạt dễ sẽ nổ ra, nát vụn hết. Tiệm tây hay Việt, Tàu đều có bán.

- Cây du (orme / elm, thuộc họ Ulmaceae, giống ulmus,) loại cây lớn to, cao độ 20, 30 thước, gỗ cứng, dùng chế tạo bàn ghế, vật dụng trong nhà. Cũng là loại cây thường được người thích bonsai ưa chuộng vì lá nhỏ đẹp giống lá trà có răng cưa và sức chịu đựng bền bỉ sương tuyết nắng mưa. Thu đến lá du đổi thành màu vàng chanh nhạt. Cây du có thể mọc ở đồng bằng mà cũng có thể mọc ở vách núi đá cheo leo, đất xấu tốt nào cũng sống được.

Chúng ta cũng thường bắt gặp cây bạch dương trong thơ văn. Như trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du : - *đường bạch dương bóng chiều man mát, ngọn đường lê lác đác mưa sa*. Tự điển không thống nhất về cây bạch dương này. Có khi là cây white poplar / peuplier, có khi là birch / bouleau, có khi là trembling aspen (or quaking aspen) (tên khoa học là populus tremuloides, populus alba,... thuộc họ dương liễu Salicaceae) Gọi là trembling hay quaking vì cây này khi có chút gió thì đám lá rung rinh như đàn bướm bay. Thôi cứ tạm hiểu bạch dương có nhiều loại nhưng giống nhau có vỏ trắng, sớ gỗ mềm, thường dùng làm diêm quẹt. Người da đỏ tách vỏ cây bạch dương già (birch / bouleau) kết chặt vào nhau, dùng nhựa thông trét kín nước, để làm ghe kayak (canoe). Ghe kayak nhẹ chắc chắn, khi phải qua rừng rậm, núi non, thổ dân có thể đội ghe trên đầu mà đi.

- Còn đường lê, một cây cao trung bình, tên khoa học là - *pyrus betulaefolia* họ hoa hồng Rosaceae.

Trong Bần Nữ Thán tác giả thường nhắc tới cây hạnh:

- *ai ơi xin chớ cười nhau, chẳng qua mai trước, hạnh sau khác gì.*

- *mai nở trước, mai cười hạnh muộn, hạnh nở sau hạnh ngắm mai suy.*

- *hạnh mai cười lẫn nhau chi, đến kỳ kết quả, đến kỳ khai hoa.*

Trong đoạn thơ này, mai không phải là cây hoa mai vàng (*ochna intergerrima*, họ Ochnaceae) ở miền Nam, nở mỗi khi Tết đến. Mà là cây mai (prunier, abricotier / plum tree; apricot tree) cho trái mơ (prune, abricot / plum, apricot).

- Đức Khổng Tử thường ngồi dạy học ở đàn hạnh, vì thế nên thường dùng chữ hạnh đàn để ám chỉ trường học. Nhà Đường cho các học trò đỗ tiến sĩ vào ăn yến ở vườn hạnh, nên tục gọi người thi đậu là hạnh lâm. Người mình cũng gọi cây tắc (cây quất: một loại quít nhỏ trồng để làm cảnh) là cây hạnh. Không phải hạnh trong thơ văn.

- Cây hạnh giống cây táo (*pommier / apple tree*) hoặc giống cây hoa anh đào, cao độ 4, 5 thước, hoa đỏ hường, mùa xuân bông đơm đầy cành, trông rất đẹp. Trái nhỏ cơm không ăn được, chỉ ăn hạt. Mỗi cây cho từ 2 đến 5 kí hạt, chợ nào cũng có bán, giá khá mắc. Trong thuốc bắc có vị hạnh nhơn (hạt hạnh dẹp thon dài) và đào nhơn (hạt đào dầy hơi tròn, mùi hăng hắc, nồng mạnh hơn hạnh nhơn, cả hai dùng trị bệnh ho). Cây hạnh là cây *amandier / almond tree*. Tên khoa học là *Amygdalus communis*, họ Rosaceae. Có nhiều giống hạnh: *prunus triloba*, *prunus armenica*, *prunus amygdalo-persica*, *prunus dulcis*...

- *hoa chào ngõ hạnh, hương bay đậm phần.* (Kiều)

- *dần dần năm đã kể ba, hạnh vừa độ thắm, liễu vừa phần son.* (Bích Câu Kỳ Ngộ)

\* Đừng lầm cây hạnh (*amandier*) với cây ngân hạnh, cũng gọi công tôn thụ hay bạch quả thụ (*ginkgo biloba*). Cây ngân hạnh thuộc loại cây to cao chừng 30 thước, có nhiều tên: *ginkgo biloba*, *maidenhair - tree*, *the memory - tree* (F: *Ginkgoaceae* G: *ginkgo*), quả ăn được, hạt nó là bạch quả, thường dùng để nấu chè, ăn giúp trí nhớ. Đó là loại cây quý từng tồn tại qua hàng trăm triệu năm từ thời tiền sử có loại khủng long cho tới ngày nay không thay đổi hình dạng. Rất dễ nhận ra cây ngân hạnh vì tàn lá xanh um tươi tốt. Năm 1587 sách thuốc Trung Hoa gọi nó là *áp cước thụ* (*Eleusine - coracana*) cây có lá hình tam giác giống chân vịt xòe, cũng được trồng ở phố Tàu Toronto, ở các khu nhà chọc trời New-York hay ở Genève. Cây ngân hạnh là loại cây quý, không bao giờ bị nấm, ký sinh, sâu mọt hay hư mục. Ở thành phố Hiroshima khi bị bom nguyên tử, tất cả các cây đều chết tàn lụi, chỉ có ngân hạnh là còn sống sót. Trong rừng núi Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn có nhiều cây sống lâu cả ngàn năm. Người ta trồng ngân hạnh thành đồn điền lớn, lấy lá nó dùng làm thuốc giúp trí nhớ, cũng trị bệnh Alzheimer cho người lớn tuổi. Ngoài tác dụng giúp trí nhớ, lá ngân hạnh còn dùng làm dược thảo ngăn ngừa tác dụng lão hóa con người... Tóm lại chúng ta nên thường ăn chè bạch quả, còn không thì mua *Ginkgo Biloba* về uống trẻ mãi không già, chỉ tốn chút ít tiền cho quý vị dược sĩ!

Còn cây olive (*olea europaeae* họ Oleaceae) thì ít khi thấy trong văn thơ, tuy trái và dầu nó mình dùng mỗi ngày. Cây olive cao chừng 10- 15 thước, gốc to cỡ người ôm, sống hàng trăm

năm, cành nhiều, vỏ xám sần sùi, lá nhỏ dài như lá trúc đào, mọc đối, mặt trên xanh, mặt dưới xám bạc, hoa nhỏ cánh rời tỏa tròn, màu trắng xanh, mọc thành chùm, quả mọng hình bầu dục dài 2-3 cm màu xanh, khi chín thì đen đen, thường thấy mọc trên các sườn núi đá cheo leo. Cành olive tượng trưng cho sự hoà bình, làm thành vòng đội lên đầu tượng trưng cho chiến thắng vinh quang. Cây già cổ có dáng uốn éo đẹp như bonsai. Được trồng nhiều ở khu vực Địa Trung Hải.

- Chữ nho gọi là cảm lãm thụ. Cảm lãm quả là trái ô - liu, miền Bắc gọi quả trám. Từ chữ cảm lãm biến âm thành quả trám, nhưng trong Nam thì gọi là trái cà na. Vì ở Ấn Độ có cây canna, cây và trái giống ô - liu. Trong rừng núi tỉnh Darlac có nhiều cây canna. Trám có nhiều loại: trám hồng, trám ba cạnh, trám kên, trám lá đỏ, trám trắng, trám mũi nhọn,.. tên khoa học là canarium Bengalese, canarium subulatum, canarium album, thuộc họ Trám Burseraceae. Để kết thúc bài cây cỏ này, tôi muốn nhắc tới một loại cây rất tầm thường ở nước ta, thường mọc hoang và cũng có trồng, không ai thèm để ý tới. Ở Việt Nam thì nó tầm thường nhưng đối với Tàu ngày xưa được quý trọng như vàng, như ngọc. Đòi ngược ngạo và khôi hài vậy đó. Chuyện được ghi trong Hậu Hán Thư đảng hoàng. Đó là cây bo-bo, có liên quan tới Mã Viện, Phục Ba Tướng Quân. Cây bo bo (sorgho / sorghum vulgare) thân thảo giống cây lau cây sậy, cao chừng cỡ cây mía, hoa trắng trở cao thành cờ, hạt bo bo giống đậu nành, đậu chi chít thành chùm trên ngọn. Hạt bo bo có thể thay cơm, thay cháo ăn đỡ đói khi thiếu thực phẩm. (hiện nay ở Trung Hoa trồng bo bo thành đồn điền lớn, loại sorgho à sucre, mỗi mẫu chế được 7000 lít rượu éthanol, dùng thay xăng)

Tên chữ nho của bo bo là cao lương, mộc mạch hay đời thực mạch. Trong Thần Nông Bản Thảo gọi là ý dĩ, là một món thuốc bắc, tiêu khát, giải độc, người ta thường dùng để nấu chè ăn cho mát (sâm bổ lương). Việt Nam mình, khí hậu tốt nên bo bo rất dễ trồng. Sau khi Mã Viện tiến đánh Giao Chỉ (năm 43 sau TL) tiêu diệt kháng chiến Hai Bà và ổn định công cuộc trị an địa phương thì có chiếu vua triệu về. Mã Viện ham ở Giao Chỉ, lầy có tuổi già sức yếu nên chần chờ, lẩn lữa... Mãi đến khi chiếu triệu lần thứ hai, Mã Viện mới đành tuân chỉ ban sự, quy hồi cố thổ. Trong đoàn quân rầm rộ về kinh, ngoài quân nhu quân dụng, có chở thêm ba cỗ xe chở đầy, nặng, được đẩy đệm kín mít.

Sau khi về triều, Mã Viện tâu trình và đệ nạp tất cả ngọc ngà châu báu, của cải chiếm được lên vua. Tưởng là yên chuyện nhè đâu có người tố cáo với Hán Vũ Đế là trong danh sách đệ nạp các chiến lợi phẩm, sao không thấy ba xe chở đầy ngọc trai mà Mã Viện bắt dân Giao Chỉ mò tìm ở biển đông? Mã Viện sợ hãi tâu trình - xứ Giao Chỉ nhiều sơn lam chướng khí, hạ thần khi qua đó bắt gặp thủy thổ, phong thấp thương hàn, may nhờ thầy thuốc giỏi, điều trị bằng ý dĩ, hạ thần mới được bình an. Ba xe đó không phải ngọc trai mà là ba xe ý dĩ, thần có ý lo xa, khi về tới nước nhà rồi, làm sao có được nữa, mong bệ hạ xét lại!

Hán Vũ Đế ngẫm nghĩ hồi lâu, biết bị qua mặt, tức giận vì không tìm ra bằng chứng, bèn ra lệnh cách hết chức tước, không tịch thu gia sản mà cho về hưu. Mã Viện cũng còn may giữ được cái mạng già nhờ mấy hạt bo bo Giao Chỉ. Mới biết sống gần vua như sống gần cọp. Cũng là quả báo nhãn tiền cho kẻ xâm lăng.

Ý dĩ hay là ngọc trai, ai mà biết được? Các bạn thử nghĩ coi, không lẽ bắt quân lính ý ạch leo đèo vượt núi đi xa ngàn dặm, đẩy về nhà ba xe bo bo không đáng mấy lượng bạc! Phục Ba Tướng Quân Mã Viện, danh tướng đời Hán, đánh thắng được hai người đàn bà ở một tiểu quốc, dựng đồng trụ để khoe công, thì thật là đại anh hùng! Mà đã là đại anh hùng thì đâu có ngu tới như vậy, phải không các bạn?

\*\*\*

**Phụ đính II:**

## Kẻ đưa đường

Khi bà Sáu Đợi có hết sức chen được khỏi đám đông lúc nhúc ở bến xe đò lục tỉnh để ra tới ngoài thì cũng đã xế chiều. Cái mặt trời cuối ngày lặn xuống gần sát nóc dãy lầu cao bên kia đường, sáng đỏ như chiếc mâm thau được chùi sạch. Vậy mà nó còn rán chiếu những tia nắng vàng nhạt le lói trên tấm bảng quảng cáo kem đánh răng sơn hình người chà đen với hai hàm răng trắng bóng, dựng ở đằng xa. Từ từ mờ sáng, ngồi bó gối trên chiếc xe đò chật nít, vượt một khoảng đường dài trên hai trăm cây số ngàn cho tới giờ, bà cảm thấy vừa đói vừa mệt.

Một bà già tuổi vừa tròm trèm sáu mươi, tay này phải xách một cái giỏ ny-lông lớn cột ràng chằng chịt, đựng đầy quần áo, vật dụng với trầu cau vôi thuốc, và tay kia, một con vịt xiêm lớn gần bằng con ngỗng thì đâu phải là một chuyện dễ dàng. Bà Sáu vừa đi vừa thở, tay kéo lê con vịt lông xám đen, óng màu xanh mươn mướt, cái mồng thịt u từng cục nhỏ màu đỏ bầm, cái mõ quét lệt bệt trên đường, để đến gần cột đèn. Con vịt cũng quá mệt mỏi và đau đớn vì bị cột treo căng cả ngày nên không còn sức dầy dụa, há miệng kêu vài tiếng cạp cạp nhỏ xíu rồi nằm im. Vài cơn gió mát từ xa thổi đến nhẹ nhẹ, bà Sáu ngồi bệt xuống lề xi măng, dựa lưng vào cây cột đèn mà thở một hồi cho lại sức.

Đã lâu lắm rồi bà không có dịp lên Sài Gòn, đâu chừng đã mười mấy năm. Trước mắt cảnh vật quay cuồng, nhộn nhịp. Cái gì cũng xa lạ quá chừng. Nhà cửa thì xây cất cao vút, đường xá chằng chịt dọc ngang. Mùi nhựa đường, mùi cao su, mùi khói xăng nhớt cùng tiếng xe cộ, tiếng người ta, tiếng vật dụng va chạm nhau, trộn lẫn nhau, tạo thành một thứ gì ồn ào, hỗn độn. Mắt nhìn mà không thấy hết, tai nghe nhưng không phân biệt được gì, đầu óc bà trở nên bồng bênh, không định. Bà Sáu bị choáng ngợp trong cái thế giới của màu sắc, âm thanh, cảnh vật kỳ dị, lạ lùng. Tự nhiên bà đâm lo lắng, quơ tay cầm cái nón lá quạt nhẹ, mắt nhìn ra xa. Người ta sao đông quá. Chỗ nào cũng đầy người đi lại nhưng tuyệt nhiên không một ai quen. Đâu có người nào để ý tới bà, thân nhiên đi đứng sinh hoạt như không hề biết đến chiều nay, ở trong cái thành phố to rộng này, có một bà già lặn lội từ thiệt xa đến với một nỗi lòng bồn chồn náo nức, một niềm vui sướng không bờ bến để mong gặp lại người chồng thương yêu mà bà đã chờ đợi trên ba mươi năm.

Phải rồi vừa đúng chẵn ba mươi năm cách biệt, kể từ ngày ông Sáu đành đoạn bỏ bê vợ dại con thơ để dẫn thân lo việc nước dưới tài lãnh đạo của cụ Hồ. Thời gian chờ đợi mỗi mòn. Chuyện tái hợp không bao giờ dám nghĩ đến, nào ngờ nó vẫn xảy ra. Như một giấc chiêm bao dài, có buồn có vui, có lúc bắt đầu và có đoạn kết thúc. Cái lúc bắt đầu thì có thương yêu, có tình nghĩa, có nhớ thương, sầu khổ. Cuộc nội chiến tương tàn kéo dài của đất nước như một vết thương lở loét, làm đổ vỡ luôn cái hạnh phúc lứa đôi của cặp vợ chồng son trẻ với những ước mơ thật giản dị. Những ngày tháng lo lắng, sợ hãi. Những sáng nhớ, chiều mong. Có trái tim nào mà không héo hon, có cõi lòng nào mà không hoá thành đá. Cái đoạn kết thúc thì sắp tới rồi. Chỉ còn một đoạn đường ngắn, chừng ăn giập bã trầu là bà Sáu sẽ gặp lại người chồng đầu gối tay ấp năm nào với một niềm vui trùng phùng chứa chan...

Chừng đã bớt mệt, bà Sáu đứng lên định kiểm xe để đi đoạn cuối thì một chiếc xích lô từ góc đường trờ tới. Người phu xe nhịp nhịp cái cần thẳng tay nghe lóc cóc, tuột xuống cái yên, chạy a đến nắm lấy cái quay giỏ xách, miệng chào khách:

-Ngoại đi về đâu, tui đưa cho ?

Bà Sáu Đợi sợ cái giỏ bị giựt mất, vội nắm ghệt lại, tay kia giữ chiếc nón lá, ngược mắt nhìn thấy người phu xe trẻ tuổi, ngó một hồi lâu rồi nói ngập ngừng:

-Tôi muốn đi tới đường... đường gì đó, quên mất cái tên, cái số thì là một trăm... Ủ, ừ, ông có viết trong thơ nói rõ đường đó hồi xưa tên Mặt Má Hồng, chú có biết không ?

Anh phu xe quay qua chụp lấy con vịt, quăng xuống dưới chỗ gác chận, sửa lại cái nệm xe nhân nhúm, miệng tíu lia:

-Ngoại yên chí, đường ở bên Tây bên Mỹ thì tui không biết, chớ ở Sài Gòn, Chợ Lớn này ngoại muốn đi chỗ nào, tui đi chỗ đó cho coi !

Bà Sáu chưa vội bước lên xe, tay vịn lấy cái mui bằng vải ka-ki dày màu cứt ngựa:

-Mà từ đây tới đó, chú tính ăn bao nhiêu ?

-Thì ngoại cứ lên đi, tui không tính mắc ngoại đâu !

Bà Sáu nghe xong, muốn bước lên cho rồi, nhưng còn e dè, vì nhớ lời dặn dò của xóm giềng-ở Sài Gòn người ta ưa gạt gẫm mấy người nhà quê thiệt thà, chất phác, bà đứng yên không nhúc nhích:

-Đâu có được nà, chú phải nói rõ để tôi còn liệu chớ. Rủi nhiều quá, tui không đủ tiền thì lấy gì trả đủ cho chú.

Anh phu xích lô cười hì hì:

-Ngoại lo xa chi cho mệt. Có thiếu thì còn con vịt xiêm nè.

Rồi anh đẩy bà lên nệm xe:

-Thôi tui tính ngoại mười đồng. Từ đây tới đó xa lắm. Tui tính rẻ cho ngoại. Người khác thì tui đòi đủ mười ba đồng.

Nói xong anh khom lưng đẩy xe lăn vài vòng cho có trớn rồi nhảy lên ngồi ngất ngưởng trên cái yên xe cao nghêu ở phía sau, ra sức đạp mạnh. Cái xe chở một bà già trầu ồm o nhỏ con nên nhẹ hững, chạy vùn vụt. Bà Sáu Đợi định trả giá bớt vài đồng nhưng thấy xe đã chạy khá xa nên đành thôi. Vả lại, hôm nay là ngày vui lớn nhứt đời bà, dầu có thiệt thòi năm ba đồng bạc cũng không sao. Đã mấy mươi năm qua, ông Sáu đi biệt tăm biệt tích, bỏ mẹ con bà bơ vơ những tưởng đã chết ở một chận trời góc biển nào rồi. Ngờ đâu, bây giờ ông lại trở về, mạnh khoẻ lành lặn, không một thương tích gì hết. Phước đức biết bao nhiêu.

Bà ngồi dựa lưng trên nệm xe, hai chận duỗi thẳng ra cho thiệt thoải mái. Nỗi mệt nhọc ban trưa tan biến từ từ. Chiếc xe vẫn lăn bánh đều đều. Phở xá hai bên đường thay đổi muôn hình muôn vẻ. Có cái nhà thiệt cao, có cái thấp. Có cái nhô ra có cái thụt vào. Bảng hiệu xanh xanh, đỏ đỏ. Nhưng phần lớn nhà nào cũng đóng cửa kín mít. Ở lề đường có các sạp bán thuốc lá và các món hàng lật vặt. Người buôn kẻ bán lựa thưa. Trên mặt đường lộ người ta đi xe đạp nhiều quá, phải chen lấn nhau. Anh phu xe cứ phải nhịp thảng loong coong làm hiệu, miệng chửi rủa lầm bầm không dứt.

Bà Sáu nhìn hai hàng cây sao cao vút bên đường mà tưởng tượng hoài cũng không hình dung ra được cái cảnh gặp gỡ của hai vợ chồng sau ba mươi năm xa cách nó sẽ ra sao ? Còn ông Sáu thì chắc đã già lắm rồi. Ông tuổi con mèo, vậy là lớn hơn bà bốn tuổi, tính đến năm nay là sáu mươi ba. Cuộc sống lại đầy phong sương gió nắng thì ông cũng như một cái cây mọc trên đỉnh đồi khô, tả tơi, héo úa. Răng chắc đã rụng, mắt đã mờ, da dẻ nhăn nheo, cũng y như bà bây giờ. Tuy nhiên có điều, ông không như bà về mặt công danh sự nghiệp. Sau một thời gian dài phấn đấu cam go trong cuộc sống, cô Sáu bán trầu chỉ trở thành bà Sáu... cũng bán trầu. Còn anh nông dân Sáu Nếp chuyên cày bừa cuốc xới thì trở thành Thượng Tá Nhật Hồng. Bà Sáu chắc lười, thiệt tình cách mạng có nhiều điều khó hiểu quá. Thượng tá là làm việc gì bà không biết đã đành rồi mà tại sao ông tên là Nếp rõ ràng mà nay đổi là Nhật Hồng, bà cũng chịu thua luôn.

Bà Sáu thấy cần phải chia xẻ bớt niềm vui no ứ đang tràn ngập trong tim trong phổi:

-Chú đạp xe như vậy có khá không ?

-Đạp xích lô làm sao mà khá được ngoại. Đủ ăn là mừng lắm rồi.

Rồi anh ta cúi sát lưng xuống đổi sang giọng hỏi thăm:

-Bộ ngoại lên Sài Gòn thăm bà con hả ? Con vịt xiêm mập ghê. Đúng là vịt Cà Mau.

Cái niềm vui được dịp nở bùng qua câu trả lời trật nhịp:

-Tui đâu phải ở Cà Mau. Ở Ba Tiệm đó! Đi ngã bắc Vàm Cống mà !.

Anh phu xe chừng như chưa bao giờ nghe qua cái địa danh là lạ đó, phát cười:

-Ba Tiệm là ở đâu vậy ngoại, có gần Năm Căn không ?

Không kịp để ý câu hỏi lý lắc của anh phu xe, bà giải nghĩa thiệt tình:

-Vậy là chú chưa đi xuống miệt dưới phải không ? Để tui nói cho nghe nè. Năm Căn, Đầm Dơi, Cái Nước là ở tuốt dưới Cà Mau kia lặn. Chú muốn đi xuống dưới đó thì phải qua bắc Mỹ Thuận rồi theo ngã Vĩnh Long qua bắc Cần Thơ, đi Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Đó là tui nói mấy tỉnh dọc theo bờ sông Hậu. Còn Ba Tiệm là ở phía Châu Đốc. Cũng đi quốc lộ bốn tới bắc Mỹ Thuận, phải tẻ bên ngã Sa Đéc rồi qua bắc Vàm Cống để đến Long Xuyên. Từ Long Xuyên mình đi lên gặp Cái Dầu, Vĩnh Tre rồi mới tới Ba Tiệm...

Rồi không cần biết người phu xe có nghe được hay không, bà nói tiếp:

-Chú lên tới đó rồi phải hướng về Mỹ Đức chừng vài cây số nữa mới tới nhà tui. Miệt trên người ta thường trồng nhãn, trồng sầu. Vườn sầu của tui độ chừng ba công đất. Phải nhờ mấy đứa cháu nó tưới, chớ già rồi đâu có gánh nước nổi. Chú biết không, trồng sầu cực nhứt là cái vụ tưới...

Nói tới đây cảm thấy hình như chú phu xe không còn để ý đến câu chuyện, bà bèn ngưng ngang. Nhưng cái ảnh hưởng của câu nói còn gợi cho bà liên tưởng tới hình ảnh những ngày mới lớn sống bên vườn sầu lá vàng rục rờ. Thưở đó bà phụ với cha mẹ, tưới nước, vô phân, hái lá, đem bán ngoài chợ hoặc đem bỏ mỗi cho bạn hàng ở tỉnh. Công việc đều đặn theo tháng năm cho đến ngày gặp ông Sáu. Bất chợt anh phu xe đâm hỏi ngang xương:

-Vậy chớ ông ngoại già gánh nước hết nổi rồi hả ? Sao ông không phụ với ngoại ?

Nghe hỏi tới chông bà sung sướng hãnh diện mà khoe:

-Ông đâu có chịu ở nhà trồng sầu. Đi theo cụ Hồ từ thời tầm vong vạt nhọn. Cái thời Thanh Niên Tiên Phong á mà. Hồi xưa thì làm ruộng ở Nhơn Ái. Ba Tiệm là quê của tui. Còn nhà ông ở tuốt dưới miệt Ô Môn, Bình Thủy. Mà chú biết Ô Môn, Bình Thủy, Phong Điền, Phong Phú không ? Nhơn Ái thuộc quận Phong Điền, tỉnh Cần Thơ mà..

Nói tới đây bà nhớ tới cái thưở mới quen với ông Sáu. Đường đất từ Nhơn Ái tới Ba Tiệm nó xa xôi, diệu viễn. Phải qua biết bao nhiêu khúc sông, vượt biết bao nhiêu dặm đường. Vậy mà hai người vẫn gặp gỡ nhau được mà thành chồng vợ. Như có bàn tay của ông trời sắp đặt vậy. Lúc đó có một đám cưới ở trong làng, cô sáu Đợi má phấn môi son, tay cầm bóp đầm đứng cạnh cô dâu. Bên đàn ông trai, anh Sáu nếp áo dài, khăn đóng, lượt lượt bụng mâm lễ vật đi sau lưng chú rể, mắt liếc liếc nhìn trộm bên nhà gái. Chợt bắt gặp cặp mắt đen bóng như hạt măng cầu của người con gái vườn sầu nhìn mình đăm đăm, tay chẹn anh đâm luống cuống. Cái tiệc cưới đông đảo, người người cười nói vang rân, vậy mà anh Sáu có thấy ai nữa đâu. Anh tìm mọi cách để làm quen nhưng không dám, đành im. Cuối cùng phải nhờ bác Tư Sửu làm mai mối.

Bây giờ bà nhớ tới những ngày mới quen nhau sau khi dặm hỏi mà còn tức cười. Cái kỷ niệm ngày xưa sao mà dễ thương quá. Một buổi sáng tháng chạp gần cuối năm, ông Sáu khệ nệ xách một xâu gà vịt cùng một bao gạo nanh chôn để đi Tết bên nhà gái. Bà đã đứng nép bên cột nhà để nhìn người chồng tương lai, lòng rộn ràng e ấp. Ông Sáu đã đứng khoanh tay nói với ba má bà những lời thăm hỏi, giọng ắp a ắp úng, mặt đỏ rần. Bà chợt tức cười, đâm bạo dạn, vọt miệng trêu chọc ông bằng một câu hát quen thuộc:

Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền

Anh thương em cho bạc cho tiền

Đừng cho lúa gạo, xóm giềng họ hay !

Ba má và ông cùng cười. Má bà đã rầy:

-Có gì mà con sợ người ta nói ra nói vô. Cậu Nếp bây giờ kể như là rể con trong gia đình mình

rồi mà !

Lúc đó bà cảm thấy mối tình của hai người êm ái như sóng lúa đêm trăng, dài rộng như sông Tiền sông Hậu, rực rỡ như rừng ô môi tới mùa nở hoa. Sang năm sau, tới ngày đám cưới, bà phải về quê chồng sống nghề ruộng rẫy. Tình thương hai vợ chồng trẻ thiết là chân thành những tưởng là êm vui cho tới ngày rặng long đầu bạc. Nhưng cái hạnh phúc con người tự nó vốn đã mỏng manh. Nói chi phải chịu thêm những biến cố của cuộc đời chi phối như một thứ định mệnh khắc nghiệt. Tự ngàn xưa, chiến tranh là một thử thách nhiều đau xót cho người đàn bà. Cái đêm từ giả để ra đi, ông Sáu đã cầm tay vợ dặn dò gởi gắm việc nhà, đồng thời hứa hẹn một ngày đoàn tụ rất gần. Ông nói những câu mà bà còn nhớ mang máng như vầy:

-Ngày hai vợ chồng mình gặp lại nhau phải là ngày đất nước độc lập thanh bình. Toàn dân phải được ấm no, an cư lạc nghiệp. Cái hạnh phúc cá nhân sao bằng cái hạnh phúc của tập thể, đồng bào...

-Sao em lo sợ quá! rủi thất bại thì sao ?

-Sao lại không thành công được. Có gì sơ sót nữa đâu. Con đường anh theo là đúng, người ta đã mở lối, mình chỉ có việc dẫn bước. Vợ chồng mình cùng đồng bào ngày nay như hành khách ngồi trong một chiếc xe, có được người tài xế đầy kinh nghiệm tài ba điều khiển. Cụ Hồ đã dẫn công lặn lội qua Tàu, qua Nga để học hỏi.. rồi về dẫn dắt toàn dân theo. Anh chỉ làm bổn phận của người trai trong thời loạn... Ngày về, hai vợ chồng mình sẽ gầy dựng lại căn nhà cũ, cày xới lại mảnh ruộng xưa, sống đời độc lập, tự do, sung túc, yên vui. Em ráng chờ, để anh yên lòng mà đi...

Chiếc xe vẫn lăn bánh đều đều, không mau không chậm. Phía sau giọng anh xích lô ồm ồm vang lên:

-Ngoại muốn đi tới đường nào ? Nói chuyện một hồi quên phứt rồi. Phan thanh Giản hay Trần Quốc Toản ?

-Trời đất ! Vầy này giờ chú chạy đi đâu ? Tui nói đi tới chỗ nhà mới của ông. Ở ngoài Bắc ông vừa về tới Sài Gòn, đường Mặt Má Hồng, nhà số một trăm. Chú coi chừng lộn đường đó. Trời xế chiều dữ rồi đa !

Anh xích lô lằm bằm:

-Cái đường gì kỳ cục vậy ! Mặt Má Hồng phải là đàn bà. Vầy là đường Bà Huyện Thanh Quan hay Hồ Xuân Hương gì đó phải không ngoại ?

-Thiết là khổ quá ! Vầy mà hỏi này chú nói đường xá Sài Gòn Chợ Lớn chú biết rành lắm. Tui có biết bà nào là bà nào đâu. Rủi lạc đường tối nay tui ngủ ở đâu ?

-Ngoại đừng có lo. Trước sau gì cũng tới nơi mà. Tên đường đàn bà mới sửa lại thì có đường Võ Thị Sáu nè, đường Lê Thị Hồng Gấm, Nguyễn Thị Minh Khai...

-Hồng phải mấy cái tên đó đâu. Ông viết trong thơ nói hồi xưa trước năm bốn mươi lăm, đường đó tên là Mặt Má Hồng, còn bây giờ thì tên gì... tên gì đó, ông cũng có viết rõ mà tui quên mất...

Anh phu xe cần nhằn:

-Thiết tình rắc rối quá ! Đòi bây giờ thì nói chuyện bây giờ, nói chi chuyện xưa. Muốn má hồng thì đánh phấn tô son lên, dễ quá mà ngoại. Ừ, ừ, còn một bà nữa, chắc là đúng rồi. Phải đường Mạc Thị Bưởi không ? Tên có chữ " thị " đúng là đàn bà rồi !

-Tui đâu có biết, chú liệu mà đi.

Chiếc xe vẫn lăn bánh. Từng con đường lần lượt qua. Chú xích lô nhìn từng tấm bảng chỉ đường trên cột mà quanh trái, rồi quẹo phải. Ánh nắng đã tắt từ lâu, đèn đường thì chưa bật sáng. Từng cơn gió thổi lùa vào trong khoang xe, bà Sáu nghe trên mặt mát rượi nhưng trong lòng thì nóng như lửa đốt. Chỉ còn một chút xíu nữa thôi là bà sẽ gặp lại chồng, nào ngờ gặp phải cái thằng phu xe ba trợn này. Bà nhắc chừng:

-Thôi chú không biết đường thì kiếm người nào biết mà hỏi. Chớ chú chạy hoài chạy hũy vậy



cũng không tới đâu.

-Ừ, ừ, ngoại nói có lý. Để hỏi lại cho chắc ăn. Chớ theo tui, nó là đường Mạc Thị Bưởi, làm sao trật được.

Miệng vừa nói, anh ta cho xe cặp vô lề từ từ. Có một người đi ngang dáng lằm lũi. Anh phu xe ngừng lại, lon ton tuột xuống cái yên, chạy lại níu tay người khách bộ hành, hỏi đường đi. Người kia ngỡ một hồi lâu, lấy tay chỉ chỗ ra dáng còn chừng xa lắm. Hai người quơ tay quơ churen ra dấu, chỉ chỗ lung tung. Bà thấy khi thì chỉ lên, khi thì chỉ xuống, bèn nhìn theo hướng ngón tay, đường nào cũng dài thậm thượt, ngang dọc như bàn cờ, không giống như dưới Ba Tiệm chút nào. Bà Sáu đành chịu thua, không biết đâu mà định hướng được. Chú xích lô trở lại xe, miệng láp đáp:

-Con đường gì kỳ cục quá. Theo ông đó thì còn phải đi xa lắm. Dọc theo đường này rồi quẹo qua tay mặt, lên một cái cầu, rồi đi thêm hai đường nữa mới tới.

Nói xong anh ta lấy hết sức đạp thiệt mạnh. Cái xe đi vùn vụt. Bà Sáu sợ quá, vịn chặt cái thanh sắt bên thành xe mà chịu trận. Trong bụng nghĩ cái thằng nhỏ này nó phát khủng rồi. Thiệt là xui xẻo, đến phút cuối cùng rồi mà sao còn rắc rối quá. Bà đâm lo và thắc mắc:

-Chú xích lô, chú xích lô, chạy chậm chậm lại. Chú chạy lẹ quá, rủi quanh cua nó lật úp hay xe hơi đụng chết hết bây giờ. Mà, mà ... chú làm nghề đạp xích lô này lâu chưa ? Sao tui thấy chú còn trẻ quá...

Chiếc xe từ từ giảm tốc lực, chạy chậm lại với nhịp độ bình thường, giọng người phu xe hỗn hển:

-Ồ! Ờ, ăn thua gì mà ngoại lo. Tui còn dám đua Honda ngoài xa lộ, sá gì chiếc xích lô đạp chậm rì này. Hồng dẫu gì ngoại, mới nghỉ học đạp xích lô chừng tuần này...

Nói xong anh ta rà thẳng lại, cho xe leo lên dốc cầu. Cái cầu này lai chia ra làm hai nhánh. Chiếc xe từ từ theo hướng tay mặt, ôm sát vòng quanh, rồi đi thẳng tới. Nhà cửa phố xá khu này trông xập xệ tiêu điều, thiếu vẻ khang trang ngoài đường lộ lớn ban nãy. Có nhiều nhà phơi quần áo xanh đỏ phát phơ trước cửa. Dưới sân là những đồng xác mía được cào ra bốn phía để phơi cho mau khô. Có nhà bày củi sắp lớp ở ngoài sân, những cây củi đước nhỏ bằng ngón tay cái, được lột vỏ, thịt cây màu trắng đỏ đỏ. Có nhà làm nghề dệt chiếu, từng bó lát dài chừng hai thước được nhuộm phẩm xanh đỏ tím vàng, treo dọc theo hàng hiên trước cửa. Chừng đã thấm mệt, chiếc xe chậm lại rồi ngừng hẳn. Anh phu xe tay quẹt mồ hôi trên trán, miệng đòi tiền:

-Tới rồi ngoại. Ở đây nè ! Đường này là đường Mặt Má Hồng.

Bà Sáu nghe nói mừng quá, dậm bước xuống, nhưng nhớ lại trong thơ chồng đã tả về căn nhà mới. Đó là một căn biệt thự có lầu cao ba tầng, có trồng hoa kiểng. Trước nhà có cổng xây bằng đá hoa cương, bên trong toàn là cửa kiểng, đường trải sỏi trắng. Còn ở đây nhà cửa lụp xụp, mặt lộ đầy ổ hang, bụi bặm, rải rác đây đó có nhiều bãi phân bò, phân heo.

-Thiệt đúng là đường Mặt Má Hồng không đó chú ?

-Thiệt mà ngoại. Nói láo gạt ngoại làm chi. Tính ngoại mười đồng thôi. Đường xa quá, đáng lẽ phải đòi thêm...

Nói xong anh ta hỏi bà Sáu bước xuống, nắm con vịt quăng trên lề đường, lấy tiền nhét lẹ vô trong túi áo, rồi đạp xe đi thẳng. Bà Sáu bước vô lề, tay xách giỏ ny-lông, tay nắm lấy con vịt, mặt ngờ ngác loay hoay không biết phải làm sao nữa. May quá, có một người đứng tuổi đi ngang, dáng hiểu biết. Bà níu tay lại hỏi thăm đường. Người khách lạ, nghe xong trợn mắt nhìn sững bà từ đầu tới churen, rồi mới nói:

-Bà đi lầm đường rồi. Cái đường bà hỏi đó lúc trước nó là đường Công Lý, nối liền với đường Cách Mạng Một Tháng Mười Một. Bây giờ nhà nước sửa lại là Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Nó ở tận bên Sài gòn lận. Còn đường này là đường Hưng Phú thuộc quận mười. Chỗ này kêu là khu Chánh Hưng, bà không thấy cái lò heo lớn ở đằng kia sao ?

Rồi ông ta lấy tay chỉ chỉ về phía trước mặt. Bà Sáu nhìn theo hướng chỉ, thấy nhà cửa phố xá chập choạng, bụng rối như tơ vò:

-Trời ơi, vậy sao ? Cái thằng xích lô trời đánh thánh vật. Cái thân nó đã không biết đường mà còn hứa ầu, lãnh đưa người ta đi. Rồi biết chừng nào mới gặp được chồng tui !

Bà để con vịt xuống than thở:

-Thiệt là khổ quá chừng. Khi không đưa vô công- xi heo để làm chi vậy nè trời !

Ông khách dợm bước đi nhưng còn rán an ủi:

-Trời cũng đã hơi khuya. cũng may có một mình bà đi lạc cũng để tìm đường ra... Thôi, rán mà tìm người tài xế khác lương thiện, tử tế hơn. Trước sau gì cũng tới mà, chỉ trễ nải một chút...

(trích trong tập Kể Đưa Đường, xuất bản 1986)

## Một thời để yêu

Năm vừa ra trường, Hưng được đổi về dạy ở trường trung học Hoàng Diệu, thuộc tỉnh Ba Xuyên. Cái vùng đất cuối cùng của đồng bằng miền Nam, lầy lội ẩm ướt vào mùa mưa, bụi cát nóng bức vào mùa nắng. Miền Hậu Giang do phù sa mới tạo thành, nền đất thịt không được vững chắc như các tỉnh miền Đông. Đường sá rất mau hư, chỉ cần trải qua một mùa mưa là phải tu bổ lại.

Trường cách chợ vài con đường nhỏ. Phía bên kia là ruộng nước đầy cóc nhái, ếch ương, đêm đêm kêu vang đầy đồng, nghe buồn não ruột. Con đường Mạc Đĩnh Chi chạy ngang trước cổng trường được tráng nhựa từ những năm trước, bây giờ còn tro lại mặt đường đá xanh lồi lõm với những ổ gà đầy sinh nước. Trong sân trường thì tệ hơn nữa vì đất thấp hơn mặt lộ. Tuy nhà trường đã hết sức sửa sang, bồi đắp nhưng chỉ vài cơn mưa là bùn lầy phủ ngập lối đi. Cỏ ống xung quanh sân, mọc cao tới ngực. Các đường mương thoát nước ra ruộng sau hè, nhiều khi tụi học trò mò bắt được cá rô, cá lóc, cá sặc. Các giàn bông giấy lá mọc xanh rì, nhánh đâm tua tủa, chú lao công người Miền phải vất vả dùng rựa mé nhánh hoài nhưng đâu cũng vào đó.

Ngày mới đến trình diện ông Hiệu Trường để nhận việc, Hưng nhìn cái cái sân đầy cỏ xanh với mười sáu gốc còng to cỡ hai người ôm, tàn lá rậm rạp âm u mà buồn cho cái thân phận "Tâm Dương đất trích, gỏi sầu hôm mai" Năm đó Hưng mới có hai mươi ba, đen thui, ốm nhom nên cao nhòng. Ông Hiệu Trường thấy vẻ thất vọng của người thầy giáo mới lớn nên vỗ về an ủi:

-Đất này coi vậy chớ đi dễ khó về. Ở lâu thấy nó dễ thương lắm. Nội con đường Nhị Trưng có hai cái cầu Bon với cầu Quay là đi hoài cũng không hết. Nói chi tới Phú Tâm, Bãi Xàu, Kế Sách...

Hưng tức cười trong bụng. Ông già này tính dụ dỗ mình đây. Ở lâu thấy nó dễ thương! Trời đất! Phải ở đây thiệt lâu thì mới thấy... Vậy thì mình phải trụ trì ở cái trường Hoàng Diệu này bao nhiêu năm nữa mới được đổi về quê nhà ?

Thiệt ra thì Sóc Trăng đâu có buồn như Hưng tưởng. Cái thị xã Khánh Hưng ồn ào, náo nhiệt suốt ngày đêm. Người buôn kẻ bán tấp nập, xe cộ, ghe thuyền rộn rịp lưu thông, tạo nên một sinh hoạt trù phú ở miền ruộng đất cò bay thẳng cánh. Trên lề đường quanh chợ, người ta bày bán từng giỏ cần xé to, nào nhãn, táo, ổi. Những trái nhãn hái từ vườn ở Vĩnh Châu, hột đen nhánh, cơm dày, mùi thơm nức mũi. Những trái táo lớn cỡ bằng ngón tay màu xanh xanh vàng vàng, ăn cái vị chua chua, giòn ngọt. Những buổi trời mây âm u, đêm nhớ nhà, Hưng buồn buồn, ngồi ăn táo chấm với muối ớt một hơi gần hết cả kí lô, vậy mà cũng chưa muốn thôi...

Rồi đến những ngày tựu trường, nhìn những gương mặt sáng sủa, yêu đời của đám học trò mà vui lây. Những giọng nói líu lo, những tiếng cười đùa không dứt. Tuổi trẻ hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng quá. Hưng hoà mình trong niềm vui đó, quên mất tháng năm. Thành phố Sài Gòn với những công viên đầy lá me bay, lui dần vào quên lãng. Cho đến mùa mưa thứ ba Sóc Trăng thì một tình cờ chợt đến. Cái tình cờ không đợi nhưng nó vẫn xảy ra.

Buổi sáng sớm đó đã gần bảy giờ, Hưng dùng xong điểm tâm, ăn mặc chỉnh tề, sửa soạn đến lớp. Chàng ra đứng trước cửa nhà, ngó qua bên trường, để đợi tiếng keng. Nhà trọ ở ngay trước cổng chánh của trường, bên này đường. Trời đã dứt cơn mưa từ lâu, nhưng đường sá còn ướt sũng. Bất ngờ có tiếng con gái, ồn ào bên tai:

-Thưa thầy cho tụi em xin vào trong rửa chũn. Đường trơn, đứa nào cũng bị lọt xuống sình! Hưng quay lại thì thấy không phải là học trò lớp mình. Cô nào cô nấy đều lạ, những chiếc nón lá nghiêng vành, che khuất vài ba khuôn mặt, chàng nhìn không rõ. Những tà áo dài trắng điểm lấm tấm vệt bùn xam xám. Chắc là tụi A1 của thầy Định.

Hưng để cặp sách trên ngạch cửa, dẫn cả đám vào sàn nước bên hông nhà. Sân rộng, hồ nước thật lớn. Các cô vội vã đưa chũn vào vòi nước để rửa những vết dơ lấm lem bùn đất. Cho tới cô cuối cùng, Hưng vô tình nhìn kỹ hơn. Cô ta có bàn chũn nhỏ gọn xinh xắn, các ngón tròn trịa, đều đặn. Đặc biệt là gót chũn đỏ hồng. Màu đỏ như son mịn. Trong đời Hưng đã thấy nhiều người đẹp nhưng chưa bao giờ để ý tới bàn chũn một người con gái. Lần đầu tiên chàng ngất ngây trước một bàn chũn đẹp. Chùng như cảm giác có gì kỳ lạ, cô học trò quay lại nhìn thì bắt gặp ánh mắt đăm đăm của ông thầy giáo trẻ. Cô gái cuống quýt, bỏ vôi lai quần xuống, xô đôi chũn hồng vô đôi guót sơn, kéo chiếc nón lá che nghiêng cặp mắt tròn vo, đen bóng như sơn mài. Có tiếng thúc giục:

-Lẹ lên nhen, tới giờ rồi kìa !

Cả đám quay lại, cúi đầu chào Hưng, rồi kéo nhau, tuôn ra cửa, tiếng líu lo cười nói như chim. Đường sá còn đầy sình. Những bàn chũn vừa được rửa sạch, rón rén bước những bước cẩn thận trên những cục đá nhô cao. Hưng đi theo phía sau cô học trò có cái gót chũn đỏ hồng với làn da mịn mà nghe lòng xao xuyến như lần đầu tiên được cầm bàn tay run rẩy của người con gái lạ. Ôi! cái niềm vui mong manh, đơn giản nhưng trong sáng làm sao!

Từ đó, vào những buổi sáng, Hưng mong cho trời mưa để đường lầy lội. Dầu Hưng mong hay không, trời vẫn cứ mưa. Có những buổi trời mưa thật lớn, rồi cũng có những buổi trời mưa lất phất. Con đường Mạc Đĩnh Chi ngang cổng trường, bùn sình ngập tới mắt cá. Hồ nước của nhà trọ đầy tràn. Vậy mà không có người ghé xin nước, để rửa chũn !

Mãi cho đến mấy tháng sau, thầy Định được đổi về Sài Gòn. Hưng được giao thêm Đề Nhị A1. Ngày đầu tiên bước vào lớp, chàng bắt gặp ngay được cặp mắt to, đen như hạt nhãn của người rửa chũn ngày nào, ngó chàng đăm đăm. Lật sổ ra điểm danh thì cô bé tên Trần Thị Hạnh. Hỏi thêm, thì biết nhà ở đường Nhị Trưng. Ông Hiệu Trưởng quả là một nhà tiên tri đại tài. Ba năm trước nói một câu băng quơ -nội cái con đường Nhị Trưng, đi hoài cũng không hết. Bây giờ lời đó ứng nghiệm rõ ràng.

Có những đêm thức soạn bài tới khuya, Hưng không thấy mệt mỏi chút nào. Những bài giảng phong phú và lưu loát , nói chung cho cả lớp nhưng mà như cho riêng ai nghe. Có cái gì riêng tư không biết nữa, nó ràng buộc tâm tình chàng với cái hồn nhiên ngây thơ của cô học trò mới lớn. Làm sao Hưng quên được hình ảnh dễ thương của nàng mỗi lần đến thăm gia đình. Ba Hạnh tánh hăng say hoạt động, tuổi già nhưng còn rất trẻ trung. Ông giúp đỡ nhà trường rất nhiều và đã đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Phụ Huynh Học Sinh liên tiếp trong nhiều niên khoá.

Có lần đến nhà, Hạnh rót nước để mời chàng, giọng êm ái trong veo như gió thoảng. Bộ ghé ở

phòng khách thì thấp, nàng phải quì xuống để đặt khay trà lên trên bàn, mái tóc ngắn ôm sát lấy khuôn mặt tròn xinh xinh. Cả người đầy nét thùy mị, dịu dàng, y như những cô gái Nhựt Bản trong tranh.

-Ngày Chúa Nhựt mà thầy không đi chơi đâu sao ?

-Thì tôi lại thăm ông bà Hội Trưởng nè, được em cho uống nước trà ngon, cần gì phải đi đâu xa xôi chi cho mất công.

Ba Hạnh nói tiếp:

-Ông giáo sư còn trẻ mà lại học giỏi, chịu khó. Con Hạnh về thường cứ nhắc hoài những bài giảng trong lớp...

Hưng nghe khoan khoái trong bụng nhưng không biết nên trả lời ra sao:

-Dạ, tôi cũng dạy y như hồi học được ở Sư Phạm. Chắc là nhờ lớp Hạnh, học trò giỏi nhiều hơn lớp khác.

Má Hạnh xen vô:

-Ông giáo sư nói vậy chớ, chắc con Hạnh học không giỏi đâu. Tôi thấy nó về nhà đọc tiểu thuyết không hà !

Hạnh mỉm cười nhìn Hưng:

-Tại thầy biểu đó, chớ con đâu có ham tiểu thuyết. Hồi trước con thích đọc thơ... Thầy Hưng dạy văn chương mà viết văn làm thơ thì chắc hay lắm !

Hưng nghe xong, cười ngất, quơ hay:

-Nghĩ như vậy là sai rồi, cô ơi ! Thầy giáo dạy văn chương mà nói chuyện về thơ văn thì cũng như các ông thợ mộc... thợ hồ... bàn về mỹ thuật...

Hạnh tròn mắt, nhìn thầy, ngạc nhiên.

-Tôi nói thiệt mà, không phải giỡn đâu. Ở Sư Phạm hoặc Văn Khoa, tụi tôi chỉ được học cách phân tích, phê bình để giảng dạy một bài thơ hoặc một bài văn cho học trò lớp nhỏ, tạm tạm cho người chưa biết, hiểu được chút ít thôi. Nếu có cái gọi là kỹ thuật viết văn hay làm thơ mà dạy và học được, thì ai cũng thành văn sĩ hay thi sĩ hết rồi. Mà Hạnh thấy đó, người viết văn làm thơ thì nhiều mà thành danh đâu có được bao nhiêu. Đâu phải hễ in được một hay hai cuốn thơ là được người đời kêu bằng thi sĩ. Cũng vậy, đối với các giới khác, đâu phải bác sĩ là đều phát minh ra được thuốc trị bệnh, kỹ sư là chế ra được xe hơi, máy bay. Cái tài năng nghệ thuật đó, không phải do sự học... mà do thiên phú. Phải trời cho mới được !

Hạnh le lưỡi, làm ra vẻ sợ hãi.

Hưng tiếp:

-Hạnh có nghe tôi kể lần nào, câu chuyện người thợ làm bánh xe của Trang Tử trong Nam Hoa Kinh chưa ?

-Dạ chưa, thầy kể cho em nghe đi !

-Lâu quá rồi, tôi quên mất tên ông vua nhưng đại khái câu chuyện như vậy. Đời xưa, có ông vua nhân lúc thanh nhàn, ngồi đọc sách, dáng điệu nghiêm trang, kính cẩn. Ở dưới thềm có người thợ làm bánh xe đương đục đẽo còm cộp. Người thợ vừa làm việc vừa ngó ông vua. Thấy ông này đọc sách say mê, bèn bỏ bào, bỏ đục, bước lên thềm, vòng tay hỏi:

-Muôn tâu bệ hạ, xin cho thần được hỏi, bệ hạ đọc những gì trong đó ?

Nhà vua trả lời:

-Ta đọc những lời vàng ngọc của thánh hiền.

Ông thợ nhếch mép:

-Muôn tâu, xin bệ hạ thứ lỗi cho hạ thần. Hạ thần nghĩ là bệ hạ đọc những căn bản của thánh hiền mà thôi.

Nhà vua tròn mắt, nhìn sững ông già.

-Muôn tâu bệ hạ, thần dám liều gan nói như vậy vì có chút ít kinh nghiệm về việc này. Thần không dám nói đến việc kinh sách, thơ văn cao xa. Hạ thần chỉ dám nói về việc đóng bánh xe gia truyền của dòng họ nhà hạ thần thôi. Như muốn gắn cái niền sắt vô bánh xe bằng cây, thì phải cầm cây búa mà gõ từ từ. Nếu gõ nhẹ tay thì làm sao cái niền nó ôm sát được vô cái bánh. Nếu gõ mạnh tay thì bánh xe bằng cây bị nứt bể. Phải làm sao đập từng nhát búa đều

đạn, nhịp nhàng khi mạnh khi yếu, khi mau khi chậm, để cái vòng sắt ôm chặt lấy cái khung bánh. Khi đã đầu vào đó rồi thì bánh xe dùng cả chục năm cũng không hư...

Đó chỉ là cái nghề nhỏ mọn, mà từ đời ông nội hạ thần muốn truyền lại cho cha hạ thần, rồi cha hạ thần muốn truyền lại cho hạ thần, cũng không thể viết ra sách được, cũng không thể nói bằng lời được. Lúc nhỏ thần muốn học, phải ngồi mà coi cái ý, theo dõi cái tình, rồi lấy cái tâm mà lãnh hội. Phải mất một thời gian lâu dài mới được như ngày nay. Nghề đóng bánh xe còn vậy, nói chi đến kinh sách, thơ văn. Làm sao mà nói được bằng lời, ghi lại bằng chữ những ý đẹp, tình cao. Cho nên hạ thần dám nói, cái mà bệ hạ đọc trong kinh sách, những cái đó chỉ là cặn bã mà thôi.

Hưng uống một hớp nước, rồi nói tiếp:

- Câu chuyện được đặt ra để chứng minh rằng, lời không nói hết được ý, ý không nói hết được tình. Mà chuyện viết văn, làm thơ là chuyện của ý với tình, làm sao cái ngôn ngữ, văn tự, của một ông thầy giáo, dầu là thầy dạy văn chương đạt tới được !

Hạnh nghe xong cười cười, nhìn chàng thật lâu, rồi nói chậm rãi:

-Thầy nói vậy thì em nghe vậy ! Để rồi em bắt chước Xuân Diệu, Huy Cận làm thơ cho thầy coi.

Hưng nhìn lại Hạnh, thương thương cái tánh bướng bỉnh:

-Cô học trò thi sĩ của tôi ơi ! Nghệ thuật là sự sáng tạo, chứ không phải bắt chước. Nếu bắt chước thì không còn là nghệ thuật nữa. Thí dụ như một ngày nào đó, có một cô bé đi học, gặp bữa trời mưa ướt át, chận dính đầy sinh bùn, đứng nghiêng mình bên hồ nước, kéo cái lai quần lên để rửa chận. Gót chận đỏ như son mịn, dáng vẻ thật là duyên dáng, dễ thương, ai nhìn thấy cũng yêu cũng mến. Có cô nàng nào đó, ô dề kịch cợt, thấy vậy bắt chước cũng uốn éo làm duyên, làm dáng, dậm chận cho dính đầy bùn đất rồi dội hết cả hồ nước. Tôi nghĩ anh chàng nào mà thấy, chắc phải bỏ chạy cho thiệt xa...

Cô bé chớp mắt:

-Thầy nói thiệt hả ! Em không tin có người nào mới nhìn một cái gót chận người lạ, mà thương liền !

Ba Hạnh ngồi im lặng nãy giờ, không hiểu nội dung câu chuyện bóng gió xa xôi của Hưng, xen vô góp lời:

-Con còn nhỏ, chưa biết hết đâu. Đời thiếu gì những điều kỳ lạ mà mình chưa biết. Như nàng My Nương, chỉ nghe tiếng sáo của Trương Chi, mà bình tương tự liệt giường liệt chiếu. Cái ông hoàng tử trong chuyện Tấm Cám, chỉ mới nhìn thấy có một chiếc giày mà đã chết mê chết mệt. Nói gì nhìn cả một gót chận. Thầy Hưng nói phải đó !

Má Hạnh nhìn con gái triu mến:

-Hồi nãy giờ cha con, thầy trò đối đáp, tôi không hiểu gì hết trơn !

Cả bốn cùng cười vang. Hạnh ôm lấy vai mẹ, nũng nịu:

-Con định làm thi sĩ mà thầy Hưng chưa gì hết, đã chê !

Khi từ giã ra về, Hưng đi sát bên Hạnh, vẻ nghiêm trang:

-Nói chơi cho vui chứ tôi vẫn mong được những bài thơ của Hạnh.

Hạnh nhìn qua chàng:

-Thầy không sợ những bài thơ của em làm dờ tệ sao !

Hưng nhìn thật sâu trong mắt nàng:

-Thơ của em bài nào cũng hay hết.

Rồi nhìn ông bà Hội Trưởng còn ở phía sau, lấy hết can đảm, Hưng nói trong hơi thở:

-Riêng em, đã là một bài thơ...

Nói xong, Hưng thấy tự nhiên tay chận luống cuống, mặt đỏ bừng bừng, tim đập thành thịch. Chàng đi một mạch ra cửa, không dám ngoái ngoái lại. Lúc đó, Hạnh đứng tựa vào cánh cửa cây, đưa tay chận lấy ngực, mặt mày xám xanh.

Buổi đó cũng là lần cuối cùng Hưng đến nhà nàng. Vài tuần sau, vì một lý do hành chánh đặc biệt, Hưng bị đổi về Bình Dương, một tỉnh nhỏ của miền đông nhiều đồi dốc. Tuy trường mới

đẹp hơn, lớn hơn trường xưa, nhưng làm sao nó có thể so sánh được với Hoàng Diệu bùn sinh trơn trượt. Làm sao có được những ngày mưa ướt át, để đón đưa người mình yêu đến cổng trường có giàn bông giấy.

Một hôm đang ở phòng họp giáo sư, Hưng nhận được một bức thư gửi từ Ba Xuyên xa xôi, thơ của Hạnh. Mừng quá, chàng mở phong thơ màu xanh lơ mà run tay. Những dòng chữ tròn trịa, đầy đặn được viết trên tờ giấy xanh mông những lời thăm hỏi chân tình của người học trò cũ. Lật qua trang sau, Hưng thấy nguyên một bài thơ trường thiên tám chữ. Hưng đọc từng câu, cảm từng lời. Cho tới hai câu cuối, Hưng nghe choáng váng, tim như muốn ngừng đập. Hai câu đó như vậy:

Thầy vẫn dạy bài Việt Văn năm cũ,  
Như ngày xưa, riêng đôi mắt em nghe.

Trời ơi ! quả thật vậy sao ? Hưng đứng lặng hàng giờ để nghe niềm cảm xúc lâng lâng, thấm từng tế bào tim phổi. Ít ra, trong đời dạy học, có được một người nghe chàng giảng dạy bằng cả một tấm lòng tin yêu, cũng là quá đủ !

ooo

Chiếc xe buýt từ từ đậu sát bên lề đường rồi ngừng hẳn. Hưng vịn tay vào thanh sắt lạnh ngắt, chùn dò dẫm từng bước để xuống. Từ nhà ra đến chợ, phải mất hơn bốn mươi lăm phút để đi xe. Trời bây giờ, ở đang vào mùa đông nên lạnh giá. Tuyết rơi khắp nơi. Cả thành phố như bị bao phủ bằng một lớp bột thạch cao dày, trắng xoá. Hàng cây thẳng tắp ven đường bị đông lạnh co ro, đưa lên trời những cành khô, khẳng kheo, trơ trụi. Từng cơn gió lạnh thổi tạt ngang, đưa những hạt tuyết xôm xốp như bông gòn bay rào rào, trên đầu trên mặt. Hưng nghe lạnh buốt như có con dao bén cứa vào da thịt. Bộ áo khoác và đôi giày, xin được ở nhà thờ hơi mỏng và quá cũ không đủ ấm. Tuần lương tới phải rán tiền tận để mua bộ khác dày hơn. Ở xứ này có lẽ nhịn ăn thì được nhưng nhịn mặc thì không xong rồi.

Đây là mùa đông đầu tiên Hưng phải chịu đựng ở cái thành phố đầy tuyết trắng. Gần hơn một năm trời chờ đợi mòn mỏi ở ngoài đảo, chàng được phái đoàn Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cho đi định cư đến đây. Một nơi lạ hoắc, chưa bao giờ chàng nghĩ tới. Cái thân trôi nổi, ừ thì thôi, đâu cũng là nhà. Chàng chấp nhận, không so bì, đắn đo. Đi đâu cũng được, miễn là khỏi phải sống một cuộc đời cực nhọc, khổ sở, dưới bàn tay sắt máu, của bọn người vô tâm.

Đường đến tiệm rất gần. Tới nơi, Hưng cởi chiếc bao tay bằng len đỏ, đã có một lỗ lủng nhỏ ở đầu ngón, đẩy cửa kiếng để bước vào trong thương xá Việt Nam. Mỗi tuần chàng đến đây để mua một số thực phẩm cần dùng. Hưng đưa tay phủi bụi tuyết bám trên tóc trên mặt, giữ sơ qua những hạt còn bám trên áo khoác. Tóc tai rối bù, ướt đẫm. Nhìn xuống đôi giày cao cổ, nó thê lương làm sao ! Tuyết nhào quện với bùn đất biến thành bùn sinh, bám vào đế giày nhoe nhoe. Đôi giày quá cũ, nước thấm ướt hết cả vớ. Các ngón chùn nghe lạnh ngắt.

Hưng đi thẳng vào trong, mắt nhìn lên các kệ thực phẩm để chọn lựa các thứ cần dùng. Rải rác đây đó, người mua chùng đã khá đông. Tiếng cười, tiếng nói ồn ào, tạo thành một thứ sinh khí Việt Nam. Ở xứ lạ quê người, được nghe và nói tiếng mẹ đẻ là một điều sung sướng. Cần gì câu chuyện hay hay dở, người lạ hay quen...

-Chèng ơi, ở đây mà cũng có trâu cau nữa... Có luôn xác giấy nè.

Có giọng nói của người trẻ hơn:

-Hôm trước có bán măng cụt với chôm chôm. Để ở chỗ này ! Mắc quá, thấy thèm, mà không đủ tiền mua.

-Mày lại hỏi bà chủ tiệm, coi bài tứ sắc để ở đâu, tao nghe nói tiệm này có bán, liệu mua năm bảy bộ để dành. Tết này rủ mấy bà Gò Công qua đậu chén cho vui.

Hưng đi lần ra phía ngoài. Có mùi sơn phấn nực mũi. Một bà vừa trạc năm mươi, đứng với một

thanh niên mặt mày sáng sủa, cả hai ăn mặc sang trọng. Bà ta đứng trả tiền ở quầy hàng nói với bà chủ tiệm, giọng oang oang, từ xa, ai cũng nghe thấy:

-Ở đây, khoẻ quá hở bà chị ! Có tiền là có đủ thứ. Chỉ cần nhắc cái điện thoại lên là có đồ ăn đem ngay tới miệng...

Giọng bà chủ tiệm, ôn tồn:

-Dạ, dạ, chỉ có điều trời lạnh quá. Tôi chịu hồng thấu. Phải chi kha khá một chút, dọn qua Mỹ ở ấm áp hơn...

-Ôi ! Hơi đâu mà bà chị lo. Trời nóng thì có máy lạnh, mùa đông thì có lò sưởi. Ra đường mình có áo lông.

Rồi giọng bà kéo dài ra:

-Mấy thứ đó... đâu có bao nhiêu tiền ! Tôi suy nghĩ kỹ rồi, cũng nhờ có mấy ông Việt Cộng nên mới được qua đây, sống sung sướng như vậy.

Có vài người khách đứng gần, ngước mắt lên nhìn. Người thanh niên có vẻ học thức, nắm lấy tay bà:

-Sao mẹ nói vậy, mình bỏ nước ra đi là tại mấy thằng Việt cộng. Làm sao sung sướng bằng ở bên Sài Gòn, quê hương làng nước...

Rồi như để che bớt cái sơ hở của mẹ, anh ta nói tiếp:

-Xứ Canada này, việc ít người nhiều. Kiếm được đồng lương cũng đỡ mồ hôi...

Bà chủ tiệm ngó người thanh niên cười cười. Bà khách kia quay qua con, mắng yêu:

-Ôi dào, kiếm việc vất vả là mấy người thợ thuyền làm ở hãng xưởng, chứ học cao tới kỹ sư như con thì thiếu gì mấy cái công ty lớn mời, tha hồ mà chọn.

Hưng nghe hai mẹ con đối đáp, khoái chí, bèn làm bộ lựa những món hàng gần đó, để nghe thêm cho dễ. Nào ngờ, hai người đã trả tiền xong, đi mất. Chàng đăm buồn buồn, tính trong bụng định ra về. Ngước mắt lên kệ cao, Hưng với tay lấy một thùng mì gói. Với thùng mì này Hưng có thể để dành, ăn được cả tháng, khỏi mất công mua lật vặt, vừa tiện việc khỏi phải nấu nướng lồi thối, vừa rẻ, vừa đỡ tốn tiền. Phía sau lưng có tiếng nói ấm áp của một thanh niên cất lên:

-Hay là em mua cho ba trà Ô Long uống thử coi. Anh thấy bác Tư thích loại nhãn xanh lợt này lắm nè. Trà Thiết Quan Âm kiếm không ra.

-Thôi, anh chịu khó đưa em qua phố Tàu, ở bên thế nào cũng có. Tánh ba thích uống trà ngon, ăn sao thì cũng được. Hồi còn ở Sóc Trăng có tiệm Quảng Trân, bán trà nổi danh. Kế bên nhà...

Hưng đương nắm lấy góc thùng mì, nghe giọng nói êm ái của người thiếu nữ, thấy quen quen. Cái giọng nói nhẹ như gió thoảng nhưng âm thanh rõ ràng đó đã nhiều lần nghe qua, làm sao làm lẫn được. Chàng khựng lại cho đến khi nghe được hai tiếng Sóc Trăng, thì bỗng hẫng thùng mì trở lại trên kệ, quay lưng lại mà nhìn. Người con gái đứng trước mặt Hưng, quả thật là Hạnh. Không thể là ai khác hơn. Hạnh ngày xưa, bằng xương bằng thịt rõ ràng.

Hạnh mở to mắt:

-Thầy..thầy qua được đây bao lâu ? Sao em không hay biết gì hết ?

Hưng còn đang choáng váng vì cuộc hội ngộ bất ngờ, chưa kịp trả lời thì Hạnh giới thiệu người thanh niên đứng kế bên, giọng hơi ngập ngừng, luống cuống:

-Còn đây là anh Lâm...anh Lâm.

Hưng bắt tay người thanh niên, miệng mỉm cười thay câu chào hỏi. Lâm có vàng trán rộng, đôi mắt thật sáng, cái mũi đẹp, khá cao và thẳng tắp. Lâm thăm hỏi chàng qua hàm răng trắng bóng, đều đặn:

-Thầy đi chợ có thường không ? Tôi với Hạnh tháng nào cũng đến đây một vài lần, vậy mà không được gặp! Ngày xưa Hạnh có được học với thầy ?

Hưng nhớ tới hình dáng tiêu tụy của mình. Khi này bắt tay, cái bàn tay của Lâm mềm mại, ấm áp làm sao. Hưng cảm thấy làn da tay mình sần sùi, thô kệch, bữa nay sao nó dày hơn bình thường.

-Ờ, ờ, tôi mới qua tới, chưa được bao lâu.

Hưng nhìn sang Hạnh. Nàng vẫn dịu dàng, xinh xắn. Trang điểm thêm một chút phấn hồng trên má, một chút son đỏ lợt trên môi, chiếc khăn len quấn hờ lên cổ, trông nàng đẹp đẽ hơn bội phần, quý phái hơn bội phần.

Bất giác Hưng đưa tay sờ lên cằm. Sáng nay trời lạnh quá, lo sửa soạn đi gấp nên quên mất việc cạo râu, râu cằm đâm tua tủa, rờ nham nháp. Tay Hưng lần lên, đụng phải cái gò má. Cái gò má thiếu thịt, xương lưỡng quyền nhô cao, kết quả của những ngày tháng lao động vinh quang. Năm năm bị đày đọa ác nghiệt ở quê nhà. Một năm trời thiếu thốn chờ đợi héo mòn ở đảo xa, tổng cộng tất cả là sáu năm. Sáu năm làm than, khổn khổ. Thời gian quá dài đủ để choán đầy hết những mùa xuân cuộc đời. Như nụ bông chỉ cần vài giờ có nắng ấm để phô sắc hương, thời gian đó đã bị một đám mây xám, âm u giăng kín. Hưng tự hỏi không biết bây giờ mình còn chút xíu phong độ nào của một ông giáo sư trẻ ngày xưa ?

-Cuộc biến động lớn lao quá. Tôi không biết gì nhiều ở Sóc Trăng.

-Dạ, ba má với em đi từ năm bảy mươi lăm. Đọc báo, nghe tin tức, thấy đất nước tang thương, đổ nát. Ba má em cứ nhắc thầy hoài, hỏi thăm mà không ai biết.

Hưng nghe xót xa. Ông bà Hội Trường thường nhắc đến chàng. Hạnh ơi, có bao giờ em nhắc tới tôi, một lần không? Hưng thấy tay chẹn mình đâm thừa thãi. Chàng nhìn Hạnh rồi nhìn Lâm. Cả hai đứng bên nhau, tươi mát, yêu đời. Còn chàng, từ ngày đất nước đổi thay, như con cá dạt dờ ngoài sông lớn. Cá nước ngọt bị đem bỏ ra biển, gặp nước mặn đã ngất ngư, còn bị sóng dập gió dồi, chịu sao cho thấu. Cái sức sống mới vừa vươn lên sắp đâm chồi nảy lộc, bắt ngờ một cơn phong ba, bão táp đổ ập đến, khiến Hưng như người đau mới mạnh. Tuy đã vượt thoát đền phần đất tự do, chắc phải cần một thời gian khá dài để phục hồi sinh lực cũ.

Sáng nay vô tình gặp Hạnh. Hình ảnh cô bé học trò dễ thương đã trên sáu bảy năm nằm lẳng im trong lớp kỷ niệm thật sâu, thật dày, được khơi bùng dậy. Hưng nhìn thật sâu trong mắt nàng để tưởng rằng mình vẫn còn được trẻ trung như xưa. Cái thời mà mỗi buổi sáng đứng trước kiếng hàng giờ để chải cái đầu, lựa từng cái áo, cái quần, đôi giày, đôi vớ... Những giờ đến lớp với niềm tin trong mắt, với nụ cười trên môi. Những buổi trưa hẹn hò, bước chầm xôn xao trên hè phố. Cái thời mà dòng máu yêu đời luân lưu trong huyết quản, bàn tay tưởng có thể ôm gọn được tương lai.

Thấy Hưng nhìn mình đăm đăm, Hạnh bối rối cúi đầu, mắt nhìn xuống mũi giày, một tay ôm chặt lấy Lâm. Hồi lâu, nàng mới hỏi qua nụ cười gượng gạo:

-Hồi này tới giờ gặp thầy mừng quá, quên mất hỏi thăm, chắc thầy qua đây một lượt với cô ? Chắc cô cũng người Bình Dương, vì ở trên đó người đẹp nhiều lắm...

Hưng khựng lại một hồi lâu rồi nhìn bao quát cả tiệm, thủng thỉnh trả lời:

-Ờ, ờ, tụi tôi quen nhau từ hồi còn nhỏ xíu, quên mất hỏi coi người tỉnh nào. Chắc Rạch Giá, Cần Thơ, Tây Ninh hay Biên Hoà gì đó. Đợi ngày làm đám cưới thì Việt cộng vô. Hai đứa bị đày đọa khổ sở. Tôi rủ vượt biên, bà không chịu, khăng khăng ở lại.

Hạnh chớp chớp mi mắt, vẻ xót xa, an ủi:

-Thôi, lần lần thầy ổn định đời sống rồi làm giấy bảo lãnh cho cô qua..

Hưng nhăn mặt lắc đầu:

-Cô không chịu đi đâu. Tôi đã viết thư nhiều lần thúc hỏi nhưng không cách gì lay chuyển được. Loay quay một mình buồn quá. Đôi lúc thấy đời sống nhàm chán vô nghĩa. Không lý suốt đời chỉ còn biết có đi làm, đi chơi, đi ăn, đi ngủ...

Rồi Hưng ngậm ngùi:

-Ờ đây một năm sáu tháng giá buốt... Nhìn khi nhìn tuyết rơi ngập trời mà thèm một chút nắng ấm quê hương, nơi đó đã một thời, tôi tìm thấy được mùa xuân.



## Nụ hôn đầu

Không biết tự bao giờ dân xóm Chợ bồng nhận ra ở cạnh dãy phố lụp xụp ngoài bờ sông, gần lò heo có thêm một căn nhà nhỏ. Cột nhà bằng tre chôn chân xuống đất. Bốn vách được đóng vá vúi bằng ván thùng sữa. Đủ loại sữa Tây, sữa Mỹ, sữa Nhật với các hình đầu bò, hình em bé mập xanh đỏ. Người thợ đóng không chuyên môn nên có tám năm xuôi tám quay ngược. Cũng có nhiều chỗ trống trơn đủ để cho chủ nhơn căn nhà khi nào muốn nhìn ra đường thì khỏi phải cần đi ra ngoài chi cho mất công. Bên trong cũng có bàn ghế, giường ngủ và bếp đàng hoàng. Một cái thùng gỗ thông lớn vừa làm tủ đựng đồ đạc, vừa làm bàn viết, trên đó để đầy hộp lon đủ kiểu, đủ cỡ. Cách đó vài bước là bếp nấu ăn với ba cục gạch cháy xám đen chụm đầu vào nhau. Gọi là cái nhà, cái lều hay cái chòi? Làm sao biết! Đó là tất cả gia nghiệp của ông thầy Bảy. Vì quá ít ỏi và không có gì đáng giá nên khi phải đi ra ngoài, ông ta chỉ cần đưa tay khép sơ cái cửa lại là đủ. Nhiều khi say quá, ông để luôn cửa, ngủ luôn tới sáng hôm sau, cũng chưa bao giờ mất mát món gì.

Ông thầy Bảy đến ở đây cũng được đâu chừng chín, mười năm. Dân xóm Chợ từ ngày biết ông đến giờ, lúc nào cũng thấy ông mặc cái áo khoác đen, bên trong có áo sơ mi, chân đi giày. Tuy áo đã cũ mèm, vá cả chục chỗ, đôi giày há miệng để lòi ngón chân cái ra vì không có vớ. Có điều đầu tóc ông lúc nào cũng chải láng mượt. Trong túi luôn luôn có cây lược đỏ bằng cao su được dùng hoài nên lên nước bóng. Thiên hạ gọi ông là thầy vì ông mặc đồ tây, đồng thời gọi là ông vì thấy ông thầy Bảy tuổi đã cao. Người ta cũng đồn đãi với nhau là ông có làm thầy thuốc, nhưng tôi chỉ thấy ông sinh sống với nghề câu cá, câu tôm. Cá tôm ở sông này đâu có nhiều nên ông nghèo rớt mùng tơi.

Tôi với ông thầy Bảy gặp gỡ hình như có duyên tiền định. Buổi đó tôi còn nhớ như in. Một tối mùa hè, trời nóng dữ dội, hai dãy phố chợ như bị hầm trong lò lửa. Tôi xách cần câu ra ngoài cầu tàu để mong hứng được chút gió mát từ sông thổi lên. Cạnh bên có ông già say miệng cứ lè nè, mùi rượu để hôi rình bay nồng nặc. Ngồi cả giờ lâu, không được con cá nào, ông xích lại gần tôi, cất giọng khàn khàn:

-Nè, nè, phải tiên sanh dạy thầy giáo không ?

-Dạ, tôi dạy học trò chớ đâu dám dạy thầy giáo! Mà sao ông biết tôi đi dạy học ?

-Ở cái chợ này, ai tôi cũng biết hết, từ ông Đại tá tính trường cho tới chú lùn bán hủ tiếu ở dưới gốc me. Tiên sanh dạy học ở trường Nguyễn Trãi, ai mà không biết.

Tôi ngạc nhiên thú vị, nhưng cũng hơi giật mình:

-Ông rành cái tình này quá hả! Mà sao hỏi nhỏ tôi không biết, ông ở đâu đến chớ đâu phải góc gác ở đây.

Ông chận cái cần câu xuống dưới mũi giày, thò tay vô trong túi áo móc ra một hộp thuốc rê, vắn một điếu thuốc to bằng ngón tay cái, bật lửa đốt. Mùi thuốc khét lẹt. Ngọn lửa bùng lên soi sáng gương mặt. Cặp mắt sâu nằm ẩn dưới đôi mày rậm, lỗ mũi to đỏ sần sùi, cái cảm nhô hẳn ra khiến khuôn mặt ông đầy vẻ cổ quái.

Bập bập điếu thuốc, ông trả lời:

-Ồi, hơi đâu mà nhớ. Tôi đi khắp mọi nơi, ở đủ mọi chỗ. Trọn miền Nam này chỗ nào tôi cũng đã sống qua. Tiên sanh có bao giờ câu cá miệt Đồng Tháp chưa? Miền Đông này làm sao bì kịp. Rắn, rùa, lươn, ếch tha hồ mà ăn. Còn ở Ngã Bảy, Cạnh Đền thì khỏi nói.

Rồi ông kể một hơi trên cả chục địa danh, nào là Lịch Hội Thượng, Kế Sách, Xẻo Rô, Tắc Vân, Tắc Sậy, Gành Hào, Cái Vừng, Chợ Mới, cù lao Long Sơn... khiến tôi nhớ không hết! Tôi vẫn chưa thỏa mãn câu trả lời nên hỏi tiếp:

-Sao ông không ở miệt dưới cá tôm nhiều để sinh sống hơn. Lên đây ở chi cái đất khô cằn này, nghề câu đâu đủ sống ?

Câu hỏi đúng ngay mạch, ông trả lời tôi một hơi dài:

-Không dẫu gì tiên sanh, tôi còn làm thầy thuốc nữa nên phải đi đó đi đây để giúp đỡ nhơn dân. Nghề thuốc là nghề chánh, còn câu cá là nghề phụ. Tiếc quá, ở cái tỉnh này không ai biết được cái tài của tôi. Không phải nói phách chớ bệnh gần chết, bác sĩ ở nhà thương chạy rồi, bà con khóc lóc mà đi lựa hòm, nếu tin tôi mà uống thuốc thì người đó cũng còn ăn cháo được vài chục năm nữa.

Tôi cười ngất:

-Tại sao ăn cháo mà không ăn cơm ?

Ông ta cười khà khà, quảng cáo tài nghệ:

-Bệnh gần chết mà còn sống được, ăn cháo là mừng rồi. Đòi chi tới ăn cơm. Tiên sanh không biết chớ, bệnh ho lao tôi trị cái một. Mấy ông thầy giáo ưa bệnh này lắm! Có lần ở U Minh Thượng, tôi trị cho thầy giáo Sang, bệnh ho thổ huyết, uống có ba thang, bệnh hết trơn. Nhưng rủi quá, tuần sau đó, thầy Sang bị Tây bố ráp, bắn chết. Thuốc dầu hay cũng không cải được số trời. Năm đó, thầy giáo mới có bốn mươi ba. Tuổi Dần mà lại gặp năm Thân. Dần Thân Tị Hợi, tứ hành xung mà!

Rồi ông chép miệng:

-Nhớ lại tội nghiệp thầy giáo. Suốt đời tận tụy phục vụ nhơn dân. Trường học ở gần phòng y tế, tôi với thầy Sang thương nhau như anh em ruột. Lúc còn trẻ, tôi chữa bệnh nổi tiếng nhờ tổ đái, trị đâu hết đó. Tiên sanh biết không, tôi chuyên trị các bệnh nan y. Bệnh khó mà mình trị được mới hay. Như bệnh ho lao là dễ trị. Bệnh phong xù, bệnh củ trướng, bệnh nhức đầu đông, bệnh cùi, mới khó.

Nghe tới đây, tôi sừng sốt:

-Ông cũng trị được bệnh cùi sao ?

Ông ta trả lời quả quyết:

-Bệnh này tuy khó, nhưng tôi dư sức trị. Chỉ cần uống thuốc liên tiếp một năm, mỗi ngày một thang là hết liền. Nếu chưa dứt căn, bệnh trở lại, tôi châm cứu tiếp thì cam đoan tuyệt nọc.

Tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác:

-Ông cũng biết châm cứu ?

Ông Bả nhìn ra xa, tay nhấp nhấp cần câu không thềm ngó qua tôi:

-Châm cứu dễ ợt, tôi biết từ lâu. Bá phát bá trúng. Hay lắm! Môn châm cứu giúp ích cho người nghèo. Nhơn dân nhờ nó mà sống còn tới bây giờ. Bọn đế quốc, tư bản đâu có biết châm cứu. Hồi đó tôi có viết một cuốn sách truyền bá cho nhơn dân cái toa thuốc căn bản để trị bá bệnh. Phía sau có phần chỉ các huyết đạo. Ở thôn quê có nó thì khỏi lo các bệnh hoại lồi thối. Tôi nhìn qua ông ta, lòng đầy thắc mắc, không biết ông nói thiệt hay nói chơi. Hồi đó là hồi nào? Những danh từ "*nhơn dân, đế quốc, tư bản*" nghe lạ tai quá. Tôi cẩn thận nhìn quanh thấy trên cầu tàu đêm hôm khuya khoắc không còn ai, hỏi nhỏ:

-Nói vậy là lúc trước ông có viết sách thuốc phổ biến cho nhơn dân ?

-Thú thiệt với tiên sanh, lúc còn trẻ tôi ở trong khu, coi việc y tế. Bây giờ già rồi, về thành lầy lắt qua ngày, không làm chánh trị nữa. Mình giúp ích cho đời được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Cuốn sách đó là công trình của tôi góp nhặt các món thuốc hay lạ của đồng bào thôn quê thường dùng. Ban đầu tôi thử đem cho người bệnh uống, kết quả bá phát bá trúng, mấy ảnh hoan nghinh lắm nên đề nghị về trung ương cho phổ biến tận hang cùng ngõ hẻm. Nhơn dân cũng thích dùng cái toa thuốc căn bản này vì cây cỏ dễ kiếm. Ở đâu cũng có, cứ quơ tay ra là đụng.

-Ừa, thuốc gì mà dễ kiếm quá vậy. Hỏi nhỏ chắc ông học thuốc cực khổ lắm ?

-Hồi đó, tôi sống ở nhà quê, có được học hành gì đâu, lặn lội làm thuê làm mướn kiếm sống, hết chỗ này đến chỗ kia. May mắn năm đó tôi làm công cho ông thầy "Xe Kéo", học lóm được chút ít kinh nghiệm. Bệnh ho thì ổng cho uống lá tía tô, bệnh cảm thì uống lá bạc hà, làm kinh thì uống củ sả. Loanh quanh lẩn quẩn tôi thấy có mùi món, bệnh gì cũng dùng được, khỏi mất công lộn xộn chọn tới chọn lui. Khi ra đời hành nghề, tôi bèn gom mùi món đó lại thành một thang cho gọn, bệnh gì cũng sắc uống là hết liền. Do đó anh em thuộc Viện Y Tế Dân Tộc mới đặt tên là toa thuốc căn bản. Các món thuốc đó toàn là cây nhà lá vườn rất dễ kiếm như củ cỏ

gấu, cỏ màn trâu, cỏ chỉ thiên, cỏ lá tre, vỏ quít, củ sả, lá tía tô, rau sam, rau húng cây, rau má...

Thấy toa thuốc của ông cũng hay hay nhưng có điều gì không ổn, tôi lại không rành về y lý nên chẳng dám bàn. Tánh tôi vốn tò mò nên cũng rón hỏi thêm:

-Theo như ông nói thì các bệnh nan y như bệnh cùi, bệnh ho lao, bệnh củ trướng, bệnh phong xù... cũng uống toa thuốc này là hết bệnh ?

-Tùy theo bệnh mà gia giảm thêm vài món, nhưng toa căn bản vẫn là gốc. Bệnh nặng lắm thì phải kiên trì uống thuốc thật nhiều ngày. Ông trời sanh ra cây cỏ cho nhơn dân dùng mà. Cứ lấy cây cỏ nơi mình ở, uống vô là đúng bệnh. Đó là theo lý ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ... Xứ mình là xứ nóng, uống các loại rau cỏ nó mát thì hết bệnh. Chớ thuốc tây nóng lắm, nó được chế ra cho người xứ lạnh. Người mình dùng đâu có hạn. Tiên sanh học xa thấy rộng, nghĩ coi tôi nói đúng không ?

Tôi đáp vội:

-Phải, phải, ông nói rất hợp lý. Tôi cũng thích dùng thuốc bằng thảo mộc, uống vô nghe dễ chịu lắm. Ông quả là bậc lương y nhưng tiếc là gặp phải cái thời mạt pháp nên "*tài bất thắng thời*"!

Rồi tôi chép miệng than thở:

-Lưỡi gươm báu chặt sắt như chém bùn mà bây giờ phải đành để lấy đao trùn... để câu cá!

Nghe tôi an ủi, ông cười chua chát:

-Thiên hạ bây giờ ngày một đảo điên, ối, hơi đâu mà nói. Cũng may tôi trợ trợ một mình, không vợ không con, có cái cần câu này ngày ngày ngồi bên bờ sông, như con cò kiếm tôm kiếm cá.

Nghe ông nói tới đây, tôi chợt nhớ tới câu thơ cổ, buột miệng :

*Tiên sinh sách cư giang hải thượng*

*Tiểu như bệnh hạc thể hoang viên*

Ông vỗ đùi cười hả hê:

-Ờ, ờ, giữa cảnh trời trắng mây nước, tiên sanh nói chữ nho nghe hay quá. Mà hai câu đó nghĩa là gì vậy? Tôi chịu thua ba cái chữ nho, nhờ tiên sanh giải nghĩa, tôi rón nhớ thuộc lòng, nhậu lai rai vô, xỏ nho nghe khoái lắm!

-Dạ, hai câu này của Tô Đông Pha làm lúc ông ở đất Lãnh Nam. Ông tả hoa mai nở, cảnh tuy rất đẹp nhưng thi sĩ cảm khái cuộc đời xế chiều của mình nên ngậm ngùi tiếc nuối. Lúc đó, ông Tô tuổi đã gần sáu mươi. Nếu dịch cho dễ hiểu thì là như vậy: "*Ông thầy sống lênh đênh trên bến nước, cười gượng như hạc bệnh đậu vườn hoang*". Ông thử nghĩ coi, hạc là loài chim ốm o gầy mòn mà lại còn bệnh nữa thì ừ rữ lắm. Đã vậy mà nó còn đậu ở vườn hoang lạnh lẽo thì hết nước nói!

Câu giải đáp đúng ngay tâm sự, ông quơ quơ cái cần câu:

-Đúng quá, đúng quá, tôi là con chim hạc bệnh ngồi câu cá ở cầu tàu...

Tôi cảm thấy mình nói hớ, bèn rào đón:

-Xin lỗi, tôi vô ý giải nghĩa qua loa như vậy không biết có đúng không? Ông coi có chỗ nào sơ sót, sửa dùm lại cho hoàn hảo.

Ông đưa tay ngăn tôi lại:

-Tiên sanh đừng có ngại, có gì mà lỗi với phải. Tiên sanh còn trẻ mà nói chữ nho nghe hay ghê. Tôi cũng phải học thêm vài câu nữa như vậy mới được... để dành đi nhậu với hàng xóm cho đúng điệu nghệ. Phải tiên sanh hỏi chuyện thuốc men thì tôi rành lắm, còn chuyện văn chương chữ nghĩa thì tôi chịu thua...

Đêm đã thiet khuya, gió sông thổi nghe lành lạnh, tôi cuốn dây câu để về. Lúc chia tay, ông nói vói theo:

-Lúc nào tiên sanh có rảnh ghé nhà chơi, tôi cho coi cuốn "Toa Thuốc Nam Căn Bản" in hồi đó, có tên với hình tôi chụp rõ ràng, in ở trang nhứt. Tiếc quá, lúc về thành, lại bỏ mất cái giấy ban khen của Bộ Y Tế...

Từ đó tới sau, tôi quen với ông thầy Bảy. Hình như ông hết thời, công cuộc sanh nhai ngày càng bết bát. Bệnh nhân bây giờ lại ưa dùng các loại thuốc nóng phương tây, cá tôm câu hoài cũng không có được bao nhiêu, khiến ông thầy Bảy vốn đã xác xơ lại càng xơ xác. Cái nhà mưa nắng gây hư mục cũng như tuổi già khiến đầu óc ông khi nhớ khi quên. Tôi cũng không biết làm sao mà ông sống được trong cái thời củi quế gạo châu này. Có lần gặp tôi, ông say khướt, miệng lè nhè:

-Tiên sanh biết không, tôi có giấy ban khen của nhà nước đảng hoàng. Ở miền Nam này tôi hạng nhứt...

Ông ngã tới ngã lui, mắt trợn trắng trợn đục, tay níu lấy xe đạp của tôi, dần mạnh:

-Tiên sanh không tin tôi hả ? Tôi có giấy ben khen của nhà nước đảng hoàng. Ở miền Nam này tôi hạng nhứt, không có thằng nào giỏi bằng thằng già này!

Tôi sợ ông giận, bèn trả lời cho xuôi:

-Ờ, ờ, ông thầy Bảy hạng nhứt, tôi hạng chót. Cả tỉnh này ai cũng hạng chót, hạng bét...

\*\*\*

Ai ngờ câu nói chơi thành ra thiệt. Ngày đó tôi bị cho nghỉ việc vì lúc trước lỗi lầm là đi dạy học cho chánh quyền quốc gia chống lại nhân dân. Cũng may, lỗi nhẹ nên không phải đi học tập lâu ngày. Tự nhiên thất nghiệp, tôi đâm ra lúng túng. Mỗi ngày cầm chén cơm ăn mà xấu hổ. Thân dài vai rộng mà vẫn phải còn nhờ cha mẹ nuôi dưỡng như lúc còn nhỏ, coi sao được. Sau khi đắn đo suy nghĩ về hoàn cảnh của mình, tôi nộp đơn xin học một khóa châm cứu cấp tốc ở chùa Con Ngựa, với dụng ý là tìm nơi ẩn náu cho qua thời buổi nhiễu nhương. Anh Ba Đê trưởng phòng thuốc dân tộc xã, đòi tôi một số tiền lớn, cấp cho một giấy chứng nhận là học viên châm cứu của cơ quan nhà nước. Giấy này có công dụng là được miễn lao động ở khu phố, đồng thời xác nhận tôi là công nhân viên nên ít bị dòm ngó lỗi thôi.

Mỗi ngày tôi phải đến chùa làm các công việc xác thuốc, phơi thuốc và học châm cứu với các bác, các anh có nhiều kinh nghiệm trong nghề. Thấy tôi biết được chữ nghĩa, anh Ba Đê giao luôn cho công việc hành chánh văn phòng. Từ đó, tôi đỡ phải vất vả. Thôi vậy là mừng rồi, số mình còn đỡ hơn bạn bè đồng nghiệp. Tụi nó đũa nào đũa nấy ngất ngư luôn, đâu có tìm được chỗ ẩn thân tốt đẹp như vậy.

Cho tới một ngày, trước cửa phòng thuốc có một hàng xe Huê Kỳ đậu dài. Cả phòng ai nấy ngừng công tác, ngó ra đường để coi. Anh Ba trưởng phòng rồi rít chạy ra đón tiếp quan khách. Trong phòng có người xâm xì:

-Bác sĩ Bộ Trưởng Y Tế của Chánh phủ Lâm thời lên thăm phòng thuốc dân tộc của mình.

Tôi nhìn ra ngoài. Một đoàn người đông đảo tiến vào sân. Loáng thoáng thấy có vài khuôn mặt lạ đi cùng với anh Mười, Phó tỉnh ủy, anh Tám, Trưởng ty Y Tế và một đông cán bộ cao cấp trong tỉnh. Giữa đám người rộn ràng đó là ông thầy Bảy, ông bạn già câu cá của tôi.

Ông thầy Bảy hôm nay thiệt là lạ, quần áo mới tinh. Đầu tóc hớt ngắn gọn gàng. Cái áo veste đen sờn rách được thay bằng áo sơ mi trắng tay dài, cái quần xanh đậm, cổ thắt cà vạt sọc xanh sọc đỏ. Đôi giày đen bóng loáng. Bộ đồ hình như không đúng khổ nên rộng thùng thình. Bước đi của ông vẫn xiêu vẹo như lúc say rượu, dáng điệu rụt rè, ánh mắt mệt mỏi, ngơ ngác. Anh Tám Trưởng ty ân cần dìu ông lên các bậc cửa, cử chỉ chăm sóc như con cái thương yêu cha mẹ già. Ông thầy Bảy được ngồi ở chiếc ghế danh dự giữa phòng, bên cạnh ông Bộ Trưởng. Cái lưng ông còng xuống một phần vì tuổi già, một phần vì được ngồi ở chỗ quá trang nghiêm, ông cảm thấy ngại ngùng nện ké né.

Sau phần chào đón và giới thiệu quan khách của anh Tám Trưởng ty Y Tế, ông Bộ Trưởng ứng khẩu ca ngợi thành quả tốt đẹp mà phòng thuốc dân tộc đã đạt được trong năm qua, đồng thời trình bày lý do và mục đích của ông lên tỉnh này là để rước cụ lương y Bảy về Sài Gòn. Theo ông thì ông thầy Bảy có công trong nền y tế nước nhà. Ông xứng đáng được gọi là vị lão lương y của miền Nam. Tất cả phát minh sáng kiến về ngành thuốc của ông thầy Bảy trong thời kháng

chiến vẫn còn đúng hoàn toàn với đường lối y tế của Đảng và nhà nước ta ngày hôm nay. Ông nói :

-...cộng cái học lực thâm sâu cùng với sự nghiên cứu kỹ lưỡng môn thuốc dân tộc qua một quá trình kinh nghiệm lâu dài của cụ Bảy, nước ta có thể tự hào là đã có một vị lương y tài ba. Bảy giờ đất nước hoàn toàn giải phóng, cụ lương y tuy tuổi già sức yếu nhưng vẫn còn có thể đóng góp sự hiểu biết sâu xa và quý báu về môn thuốc dân tộc bằng cách dạy dỗ hướng dẫn các anh em trẻ trong nghề hoặc viết lại các kinh nghiệm, kiến thức mà cụ thủ đắc được.

Kết thúc bài nói chuyện , ông bộ trưởng cũng không quên kết án bọn nguy quyền cũ đã không biết trọng dụng chăm sóc một bậc kỳ tài để cụ lương y phải nghèo đói khổ sở. Mọi người im lặng nghe. Ai nấy cũng hoang mang vì không ngờ. Riêng tôi thì đã biết tài năng của ông thầy Bảy từ lâu nhưng hơi ngạc nhiên vì sân khấu đã đổi màn mà ông còn được kê trình diễn tiếp tục.

Ông thầy Bảy nghe người ta ca tụng mình, hả hê cảm động. Mặt ông nghếch ra, đôi mắt rơm rớm. Ông rờ lỗ tai, rờ lỗ mũi, rờ râu. Ôi, cái bàn tay sờ sùi vụng về, quen nhấp nhấp cái cần câu mỗi khi bối rối, bây giờ nó dư dả, thừa thãi. Lời ông Bộ trưởng vẫn còn tiếp tục, vang bên tai:

-... nhà nước sẽ rước cụ về bộ để đóng góp sự hiểu biết và sẽ nuôi dưỡng cụ chu đáo cho đến tuổi già để đền đáp công ơn...

Tiếng vỗ tay vang vang. Sau đó, đến phần ông thầy Bảy đáp lời. Ông đứng dậy, dáng lão đảo y như lúc say rượu, quần áo xúng xính. Ông áp a, áp úng nói cái gì không ai nghe rõ. Tôi ngồi ở hàng xa nghe được có câu:

-tôi xin từ giả anh em phòng thuốc dân tộc.

Nói tới đó, ông đi đến từng người, ôm hôn thắm thiết y như các cán bộ cao cấp ôm hôn nhau trong các buổi lễ. Bắt đầu là anh Ba Đê, trưởng phòng, rồi đến ông Tám Vàng, ông Sáu Trầm và các vị y sĩ lớn tuổi. Sau rốt tới tôi. Khi ông đến gần, tôi ngượng ngập đứng dậy, ông vòng hai tay ôm lấy. Tôi ngửi thấy mùi áo mới, mùi thuốc rê hôi nồng, mùi rượu để phảng phất và một mùi gì khó tả. Cái mũi đỏ, to sờn sùi chạm vào má, tôi như muốn nín thở. Tiếng vỗ tay vang dội, có người nói xì xào ở chung quanh:

-Ông thầy Bảy được rước về Sài Gòn cho làm lớn lắm!

Buổi lễ tan, quan khách ra về hết. Phòng thuốc tỉnh mạch trở lại. Ông Tám Vàng lại gần tôi nói nhỏ:

-Đàn ông hun đàn ông kỳ thấy mờ, cái lỗ mũi ông trơn chùi lạnh ngắt, nghe nhột nhột.

Tôi trả lời cười cười:

-Lần đầu tiên tôi được ông già say rượu hun, nghe rờn da gà!

## Rêu phong mấy lớp

*Đình thụ bất tri nhơn khứ tận,  
Xuân lai hoàn phát cựa thời hoa.*

Sáng hôm nay ông Năm nhấp nhòm ngồi đứng không yên. Hết ngồi xuống lại đứng lên. Ông bước chầm chậm lại gần cửa kiếng lớn phía sau nhà, nghiêng mình nhìn xéo qua cái hàn thử biểu để ngoài trời. Ông nhướng mắt rần nhìn cái màu đỏ của thủy ngân, coi nó lên xuống tới mức nào. Có thấy gì đâu, cái lằn đỏ nhỏ xíu, lờ mờ. Tức mình ông lăm bằm, cần nhằn cái thàng con trai út, đã biểu gắn sát sát bên trong cho dễ đọc, để tuốt đặng xa ai mà thấy. Cái xứ gì, thiệt tình! Lạnh gì mà lạnh dữ, hồng biết xuống tới bao nhiêu độ rồi !

Nói xong ông đứng áp lại gần cánh cửa để nhìn cho rõ hơn. Cánh tay trái đụng phải khung

cửa nhôm lạnh ngắt như một khối nước đá, ông rút tay về, quay lại chậm chạp từng bước, từng bước trở về ngồi trên chiếc ghế thấp. Cặp mắt hấp háy nhìn ra ngoài bầu trời xám xịt. Ông thấy cái sân cỏ xanh đã trở thành một bãi tuyết trắng mênh mông. Có chỗ phẳng phiu trắng xoá, có chỗ được xe xúc tuyết ủi gò cao lên như những đụn cát. Cây cối biến đi đâu mất tiêu hết. Mấy bụi hồng bông đỏ như nhung, mấy bụi mẫu đơn bông lớn bằng cái chén kiểu màu trắng màu hường, cái hàng rào bằng cây trúc bá diệp cao cả thước xanh um của mùa hè vừa qua, tất cả hiện giờ bị chôn vùi dưới những đống tuyết.

Ở bên kia rào tu viện, chỉ còn sót lại duy nhất một gốc bạch dương to lớn sừng sững, chơ vơ một mình giữa đám tuyết trắng quạnh hiu, đưa những cành khô thêu lều lên trời. Bên ngoài gió hú từng cơn, tiếng nghe vù vù như có đoàn xe chạy hết tốc lực. Từng lọn tuyết trắng đổ xuống, hột bay ngang, hột bay dọc, hột quay cuộn tròn, lấm tấm bay đầy trời như có ai đó cắc cớ tung một thúng lông ngỗng ra trước gió. Tuyết đã rơi đều đều như vậy từ giữa đêm qua cho tới sáng nay, liên tục không dứt. Chỗ nào cũng một màu thạch cao trắng bạch. Ngồi chưa yên chỗ, ông lại đứng lên đi về phía trước, mắt ngược nhìn cái mái nhà ở phía bên kia sân đã bị tuyết phủ đầy, miệng lách cách:

- Cái điếu này có nước sập nhà. Đồ cái thứ tiền chế, làm bằng cây thông bỏ rệu với vách bằng cạc tông nhét bông gòn, làm sao chịu nổi... làm sao chịu nổi...

Ông thở dài rồi nhìn trời, đáng lo lắng, rồi ngồi xuống:

- Nó mà rơi hoài rơi hũy như vậy, chắc phải sập. Cả nửa thước tuyết đè trên nóc, nặng lắm chớ! Cái xứ nói là văn minh, kỹ nghệ tiến bộ, mà sao kỳ cục quá! Nhà cửa phải làm cho kỹ kỹ chớ. Tại sao không chịu xây cất cho nó đàng hoàng một chút. Tuyết mà rớt thêm chừng vài giờ nữa thì thế nào cũng sập...

Bà Năm đáng người nhỏ nhắn, đang chăm chú theo dõi chương trình ti-vi, chừng như không chịu nổi nữa, bèn cựa nựa:

- Ủ, ừ, sập đâu sập phút cho rồi. Hồi sáng mới tới giờ, nghe ông nói tới nói lui, tội mệt quá! Ông Năm biết là vợ trả lời mình nhưng không rõ bà nói gì. Cái lỗ tai đã nghễng ngảng đâu từ mấy năm về trước, tuy có đeo máy nghe nhưng khi tỏ khi không. Ông đưa tay phải lên điều chỉnh cái nút phát âm gắn sát vành tai, miệng hỏi:

- Bà nói cái gì vậy, tôi nghe không rõ?

Bà gằn giọng. Tuổi đã quá già nên khi nói tiếng run run, cái đầu lắc lắc:

- Hồng có nói cái gì hết á!

Rồi như chừng chưa hết cơn bực bội, bà tiếp:

- Mùa đông ở đây thì có tuyết, chớ có gì lạ đâu mà ông cứ nói hoài, nói hoài!

Ông bèn phân trần, giọng nói thều thào, lẫn trong tiếng xệu xạo của hàm răng giả:

- Thì bà cũng phải để cho tôi nói chớ. Bà coi nè, từ đầu hôm cho tới giờ, ông cứ rớt hoài, rớt hoài, hột nào hột nấy lớn bằng ngón chụm cái... Cái mái nhà bằng cạc tông làm sao chịu nổi. Bê tông cốt sắt còn chưa chắc, nói gì tới nhà tiền chế. Tôi nói mà, thế nào cũng sập!

Bà Năm hứ một tiếng rồi xây lưng qua coi ti-vi, không thềm nghe. Ông tiếp tục lẩm bẩm một mình:

- Gió lớn quá. Ở gần Bắc Cực nên thổi mạnh dữ. Tại có gió nên tuyết rơi mới nhiều. Mà nó rơi nhiều thì nó chất đầy trên mái nhà. Trời ơi! nguy quá, cái điếu này... Phải chi xây bằng bê tông cốt sắt.

Ông e bà vợ cựa nựa nữa, nên chỉ dám nói tới đây thì ngừng ngang, cái điệp khúc "thế nào cũng sập" bị bỏ dở nửa chừng. Nếu không có bà Năm ở đó mà là thằng tư, thằng sáu hay thằng út, những đứa con trai ở gần gũi, thì ông sẽ tiếp tục một cái điệp khúc khác, có thay đổi chút đỉnh. Nhà mình ở Việt Nam cất bằng bê tông cốt sắt chắc lắm, tao tính ít ra phải ở được năm ba trăm năm, mỗi một mưa nắng gì cũng không sợ. Mỗi lần nhắc tới câu "cái nhà mình" ông Năm nhìn ra xa, tuốt trên ngọn bạch dương, lên tận đám mây trắng xám trên trời, cặp mắt đờ đẫn, ngẩn ngơ. Trong tròng đen lò mờ, hình như có vương một làn lệ mỏng. Không phải ông khóc đâu. Đã trên tám mươi tuổi rồi, tuyến nước mắt hầu như cạn khô. Trong đầu ông hình ảnh căn nhà

vuông vuông, xinh xắn hiện ra, rõ ràng từng nét. Căn nhà mà ông đã gom góp công sức, tiền của, mồ hôi, nước mắt, suốt đời cực nhọc mới thực hiện được. Nó không đồ sộ, nguy nga, lớn lao gì nhưng nó là của ông. "Nhà mình" ôi ! hai cái chữ tầm thường đó có tác dụng như nhát búa đập mạnh vào tim vào óc, ông nghe như tê liệt toàn thân. Ông đứng lên hết muốn nổi, ngồi bệt xuống ghế. Trong đầu ông, không còn gì để đáng nhớ. Mặc kệ mùa đông Canada với gió bão lạnh lẽo gào thét bên ngoài cửa kiếng, mặc kệ cây bạch dương chết cứng đứng run rẩy ngoài sân tu viện quanh hiu, mặc kệ những đụn tuyết lem luốc, cao ngùn ngụt bên kia vệ đường, mặc kệ những cây cối, bông hoa rữa mục bị chôn vùi, ông quên quên hết. Chỉ còn một hình ảnh duy nhất mà ông nhớ rất rõ. Rất rõ, từng nét. Cái hình ảnh "căn nhà mình" hiện lên với từng góc cạnh. Những cục đá nghiêng, những viên gạch bể, những lằn nứt nẻ, răn reo ở góc tường, những ổ cắm điện cháy đen, những vòi nước rỉ, những vết loang mốc meo trên trần nhà mưa dột ... ông làm sao quên. Chính tay ông tạo ra nó mà, cũng chính tay ông sửa chữa mà.. Trong cơn mơ mơ, màng màng ông chợt tỉnh, lò dò, đứng dậy đi vô phòng, cái lưng còng xuống, cái chun bước thật chậm.

Ông đưa tay run run mở cánh cửa. Có tiếng đồ vật va chạm, tiếng lục lợi giấy tờ, sổ sách. Hồi lâu, có tiếng ông hỏi vọng ra:

-Hôm đi ra Tân Sơn Nhứt, cái xấp hình tôi soạn cất trong cái hộp sắt tây, tụi nhỏ nó đẹp đâu rồi, tôi không thấy ! Coi chừng mất hết đa !

-Làm sao mà mất được. Ông để đâu thì còn ở đó. Tụi nó đâu có lấy làm gì mấy tấm hình cũ xi, đen thui !

Tiếp theo, bà bèn bình luận :

- Cái gì của ông cũng quý hết ! Thử đem liệng ngoài đường suốt ngày coi có ai thèm lượm không ?

Nghe vợ nói, ông tức mình cãi lại:

-Ai mà đại gì liệng bậy liệng bạ vậy bà ! Từ Việt Nam tôi các ca các cùm đem qua đây có bao nhiêu đó ! Làm mất của tôi là không được đa!

Bà Năm lúng túng trong cái áo ấm bằng len xám dày mo, đứng dậy với tay tắt ti-vi, xô chun vô đôi dép nhung đỏ bầm, lê bước lẹ xep vô phòng bên cạnh, miệng hỏi vói:

-Để tôi vô kiểm lại thử coi tụi nó có đẹp ở đâu không! Mà ông muốn kiểm tấm hình nào?

Ông Năm rần nói lớn để cho vợ nghe:

-Thì cái hình chụp "căn nhà mình" đó, tôi muốn coi lại một chút!

Rồi ông chép miệng thờ dài:

-Tính ra mình đi được vừa đúng một năm. Không biết bây giờ ở bên ra sao rồi! Mấy chậu kiểng không ai tưới, chắc chết khô hết !... Ờ, ờ, bây giờ đang mùa đông, còn một tuần nữa là tới Tết. Cây mai ngoài sân...rồi ai lật lá...để cho nó ra bông đây ?

\*

Cái mặt trời ban sáng còn lấp ló trong mây, chưa lên khỏi nóc nhà ở phía bên kia đường. Cảnh vật còn nhập nhoà tranh tối tranh sáng. Trên các ngọn cỏ bên đường còn mờ mờ sương đọng. Các căn nhà ở hai dãy phố chợ Bình Dương vẫn còn đóng cửa im lìm. Trên đường đã có người gánh hành ra chợ bán, những gánh khoai nặng trĩu, những gánh rau cải, xanh um, tươi mát. Vài chiếc xe ngựa chở đầy bạn hàng máng đầy những giỏ gánh ngổn ngang, móng sắt nhíp lọc cọc, lọc cọc trên mặt đường nhựa đen. Tiếng người nói chuyện, tiếng guốc, tiếng dép, tiếng xe kéo...vang vang trong trong cái im mát của buổi sáng. Sau một giấc ngủ ngắn, phố xá tỉnh lý bắt đầu vươn mình trở lại cái sinh hoạt ồn ào hàng ngày.

Trong nhà ông, bà Năm đã thức sớm hơn thường lệ. Ông đi ra đi vô, coi đồng hồ, miệng thúc giục:

-Coi chừng loay hoay, trễ hết ngày giờ. Ông thầy đã dặn đi dặn lại, tuổi tôi với tuổi bà, năm nay mà cát nhà thì phải cúng vào giờ Thìn, để qua giờ khác là xấu lắm. Cả năm nay chỉ có được ngày này là tốt thôi. Qua cái giờ đó là phải chờ năm tới !

Rồi ông thúc hỏi:

-Mấy đứa nhỏ chuẩn bị nhang đèn, bông hoa đủ chưa ?

Trong bếp tiếng nước sôi rì rào, tiếng dao chặt thịt lộp cộp, tiếng đĩa chén chạm nhau, mùi cà phê bốc lên ngào ngạt. Có tiếng bà Năm nói với con gái:

-Con luộc cho má miếng thịt ba rọi để trong đĩa, nhớ bỏ luôn cái hạt vịt theo. Còn tôm thì để khi gần xong chỉ cần nhúng vô cho chín rồi lấy ra liền... Cúng thần thánh phải đủ bộ tam sên mới được.

Quay qua thằng con trai lớn, bà dặn:

-Con đi lấy cái lục bình, rửa sạch để cắm bông cúng. Mà, giờ Thìn là mấy giờ vậy ông ?

Ông Năm lầm bầm:

-Giờ Thìn, giờ Thìn...một giờ của Tàu là hai giờ của Tây... Ủ, ừ, để mà ! Giờ Ngọ là mười hai giờ trưa. Minh tính trở ngược lại, Thìn, Tỵ, Ngọ.... vậy là đúng tám giờ sáng.

-Tới tám giờ sáng lận hả ! Phần tôi coi như xong rồi. Thôi, ông lo mặc quần áo, khăn nón đi là vừa... Nhớ khăn vái cho kỹ. Thằng tư với thằng sáu, hai đứa bày khiêng cái bàn qua bên đất, để ở chính giữa, rồi bày biện đồ để cúng. Hôm nay cúng đất đai dương trạch để cất nhà mới. Phải thành tâm kỹ càng nghe con...thì mới ăn ở bình yên, làm ăn khá giả. Nhất là tao mong cho nó vững bền... để lại tới đời tụi bây, rồi tới đời con tụi bây...

Thằng tư cười khì khì:

-Má lo xa chi cho mệt vậy. Bền vững chắc chắn thì có ông kiến trúc sư tính kỹ rồi, má ơi ! Còn muốn hoà thuận, yên vui thì tụi này không oánh lộn nữa, vậy là huề.... Thôi khỏi cúng, mắc công quá mà. Cái bàn làm bằng thứ cây gì mà nặng quá sức, khiêng muốn cụp xương sống đây nè !

-Cái thằng làm biếng nhót thây, ăn nói tầm bậy tầm bạ hết sức, hổng nên nghe con, lẹ lẹ đi cho kịp giờ. Ba mày đóng bộ xong hết rồi kia...

Ông Năm đi rào một vòng, nhìn miếng đất trống phẳng phiu, quang đảng, trong bụng vừa ý hết sức. Phía trước mặt là công viên thành phố, khoảng khoác, xinh xắn. Phía sau hơi xa là một dãy đồi cao, thấp thoáng qua các rặng cây sao, cây dầu cao vút, là nóc toà hành chánh với dinh tỉnh trường lờ mờ... Y như cảnh núi Khu Tượng, nơi mà ông đã sống qua thời thanh xuân. Ông "đụng" bà Năm ở đó, rồi sanh được ba đứa con đầu lòng ở bên bờ sông Dương Đông. Đảo Phú Quốc ở vịnh Xiêm La, cái hòn đảo nhỏ, bốn bề sóng vỗ rì rào. Tụi nhỏ đã hít thở cái không khí nồng mặn của muối, đen đũi phong sương giữa nắng gió trùng dương. Quanh nhà toàn là những thân dừa cong vẹo, ngả nghiêng, tàu lá xơ rơ vì gió bão. Cái giếng nước phía sau đồ lờ lợ vì nước rế dừa tiết ra. Những ngày mưa dai dẳng nhìn lên dãy Khu Tượng thấy dạng núi lờ mờ trong sương khói, giống như hình con voi nằm phục. Trước là đầu voi với cái vòi cong vòng, sau là đuôi voi với hai chụm sau quỳ xuống, cái lưng mập phình ra mà dài. Trên đó người ta làm rẫy, trồng tiêu với trồng sầu riêng... Đất đai trù phú, phong thổ phì nhiêu, đẹp đẽ như vậy, vì thời cuộc ông phải đành đoạn bỏ hết mà đi.

Bây giờ về đây cư ngụ, ông phải gầy dựng lại tất cả với hai bàn tay trắng. Đất cũ đãi người mới. Ông lờn hơn vì có được thêm năm đứa con nữa. Thôi, đời ông vậy là yên nơi yên chốn rồi, không phải đi đâu nữa. Nhất định ở luôn tại cái tỉnh nhỏ này. Ông phải tiện tặn, dành dụm, làm việc siêng năng, để mong cất được một căn nhà làm cái tổ ấm cho gia đình. Phòng của ông bà ở chính giữa, tám phòng của tám đứa con phải ở chung quanh, để tụi nó lúc nào cũng quay quần, sum họp bên ông. Bàn thờ của tổ tiên dòng họ ở trên lầu. Con cháu ông sẽ nối tiếp cái công trình này dài lâu một trăm năm, hai trăm năm...

Ông mỉm cười tươi tỉnh, trang nghiêm, bật hộp quẹt, đốt đèn cầy, cắm trên hai cái chụm bên lư hương bằng đồng sáng trưng. Ông đưa tay lấy bó nhang mới, xé bao lấy ra ba cây. Thật khoan thai, ông châm vào ngọn lửa. Mùi nhang trầm thơm, toả ra, quyện vào mùi long não



hăng hắc của chiếc áo dài đen nổi bông hình chữ thọ, cái khăn đóng bằng sa mỏng, vắn thành nhiều vòng vừa lấy ra trong tủ áo. Nắng đã chiếu sáng cả khu đất trống. Từng tia nắng vàng chanh quét trên đám cỏ dại um tùm, mùi đất hăng hăng. Ông thoáng thấy chú hai Lung, người cai thầu và đám thợ vừa tới. Xe cộ, dụng cụ ngổn ngang, nào xẻng cuốc, nào dây nhợ, người ta chất đầy chật cả lối đi. Mặt tươi tỉnh hy vọng, ông cầm nhang chấp hai tay lên đầu, miệng khấn lâm râm:

-Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật.... Nay tôi khấn đất nước ông bà trong kiềng sớ làng Phú Cường này, gồm Thổ Công, Thổ Trạch, Thổ Địa, Thổ Thần, Chúa Xứ, Sơn Thần, Thủy Thần...

Vái tới đây tự nhiên ông thấy làn khói nhang xám trắng đương bốc vươn lên cao, bỗng cuộn tròn rồi tạt ngang. Một luồng gió ở đâu đó thổi qua lạnh ngắt, ngọn đèn cầy nhỏ lại lờ mờ như muốn tắt. Ông sợ quá, khom lòng bàn tay che gió. E rằng chưa đủ, ông kêu lên:

-Chú hai, chú hai gió lớn quá, lại phụ tôi một tay!

Chú hai Lung chạy lại, đứng chắn lấy làn gió nghịch. Ngọn đèn từ từ lớn hơn và sáng tỏ trở lại. Ông Năm bình tâm khấn tiếp:

-Tôi vái tất cả năm vị ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Đông phương Giáp Ất Mộc, Nam phương Bính Đinh Hoả, Trung ương Mậu Kỷ Thổ, Tây phương Canh Tân Kim, Bắc phương Nhâm Quý Thủy, tám vị bát quái Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài... Quý ông thực như phong, hành như võ...

Câu khấn vái dài quá, ông ngừng lại một hơi để thở. Cả không gian chung quanh, ông quên quên hết. Trong đầu chỉ còn một niềm thành kính vô biên. Sau câu khấn, trong ánh sáng lung linh của cặp nến đỏ, mùi trầm ngào ngạt của khói hương, ông như cảm thấy tất cả những vị thần linh mà ông vừa nhắc, tề tựu đông đủ. Có người mặt đỏ, người mặt đen, mặt trắng, mặt xanh, với áo bào, mũ mấn sắc sỡ, uy nghi. Tất cả tọa ngự ở trên bàn thờ, nhìn xuống ông yêu thương triều mến, dáng vẻ sẵn lòng bảo hộ, giúp đỡ, lắng nghe lời cầu nguyện. Ông sung sướng quá, rần mà nhớ những điều mong ước hầu nói lên hết cho đủ. Các vị này sẽ giúp ông cho được như ý... Ông lâm râm khấn tiếp, giọng rõ ràng hơn:

-Ngũ hành phân bát quái, tám hướng định quân thần. Hoả Thần làm chủ tế, ám lạnh nhờ ông. Nay tôi xin phép để cất một cái nhà trên miếng đất này, để cho vợ chồng tôi, cùng mấy đứa con ở, làm ăn bình yên mạnh giỏi...

Khấn tới đây, ông bỗng nhớ tới lời bà Năm dặn dò, ông lập lại:

-Cho vợ chồng tôi cùng mấy đứa con, rồi mấy đứa cháu, ...rồi tới cháu của cháu tôi, nối tiếp hoài hoài... không đứt... được ăn ở bình yên mạnh giỏi, vô tai tịnh sự, điều lành đem tới, điều dữ lánh xa, quan thương dân chuộng, kẻ yêu người trọng, tà ma kinh khiếp, quỷ mị kiêng oai... Khấn tới đây, ông thấy đã là quá đủ, không nên đòi hỏi xin xỏ nhiều hơn nữa. Cũng như mọi người, ông cũng mong ước được giàu sang, phú quý, con cái hiển đạt, làm quan làm quyền... Nhưng ông nghĩ cúng kiếng với thần linh, cầu được bình yên mạnh khoẻ là quá đáng rồi, không nên để thần thánh khi dễ vì mình quá tham lam. Ông bèn xá ba xá, cầm nhang vô một cái ly nhỏ đựng đầy gạo trắng. Ông lùi ra sau vài bước, phủ phục xuống lạy ba lạy. Không gian như lắng đọng xung quanh. Tim ông đập mạnh hơn bình thường. Hai lòng bàn tay ông ướt đầm mồ hôi. Ông sung sướng trong niềm xúc động bồi hồi. Ánh nắng vàng tươi sáng rờ rờ, chan hoà trên mọi lối. Nhìn lên bàn thờ ông thấy các thần thánh cùng ông bà tổ tiên trong dòng họ như nhìn ông mỉm cười, gật đầu chấp nhận lời khấn nguyện.

Năm nay ông vừa đúng năm mươi tuổi, cái tuổi mà Đức Khổng Tử cho là biết được mạng trời. Trời quả đã thương ông thiệt tình! Cha mẹ mất sớm, lăn lóc ra đời trong lứa tuổi còn nhỏ xíu, ông đã trải qua biết bao nhiêu cay đắng và khổ nhục. Con đã đông mà nhà lại nghèo, ông và vợ lo trong lo ngoài, tiện tặn dành dụm, mãi cho tới nay mới đủ tiền cất một cái nhà để ở. Cái nhà ước mong của cả một đời người... Ừ, phải, cả một đời người!

Ông đứng dậy mặt sáng rạng rỡ. Quay qua người cai thầu, ông nói:

-Chú hai, chú hai ! chú cũng nên khẩn với quý vị thần hoàng bản thổ để cho công việc xây cất trôi chảy, thợ thuyền được phò hộ bình yên!

Chú hai Lung nghiêm trang gật đầu, đứng vào chiếu đốt nhang, cung kính. Ông Năm bước ra phía ngoài đường cái, đứng bên cây cột đèn, nhìn trở vô coi đám thợ đương đóng cọc giăng dây để đào móng. Bà Năm đứng kế đó, gặp ông bèn hỏi:

-Ông khẩn vái cúng kiếng xong hết rồi hả ?

-Ừ, ừ, xong rồi, đủ hết !

Bà mỉm cười, mãn nguyện sung sướng. Bất thành linh bà nghĩ tới một chuyện thế nào ông cũng không để ý, lo quá bà níu lấy tay áo dài của ông:

-Ông có trình với quý vị ông tên gì, mấy tuổi, cư ngụ ở đâu không ?

Ông Năm vỗ trán bối rối, kêu lên:

-Thôi rồi, lo nói đủ thứ chuyện mà quên mất việc trình tên trình tuổi, tôi không có nói chỗ đó !

Bà Năm dậm cẳng cần nhần:

-Có bao nhiêu đó mà cũng quên, rồi làm sao mấy ông biết ai mà phù hộ. Thành ra mấy lời khẩn vái kể như bỏ. Công trình mẹ con tôi cực khổ từ khuya cho tới giờ...

Ông Năm thất vọng, buông xuôi hai tay, không nói không rằng, đứng nhìn xe cộ người ta xuôi ngược trên đường. Hồi lâu, ông quay qua nói như an ủi bà nhưng thiệt ra là cho ông:

-Chắc không sao đâu bà. Thần thánh linh thiêng, các ngài biết hết. Tôi có nói xin phép cất nhà cho cả gia đình tôi ở... Mấy ông phải biết tôi là ai chứ, nếu không biết sao gọi là thần, bà khỏi lo. Bà thấy tôi nói có đúng không ?

-Không đúng cũng phải đúng. Ông nói cái gì cũng phải hết. Tôi cãi đâu có lại ông. Mà ông có nhớ khẩn xin ở cho được lâu, thiệt lâu không ?

Mặt ông Năm tươi rói:

-Có chứ, không có sao được. Tôi nói chỗ đó rõ lắm mà, tới hai lần. Tôi cầu cho cả gia đình ăn ở mạnh giỏi, tới đời con, đời cháu, đời chắt, đời chít... Bà yên tâm đi !

\*

Ông Năm sau khi cầm tấm hình cái nhà vừa lục lọi ra được, trở về ngồi trên cái ghế nệm. Bên ngoài bão tuyết vẫn thổi rào rào, những hạt tuyết tròn bay tung đầy trời. Ông có sá gì cái mực thủy ngân lên hay xuống tới bao nhiêu đâu. Bây giờ trong đầu ông là cái miếng đất với căn nhà ở đó có nắng ấm, có cây cối xanh tươi, có cả một đoạn đời dài mà ông đã sống qua. Ông thương yêu nó biết bao nhiêu. Vậy mà phải bỏ đi đành đoạn. Ông phải làm đơn để xin hiến cho nhà nước... Căn nhà mà ông ước mong lâu bền tới đời con, đời cháu, đời chắt, đời chít, được chú hai Lung cất bằng bê tông cốt sắt, bây giờ nó chỉ còn lại có chút xíu, nhẹ hững. Nó còn lại trong tấm hình nhỏ bằng bàn tay, màu đen trắng loang lổ, vàng ố, lờ mờ. Ông chỉ thấy được cái mặt tiền với hai cái khung cửa sắt kéo nặng nề, cái lan can trên lầu có để con voi với chậu bông sứ Thái Lan. Còn phía sau với khu vườn có cây nhãn, cây mận, cái cổng sắt kiên cố cùng bụi tre ngà, ông không thấy gì hết. Ông rán hỏi với qua phía trước:

-Bà ơi! Hôm trước thằng Hoàng mới qua được đây, có nói gì về cái nhà của mình không, bây giờ nó ra sao rồi ?

Giọng bà Năm trả lời, chậm chạp nhè nhẹ:

-Ờ, ờ, tôi quên nói với ông, bữa trước gặp nó, có hỏi thăm cái nhà. Nó nói bây giờ người ta lấy làm Hợp Tác Xá than củi, nước mắm, dầu hôi, tèm lem tuốc lốc lắm !

Ông Năm kêu trời, than nhỏ nhỏ:

-Rồi mấy cây nhãn, cây mận của tôi ? Còn cây mai già giữa sân nữa ?

Bà Năm tiếp tục nói, giọng bình thản:

-Cái vườn phía sau họ chặt trụi lụi hết, làm chỗ đậu xe cam nhông, bụi đất mù trời. Tụi tài xế bộ đội phóng uế bừa bãi, bà con lối xóm bực mình lắm mà không ai dám nói gì.

Ông Năm ngồi dán người xuống ghế, lỗ tai lủng bùng. Ông thấy những biểu ngữ giăng giăng, những rùng cò đỏ sắt máu, những đoàn người mặt đầy hận thù tràn vào tỉnh lỵ, tiếng nhạc đập ùng ùng chói tai. Ông thấy rất rõ những đứa con ông, những đứa cháu ông lần lượt bị bắt giam. Ông thấy tận mắt người ta bị bắt giết, đánh đập, giam cầm... Ông thấy những cảnh chia ly, đầy đọa, tang tóc, khổ đau. Ông thấy được những việc, những người mà cả đời chưa bao giờ được thấy qua. Tất cả đều quá lạ lùng, không thể nghĩ đến nổi. Xã hội mới, đất nước đổi mới là vậy đó sao ? Ông có quá lỗi thời, cũ kỹ, già nua ? Cái nhà bê tông cốt sắt trong đầu quay mòng mòng, tấm hình trong tay rơi xuống đất nhẹ đến nỗi không nghe tiếng. Bên tai, ông nghe tiếng vợ móm mém, nói văng vẳng khi gần khi xa:

- À, nó nói cái năm mà vợ chồng mình hiến nhà cho nhà nước để được đi đó, hồi chưa bị chặt thì cây mai trở bông nhiều lắm, rụng vàng cả đường đi!

Ông Năm bất động, hồi lâu tỉnh lại nói nhỏ:

-Tại sao mình đi mà nó lại không biết, trở bông chi cho nhiều vậy! Tại sao vậy ? Nó không biết thương tôi với bà sao mà... Hay là nó chưa biết nhà đã đổi chủ từ lâu !

1987